

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VÕ NGỌC BÍCH

**VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC VIỆT NAM
VỀ VẤN ĐỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀO GIÁO DỤC
Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA
CHO THANH NIÊN NƯỚC TA HIỆN NAY**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**2014 | PDF | 136 Pages
buihuuhanh@gmail.com**

Đà Nẵng - Năm 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

VÕ NGỌC BÍCH

**VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC VIỆT NAM
VỀ VẤN ĐỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀO GIÁO DỤC
Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA
CHO THANH NIÊN NƯỚC TA HIỆN NAY**

Chuyên ngành : Triết học
Mã số : 60 22 80

LUẬN VĂN THẠC SĨ
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. TRẦN NGỌC ÁNH

Đà Nẵng - Năm 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

VÕ NGỌC BÍCH

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp nghiên cứu	4
5. Bố cục đề tài	4
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu	4
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC TRONG TƯ TUỞNG TRIẾT HỌC VIỆT NAM.....	9
1.1. TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC VIỆT NAM VỀ VẤN ĐỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC.....	9
1.1.1. Tư tưởng độc lập dân tộc trong thời kỳ Văn Lang – Âu Lạc	10
1.1.2. Tư tưởng độc lập dân tộc trong thời kỳ Bắc thuộc (Từ cuối thế kỷ II TCN – nửa đầu thế kỷ X)	12
1.1.3. Tư tưởng độc lập dân tộc trong thời kỳ xây dựng quốc gia phong kiến độc lập (Thế kỷ X – thế kỷ XIX)	14
1.1.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc	29
1.2. GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC VIỆT NAM VỀ VẤN ĐỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC	40
1.2.1. Giá trị lịch sử.....	40
1.2.2. Hạn chế lịch sử.....	43
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1.....	46

CHƯƠNG 2: NHẬN THỨC CỦA THANH NIÊN VỀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA HIỆN NAY	47
2.1. BỐI CẢNH ĐẤT NƯỚC VÀ YÊU CẦU CỦA VIỆC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	47
2.1.1. Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay	47
2.1.2. Bối cảnh thế giới và những cơ hội, thách thức	53
2.1.3. Vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc trong giai đoạn hiện nay	56
2.2. VAI TRÒ VÀ THỰC TRẠNG NHẬN THỨC CỦA THANH NIÊN ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	60
2.2.1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc là của toàn dân, toàn xã hội	60
2.2.2. Trách nhiệm của thanh niên với việc bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc trong giai đoạn hiện nay	62
2.2.3. Thực trạng nhận thức của thanh niên về vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc hiện nay	66
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2	77
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC VIỆT NAM VỀ VẤN ĐỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀO NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA CHO THANH NIÊN NƯỚC TA HIỆN NAY	78
3.1. PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN NHẪM NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA CHO THANH NIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY	78
3.1.1. Nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia thông qua việc đưa thanh niên tham gia các hoạt động xã hội	78
3.1.2. Giáo dục vị thế và trách nhiệm của thanh niên đối với Tổ quốc	80

3.1.3. Nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thanh niên trên cơ sở kế thừa những giá trị truyền thống của dân tộc	82
3.1.4. Chú trọng công tác giáo dục tư tưởng, kết hợp hài hòa lý trí và tình cảm cách mạng	84
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA CHO THANH NIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY	87
3.2.1. Giải pháp về giáo dục truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc	87
3.2.2. Giải pháp về tổ chức hoạt động thực tiễn nhằm nâng cao ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và chủ quyền quốc gia cho thanh niên	91
3.2.3. Giải pháp về giáo dục và định hướng tư tưởng chính trị cho thanh niên	99
3.2.4. Giải pháp về tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa	103
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3.....	106
KẾT LUẬN	107
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	109
QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI LUẬN VĂN (Bản sao)	
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Với bề dày truyền thống chống giặc ngoại xâm, hơn ai hết, người Việt Nam ý thức rõ chân lý “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”. Độc lập dân tộc là khát vọng và là quyền của mọi quốc gia, dân tộc. Nó khẳng định chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và sự bình đẳng của quốc gia này với quốc gia khác trên thế giới. Chân lý bất hủ ấy trở thành mục tiêu để dân tộc ta đứng vững trước các thế lực ngoại xâm. Điều này không chỉ có ý nghĩa đối với Việt Nam mà còn là động lực thôi thúc mỗi quốc gia trên thế giới nêu cao ý thức bảo vệ chủ quyền. Chính vì vậy, độc lập dân tộc trở thành vấn đề thu hút sự quan tâm của bất kỳ quốc gia nào, đồng thời cũng là nội dung được nhiều nhà tư tưởng quan tâm nghiên cứu, trong đó có các nhà tư tưởng Việt Nam.

Thế nhưng, đã có một thời kỳ, xuất phát từ nhiều nguyên nhân chúng ta chưa quan tâm đúng mức đến việc nghiên cứu tư tưởng triết học Việt Nam. Do Việt Nam thường xuyên đối đầu với các thế lực ngoại xâm, nên thời gian nghiên cứu hết sức khó khăn vì phải tập trung toàn lực vào các cuộc kháng chiến. Bước vào thời kỳ đổi mới, lĩnh vực này cần được chú ý đến hơn bởi nó giúp chúng ta hiểu chính chúng ta.

Như đã biết, Việt Nam có một kho tàng văn hóa, tư tưởng vô cùng phong phú, đa dạng. Kho tàng ấy chứa đựng cả hình ảnh của một dân tộc, cả truyền thống, phong tục của người Việt và cả một hệ thống tư tưởng triết học. Nếu như các nước phương Tây có hệ thống triết học đồ sộ, Trung Quốc với tư tưởng Khổng – Mạnh, Ấn Độ với tư tưởng Phật giáo thì ở Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước đã làm nên nét đặc sắc trong hệ thống tư tưởng triết học của mình. Phải chăng, chính truyền thống gia đình, quê hương, đất nước là nơi

khởi thủy những tư tưởng, triết lý vô cùng quý báu ấy, được đi vào đời sống, ý thức của người dân Việt Nam.

Là một nước đi sau, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội với điểm xuất phát thấp, nhân dân Việt Nam nhận thức rõ vị trí, vai trò của mình trong bối cảnh quốc tế, nêu cao tinh thần tự tôn dân tộc, tôn trọng nền hòa bình của mọi quốc gia trên thế giới. Bởi lẽ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ là Quyền dân tộc cơ bản và được quy định trong Hiến pháp Việt Nam và luật pháp quốc tế.

Hơn nữa, độc lập dân tộc còn là tiền đề và nền tảng để chúng ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đảng ta cũng quán triệt quan điểm “*Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*”. Đây là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, là mục tiêu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta phấn đấu xây dựng.

Ngày nay, sự phát triển của nền kinh tế thị trường, xu hướng hội nhập, hợp tác quốc tế tạo ra nhiều cơ hội lẫn thách thức lớn cho các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước chậm phát triển. Nhiều vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội phát sinh như chạy đua vũ trang, chiến lược diễn biến hòa bình, nguy cơ chiến tranh hạt nhân, tranh chấp biển đảo, suy thoái đạo đức, lai căng văn hóa... đòi hỏi mỗi quốc gia, dân tộc cần đứng vững, khẳng định chủ quyền của mình trên trường quốc tế nếu không muốn bị hòa tan và bị chi phối bởi các nước lớn hơn. Tình hình trên đặt ra yêu cầu cho mọi công dân cần nâng cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của mình đối với đất nước. Đặc biệt là đối với thế hệ trẻ cần phát huy truyền thống cha ông, tiên phong trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xứng đáng là những chủ nhân tương lai.

Với ý nghĩa đó, việc giáo dục và nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho mọi công dân có vai trò hết sức khẩn yếu. Trong đó, thế hệ thanh niên cần được nhận thức và giáo dục đầy đủ ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Từ những lý do trên, tôi chọn đề tài “*Vận dụng tư tưởng triết học Việt Nam về vấn đề độc lập dân tộc vào giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thanh niên nước ta hiện nay*” làm luận văn tốt nghiệp thạc sĩ của mình và hy vọng góp phần xây dựng niềm tin, ý thức cho thanh niên nói riêng, người dân nói chung trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia giai đoạn hiện nay.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: Trên cơ sở nghiên cứu tư tưởng triết học Việt Nam về vấn đề độc lập dân tộc và thực trạng nhận thức của thanh niên đối với vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia trong giai đoạn hiện nay, luận văn xây dựng một số phương hướng và giải pháp nhằm góp phần giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thanh niên.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Nghiên cứu tư tưởng triết học Việt Nam về vấn đề độc lập dân tộc trong tiến trình lịch sử Việt Nam mà trọng tâm là thời kỳ xây dựng quốc gia phong kiến độc lập.

- Nghiên cứu thực trạng nhận thức của thanh niên về vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia trong giai đoạn hiện nay.

- Xây dựng những phương hướng và giải pháp nhằm góp phần nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thanh niên Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu tư tưởng triết học Việt Nam về vấn đề độc lập dân tộc và thực trạng nhận thức của thanh niên về vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia hiện nay.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn không đề cập toàn bộ tư tưởng triết học Việt Nam mà đề tài chủ yếu đi sâu vào nội dung tư tưởng triết học Việt Nam về vấn đề độc lập dân tộc gắn với thời kỳ xây dựng quốc gia phong kiến độc

lập, qua đó, vận dụng vào giáo dục và nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thanh niên nước ta hiện nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử; kết hợp các phương pháp: quy nạp và diễn dịch, phân tích và tổng hợp, logic và lịch sử, đối chiếu và so sánh, điều tra xã hội học, kết hợp lý luận với thực tiễn.

5. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn gồm 3 chương và 6 tiết.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam, tư tưởng về vấn đề độc lập dân tộc là đề tài thu hút sự quan tâm của nhiều nhà tư tưởng. Mỗi nhà tư tưởng đều đưa ra những cách lý giải khác nhau, đều đứng trên những lập trường, quan điểm riêng gắn với từng giai đoạn lịch sử nhưng phải thừa nhận sự đóng góp của họ cho đất nước, cho nhân loại và cho những ai quan tâm nghiên cứu bộ môn này.

Nghiên cứu về tư tưởng triết học Việt Nam, đã có một số sách được xuất bản. Quyển sách *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 1, tác giả Nguyễn Tài Thư chủ biên, Nxb, Khoa học xã hội – Hà Nội, năm 1993 đã trình bày đặc điểm lịch sử xã hội và hệ tư tưởng Việt Nam từ thời nguyên thủy đến thế kỷ XVIII. Qua đó, tác giả phân tích nguồn gốc hình thành tư tưởng Việt Nam và quan điểm của một số nhà tư tưởng thời kỳ này.

Quyển sách *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 2 do GS.TS. Lê Sỹ Thăng biên soạn, Nxb, Khoa học xã hội – Hà Nội, năm 1997 trình bày sự phát triển hệ tư tưởng phong kiến Việt Nam, tư tưởng Việt Nam trước một số vấn đề của thực tiễn bảo vệ Tổ quốc nửa cuối thế kỷ XIX và một số tư tưởng canh tân Việt Nam. Cũng giống như tập 1, tác giả đi theo lộ trình dựa vào từng giai

đoạn lịch sử để tổng kết tư tưởng. Trong phần tư tưởng Việt Nam trước một số vấn đề của thực tiễn bảo vệ Tổ quốc nửa cuối thế kỷ XIX, tác giả tập trung phân tích vấn đề chủ quyền quốc gia và đường lối trị nước của triều Nguyễn.

Quyển sách *Lịch sử tư tưởng Việt Nam, Văn tuyển*, tập 1 của Viện Triết học, Nxb, Chính trị Quốc gia - Hà Nội, năm 2002 là công trình nghiên cứu tư tưởng Việt Nam từ đầu công nguyên đến cuối thời Lý. Trong đó, khi đề cập các nhà tư tưởng, cuốn sách đã trình bày khá chi tiết và logic về sự hình thành tư tưởng Việt Nam.

Những cuốn sách trên là công trình khảo cứu tư liệu khá sâu sắc, đầy đủ, có sự kết nối logic với từng giai đoạn lịch sử, trong đó tư tưởng về vấn đề độc lập dân tộc có ý nghĩa xuyên suốt toàn bộ lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Bàn về triết học Việt Nam, phần lớn các nhà nghiên cứu đều thừa nhận Việt Nam có tư tưởng triết học, nhưng triết học với tư cách là bộ môn khoa học độc lập thì vẫn còn nhiều tranh cãi. Tuy vậy, GS.TS. Nguyễn Hùng Hậu đã viết cuốn sách với tên gọi *Đại cương triết học Việt Nam*, Nxb, Thuận Hóa – Huế, năm 2005. Cuốn sách trình bày tư tưởng triết học Việt Nam từ khởi nguyên đến năm 1858, nội dung chủ yếu trình bày một số nhà tư tưởng ở những giai đoạn chính trong lịch sử nhưng chưa thật toàn diện và sâu sắc.

Bàn về truyền thống yêu nước, bản sắc dân tộc, ý thức tự tôn dân tộc cũng là đề tài thu hút sự quan tâm của nhiều tác giả. Cuốn sách *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam* của GS. Trần Văn Giàu, Nxb, Khoa học xã hội – Hà Nội, năm 1980 đã miêu tả thật rõ nét những giá trị truyền thống của dân tộc Việt, là cuốn sách mang đến cho xã hội ngày nay một hệ thống giá trị đẹp nhất. Thật ra, một số tác giả cũng đã nghiên cứu lĩnh vực này nhưng ít có tác giả nào đi phân tích giá trị truyền thống đầy đủ như GS. Trần Văn Giàu.

Bên cạnh đó, là một trong những nhà nghiên cứu hàng đầu về văn hóa Việt Nam, GS. Trần Ngọc Thêm là tác giả của tác phẩm *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb, TP. Hồ Chí Minh, năm 2001 đã phân tích về truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc Việt, là nội dung mang tính cốt lõi và nền tảng lý luận để giải mã hàng loạt các hiện tượng văn hóa trong quá khứ và hiện tại của Việt Nam. Đây cũng là nguồn tài liệu quý phục vụ nghiên cứu tư tưởng triết học Việt Nam.

Muốn hiểu tư tưởng triết học đòi hỏi phải nắm được lịch sử xã hội. Một số cuốn sách lịch sử cũng là tài liệu cần thiết phục vụ cho việc nghiên cứu tư tưởng triết học Việt Nam như: *Biên niên sử Việt Nam* do Đỗ Đức Hùng biên soạn, Nxb, Thanh niên – Hà Nội, năm 2002; *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, tập 1 của tập thể tác giả do Trương Hữu Quỳnh chủ biên, Nxb, Giáo dục - Hà Nội, năm 2006; *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, tập 2 của tập thể tác giả do Đinh Xuân Lâm chủ biên, Nxb, Giáo dục - Hà Nội, năm 2006; *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, tập 3 của tập thể tác giả do Lê Mậu Hãn chủ biên, Nxb Giáo dục – Hà Nội, năm 2013; *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1 của Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Nxb, Khoa học xã hội - Hà Nội, năm 2009. Những cuốn sách này giúp chúng ta nắm bắt lịch sử Việt Nam, từ đó có cách đánh giá các tư tưởng triết học gắn liền với từng thời kỳ, từng giai đoạn.

Nhiều tác giả đã có công trình nghiên cứu chuyên sâu về tư tưởng “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”. Quyển sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của tập thể tác giả do Hoàng Trang, Phạm Ngọc Anh chủ biên, Nxb, Lao động – Hà Nội, năm 2003 đã khái quát quá trình hình thành và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam mà cụ thể là nội dung tư tưởng triết học Hồ Chí Minh. Công trình nghiên cứu này thể hiện tính phát triển tư tưởng triết học Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh, trên cơ sở kế thừa tư tưởng của dân tộc và tiếp thu tư tưởng

Mác, Ăngghen, Lênin, đồng thời liệt kê được luận điểm trung tâm trong hệ thống tư tưởng của Người - khát vọng độc lập, tự do cho dân tộc.

Trên các tạp chí và một số trang điện tử có không ít sự quan tâm của các tác giả về vấn đề độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và trách nhiệm của thanh niên đối với vấn đề này như: *“Khả năng phát triển giá trị truyền thống Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá”* của GS.TS. Nguyễn Tài Thư, Tạp chí Triết học, số 5, năm 2001; *“Hệ tư tưởng yêu nước Việt Nam”* của GS. Trần Văn Giàu, Tạp chí Cộng sản, số 16, tháng 8/1998; *“Về lối sống và định hướng xây dựng lối sống mới cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay”* của Mai Thị Dung, Tạp chí Triết học, số 5 (264), năm 2013; *“Giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay”* của PGS.TS. Lại Quốc Khánh, Phan Duy Anh, Tạp chí Tuyên giáo, số 9, năm 2013; *Góp phần tìm hiểu bài học “Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội” sợi chỉ đỏ xuyên suốt cách mạng Việt Nam* của Th.s Hoàng Đức Dĩnh, trang điện tử Tạp chí xây dựng Đảng; *“Sức mạnh tổng hợp bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam”* của Nguyễn Đình Chiến, trang điện tử Nxb Chính trị Quốc gia ... Hầu hết các công trình nghiên cứu này đều thể hiện sự quan tâm của các tác giả đến truyền thống, văn hóa dân tộc và có những nhận định về bối cảnh đất nước cũng như vai trò của mọi công dân Việt Nam trong bảo vệ bản sắc, bảo vệ chủ quyền quốc gia hiện nay.

Ngoài ra các văn kiện, Nghị quyết, Cương lĩnh của Đảng ta qua các kỳ Đại hội, các Bộ luật cũng đã đề cập đến vấn đề độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên chỉ phân tích quá trình hình thành và nội dung tư tưởng Việt Nam, vấn đề độc lập dân tộc là nội dung được trình bày xen kẽ trong hệ thống tư tưởng ấy. Ở nước ta, chưa có công trình nào nghiên cứu cụ thể về tư tưởng độc lập dân tộc và trình bày tổng hợp

hệ thống tư tưởng độc lập dân tộc theo tiến trình lịch sử từ thời sơ khai đến thời đại Hồ Chí Minh và xuất bản thành sách. Bảo vệ chủ quyền quốc gia là nhiệm vụ thiêng liêng của mọi công dân, trong đó nhấn mạnh đến vai trò và trách nhiệm của thế hệ trẻ, vấn đề nâng cao ý thức, trách nhiệm của thanh niên vẫn ít được chú trọng nghiên cứu. Trong hệ thống tư tưởng triết học Việt Nam, tư tưởng triết học Hồ Chí Minh cũng có nhiều đóng góp to lớn vào hệ thống tư tưởng dân tộc nhưng vấn đề này vẫn còn thiếu quan tâm. Vì vậy, nội dung này cần tiếp tục được nghiên cứu trong giai đoạn hiện nay, nhất là giáo dục cho thanh niên ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC VIỆT NAM

1.1. TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC VIỆT NAM VỀ VẤN ĐỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

Độc lập dân tộc là khát vọng và mục tiêu của nước ta ngay từ buổi đầu dựng nước. Với mục tiêu ấy, dân tộc ta đã theo đuổi, cố gắng tạo dựng và giữ gìn nền độc lập không chỉ qua các cuộc kháng chiến chống quân xâm lăng mà còn được khái quát thành hệ thống quan điểm, tư tưởng.

Nói đến triết học Việt Nam, nhiều người cho rằng Việt Nam không có hệ thống triết học riêng mà chỉ là sự kế thừa những tư tưởng bên ngoài như Nho giáo, Lão giáo của Trung Quốc, Phật giáo của Ấn Độ và sau này là triết học Mác - Lênin. Phải thừa nhận rằng, trên bước đường phát triển của loài người, Việt Nam là nước nằm giữa hai trung tâm văn minh lớn (Trung Hoa - Ấn Độ) nên cũng sớm trở thành điểm giao lưu của những nền văn minh đó. Nhưng không một quốc gia nào cùng chung đặc điểm lịch sử để có thể bê nguyên xi tư tưởng của nước ngoài vận dụng vào trong nước. Nghĩa là có sự kế thừa các tư tưởng bên ngoài nhưng mang màu sắc Việt Nam với nhiều giá trị cao đẹp. Vì vậy, đứng trên quan điểm lịch sử và quan điểm phát triển, những tư tưởng triết học của tam giáo (Nho - Phật - Đạo) và chủ nghĩa Mác - Lênin du nhập vào Việt Nam dần hòa quyện vào tư tưởng, nền văn hóa dân tộc Việt, làm cho nội dung tư tưởng triết học Việt Nam ngày càng phong phú, sống động hơn trong mối liên hệ biện chứng giữa cái chung và cái riêng nhằm đạt tới một nền văn minh hiện đại nhưng vẫn đảm bảo gìn giữ truyền thống, bản sắc dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Tư tưởng yêu

nước, đường lối trị nước và tư tưởng về đạo làm người được xem là ba nội dung chủ đạo.

Hầu như toàn bộ ý thức hệ và chiều sâu tâm triết lý Việt Nam đều xoay quanh tư tưởng cố kết cộng đồng và độc lập, chủ quyền quốc gia, dân tộc. Tư tưởng yêu nước trở thành sợi chỉ xuyên suốt tiến trình lịch sử Việt Nam mà biểu hiện cao nhất của chủ nghĩa yêu nước là ý thức coi độc lập dân tộc là thiêng liêng, bất khả xâm phạm - tinh thần tự tôn dân tộc. Tinh thần này được hình thành, tồn tại và phát triển gắn với chiều dài lịch sử, trải qua các thời kỳ giành, dựng và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

1.1.1. Tư tưởng độc lập dân tộc trong thời kỳ Văn Lang – Âu Lạc

Sự phát minh ra kỹ thuật luyện kim đánh dấu một bước ngoặt lớn trong xã hội nguyên thủy. Cách ngày nay hơn 4000 năm, văn hóa Đông Sơn được hình thành và trở thành cốt lõi đầu tiên về nguồn gốc của dân tộc. Với nhu cầu tồn tại và phát triển của xã hội dẫn đến sự hình thành nhà nước đầu tiên trong lịch sử - nhà nước Văn Lang. Vừa mới ra đời, quốc gia non trẻ này đã xây dựng cho mình ý thức về cội nguồn, về cộng đồng. Họ cố kết với nhau để chống thiên nhiên khắc nghiệt và chống thú dữ. Ngoài tuân theo quy luật chung về sự ra đời của tất cả các nhà nước trên thế giới thì lí do khách quan mang tính đặc thù của dân tộc (thủy lợi và tự vệ) đã tác động đến sự ra đời nhà nước Văn Lang. Từ hai lí do khách quan ấy cũng chính là cơ sở hình thành nên những truyền thống quý báu của dân tộc. Sự cố kết chống nạn thiên tai và nhu cầu trị thủy, sản xuất nông nghiệp nên ý thức về đoàn kết đã nảy sinh trong cộng đồng người Việt. Truyền thuyết về Lạc Long Quân – Âu Cơ, Sơn Tinh - Thủy Tinh là minh chứng rõ nét cho lập luận trên.

Huyền thoại “Con Rồng cháu Tiên” là sự gợi gắm sâu xa về ý nghĩa nguồn gốc người Việt. Rồng và Tiên là hai biểu tượng, hai sức sống ngược chiều nhau, một sự tương quan giữa hai mặt đối lập. Hai mặt này đều phải kết

hợp làm một ở đích điểm của mâu thuẫn, phản ánh sự hòa hợp, thống nhất trong mâu thuẫn. Không dừng lại ở tính biện chứng, huyền thoại còn lý giải về nguồn gốc của người Việt, hay nói chính xác hơn, Tiên – Rồng là bản thể của vũ trụ, vạn vật và con người. Hơn nữa, huyền thoại này còn gắn bó dân tộc Việt Nam cùng một bọc trứng nở ra trăm người con, năm mươi người theo mẹ lên núi, năm mươi người theo cha xuống biển. Dù lên rừng hay xuống biển, ở Bắc hay vào Nam, tất cả đều cùng chung một nhà - đại gia đình Việt Nam. Đây là sự gắn bó không thể chia cắt bởi tình huyết thống. Truyền thuyết này là ngọn nguồn của truyền thống đoàn kết, đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc dựng nước mà đến ngày nay vẫn còn nguyên giá trị.

Bên cạnh đó, truyền thuyết dân gian nhắc nhiều đến các cuộc đấu tranh chống các loại giặc phương Bắc, đặc biệt là truyền thuyết Thánh Gióng đã phản ánh và ca ngợi cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân ta lúc đó, chứng tỏ dân tộc Việt Nam có ý thức về quốc gia độc lập có chủ quyền từ rất sớm, khác biệt hơn khi ý thức ấy được bộc lộ ra bởi những con người bình dân còn rất nhỏ tuổi. Hình tượng Gióng là người anh hùng cứu nước đầu tiên, phản ánh tính nhân dân sâu sắc của các cuộc chiến tranh chống xâm lược. Nhìn chung, những yếu tố kì diệu, khác thường trong nhân vật Gióng tuy khá nổi bật nhưng không lấn át và thay thế được cái bình thường của con người trần thế. Quá trình xuất hiện, trưởng thành và chuẩn bị vũ khí chiến đấu của Gióng phản ánh khá rõ quá trình xây dựng lực lượng vũ trang chống xâm lược của dân tộc. Ở đây có sự kết hợp giữa Nhà nước và nhân dân, giữa sức mạnh của con người với sức mạnh của vũ khí.

Từ năm 257 TCN - 208 TCN, nhà nước Âu Lạc ra đời, đứng đầu là Thục phán An Dương Vương, Việt Nam trở thành một quốc gia thống nhất bền vững. Nước Âu Lạc ra đời là sự kế tục và phát triển trên một mức độ cao hơn quốc gia Việt Nam đầu tiên - nước Văn Lang - trên cơ sở ý thức dân tộc

đã được nâng cao. Đây cũng là thời kỳ cực diện phương Bắc đang chuyển biến. Thời Chiến Quốc (481 - 221 TCN) chấm dứt, nhà Tần đã thống nhất Trung Quốc với tư tưởng “bình thiên hạ”, chủ nghĩa bành trướng Đại Hán đã ra đời và bắt đầu nhòm ngó, mở rộng, phát quân xâm lược về phương Nam. Để chống lại tình trạng này, nước Âu Lạc đã nhiều lần đẩy lui sự xâm lược của nhà Tần và những cuộc xâm lược đầu tiên của Triệu Đà đã nói lên ý thức dân tộc, ý thức tự chủ đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Như vậy, thời kỳ Văn Lang – Âu Lạc, những câu chuyện thần thoại, truyền thuyết dân gian được đánh giá là cội nguồn cho tư tưởng, lý luận về sự hình thành quốc gia dân tộc và hai truyền thống tốt đẹp của dân tộc - yêu nước và đoàn kết. Bên cạnh đó, ý thức về quốc gia dân tộc bước đầu hình thành qua việc hợp nhất hai vương quốc Văn Lang và Âu Việt thành Âu Lạc đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc lúc bấy giờ là một giải pháp tối ưu để tập hợp lực lượng, tạo lập liên minh chính trị trước hiểm họa ngoại xâm cũng như tạo tiền đề để chuyển sang thời kỳ mới.

1.1.2. Tư tưởng độc lập dân tộc trong thời kỳ Bắc thuộc (Từ cuối thế kỷ II TCN – nửa đầu thế kỷ X)

Thật ra, trong thời kỳ này không có hệ tư tưởng riêng nói về vấn đề độc lập dân tộc mà ý thức độc lập tự chủ phát triển thành các chiến lược đấu tranh giành độc lập và những dự án xây dựng đất nước theo mô hình Hán ngang tầm với kẻ thù phương Bắc.

Thời kỳ Bắc thuộc gắn liền với công cuộc đấu tranh hơn một ngàn năm để giành lại độc lập dân tộc. Nhiều cuộc khởi nghĩa vũ trang chống ách đô hộ của ngoại bang đã liên tiếp nổ ra như: khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, xây dựng một triều đình độc lập của người Việt; khởi nghĩa Lí Bí thắng lợi đã khôi phục được nền độc lập của Giao Châu và thành lập nước Vạn Xuân, lấy hiệu là Lý Nam Đế (Nam là để phân biệt với Bắc, khẳng định chủ quyền của

nước ta); khởi nghĩa của Mai Thúc Loan (năm 713), của Khúc Thừa Dụ (năm 905),... Có thể coi họ Khúc đầy nghiệp tự chủ “là mốc mở đầu cho nền độc lập tự chủ của dân tộc ta sau hơn 1000 năm Bắc thuộc” [20, tr. 26 - 27].

Những cuộc khởi nghĩa trên không chỉ phản ánh tinh thần, ý chí bảo vệ chủ quyền của người Việt mà còn đi đôi với mong muốn dựng nước, khôi phục chế độ của thời vua Hùng. Trước khi đưa quân khởi nghĩa, Hai Bà Trưng đã đọc lời thề: “Một xin rửa sạch nước thù/ Hai xin đem lại nghiệp xưa vua Hùng/ Ba kéo oan ức lòng chồng/ Bốn xin vền vẹn sở công lênh này!”. “Đem lại nghiệp xưa vua Hùng” có nghĩa là giành lại và thực hiện sự nghiệp mà các vua Hùng đã dựng nên.

Thời kỳ này xuất hiện nét khác biệt so với thời kỳ trước là diễn ra xu hướng Hán hóa và chống Hán hóa. Cùng với đó là sự du nhập của Nho giáo, Lão giáo và Phật giáo vào Việt Nam. Ba đạo du nhập vào nước ta đã tạo nên cơ sở tư tưởng cho người Hán đẩy nhanh việc thực hiện chính sách chính trị - văn hóa - xã hội. Đứng trước xu hướng này, một mặt chúng ta tiếp thu học thuyết chính trị, những tư tưởng tam giáo và chúng dần dần thâm nhập vào đời sống của dân tộc Việt. Mặt khác, với tinh thần bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, người Việt đã đứng dậy đấu tranh chống xu hướng đồng hóa mà người Hán đang âm mưu thực hiện. Chiều hướng chống Hán hóa đã thể hiện ý chí và hành động của những người Việt Nam yêu nước, giữ gìn bản sắc dân tộc, chống bọn xâm lược trên mọi phương diện.

Kết thúc thời kỳ Bắc thuộc là sự kiện năm 938, Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, mở đầu triều Ngô, kết thúc hoàn toàn ách đô hộ phương Bắc, mở ra một kỷ nguyên độc lập lâu dài của dân tộc ta.

Đối với người Việt Nam, thời kỳ Bắc thuộc gắn với rất nhiều các cuộc khởi nghĩa nổi dậy để bảo vệ nền độc lập cho dân tộc. Đây là những đòi hỏi cấp bách, nhu cầu chính đáng của mỗi quốc gia dân tộc, là nghĩa vụ thiêng

liêng của những “con Rồng, cháu Tiên” và là đặc điểm lớn nhất của lịch sử Việt Nam thời kỳ này. Tư tưởng nổi bật trong thời kỳ Bắc thuộc là ý thức - tư tưởng về mình và vị trí của mình đối với non sông đất nước. Hay nói cách khác là ý thức về cộng đồng người Việt và chủ quyền quốc gia. Ý thức này xuyên suốt thời kỳ Bắc thuộc và càng về giai đoạn sau càng được biểu hiện cao hơn. Thêm vào đó, ý thức này đã là cơ sở khẳng định thêm câu chuyện truyền thuyết về nguồn gốc người Việt, làm cho nó trở nên thân thiết và cụ thể hơn, thấm sâu vào tiềm thức mọi người, cũng là nguyên nhân giải thích tại sao dân tộc Việt Nam lại gắn liền với hai truyền thống yêu nước và đoàn kết.

Như vậy, ý thức chủ quyền quốc gia dân tộc trong thời kỳ Bắc thuộc chủ yếu thể hiện ở các phong trào dân tộc, các cuộc khởi nghĩa chống kẻ đô hộ phương Bắc và còn được thể hiện trong vai trò của thủ lĩnh trong việc giữ vững độc lập dân tộc nhưng chưa có điều kiện thể hiện thành “trước tác” tư tưởng như sau này. Từ đây, đất nước bước vào thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng quốc gia phong kiến độc lập.

1.1.3. Tư tưởng độc lập dân tộc trong thời kỳ xây dựng quốc gia phong kiến độc lập (Thế kỷ X – thế kỷ XIX)

Giành được độc lập tự do ở thế kỷ X sau hơn 1000 năm Bắc thuộc của dân tộc ta là một sự kiện lịch sử hiếm có. Chính ý thức về non sông, tổ tiên, ý thức về cộng đồng người Việt và chủ quyền quốc gia đã hình thành nên sức mạnh đoàn kết đấu tranh chống ngoại xâm. Ý thức này càng được bảo tồn và phát huy trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm cũng như trong quá trình xây dựng quốc gia phong kiến độc lập trải dài từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX.

a. Thời kỳ xây dựng và phát triển quốc gia phong kiến độc lập (Thế kỷ X – thế kỷ XV)

Giai đoạn thế kỷ X – thế kỷ XV là giai đoạn “phá Tống, bình Nguyên, thắng Minh”, tinh thần dân tộc phát triển mạnh mẽ với các triều đại Ngô,

Đình, Tiền Lê, Lý, Trần. Các nhà tư tưởng tiêu biểu trong giai đoạn này là Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn và Nguyễn Trãi.

Xuất phát từ yêu cầu của xã hội Việt Nam thế kỷ X đến thế kỷ XV là những vấn đề xoay quanh công cuộc dựng nước và giữ nước. Trước hết là vấn đề giữ vững, củng cố nền độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước đã giành được sau hơn 1000 năm Bắc thuộc. Mở đầu cho thời kỳ này là sự lên ngôi của Ngô Quyền. Nhà Ngô thống trị khoảng 27 năm thì đến nhà Đinh. Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh dẹp 12 sứ quân thống nhất đất nước, lập ra triều Đinh. Năm 980, Lê Hoàn lên ngôi vua, thiết lập nhà Tiền Lê, đánh bại cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất. Năm 1009, Lý Công Uẩn lên ngôi, dời đô ra Thăng Long, mở đầu kỷ nguyên triều Lý và nước Đại Việt. Thông qua những cuộc chiến tranh giữ nước, ông cha ta đã rút ra được quy luật cơ bản là phải dựa vào dân và đoàn kết toàn dân – vấn đề trung tâm trong suy nghĩ của thời đại, đặc biệt là trong suy nghĩ của những bộ óc tham gia lãnh đạo các cuộc chiến tranh giữ nước như Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn. Về sau, đoàn kết toàn dân là một trong những bài học lớn đưa đến thành công của kháng chiến chống Pháp - Nhật - Mỹ ở nước ta.

Bước sang thế kỷ XI, sự tồn tại của nhà Lý đã để lại nhiều di sản cho đất nước, là thời kỳ mà tư tưởng chính trị và xã hội ở nước ta có những bước tiến quan trọng, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục với những tác giả, tác phẩm tiêu biểu như Chiếu dời đô (Thiên đô chiếu) của Lý Công Uẩn, Nam quốc sơn hà của Lý Thường Kiệt và tư tưởng chính trị, đường lối đánh giặc giữ nước của Trần Quốc Tuấn.

Thiên đô chiếu là văn kiện lịch sử thể hiện tư tưởng biện chứng và độc lập, tự chủ, sáng tạo của Lý Công Uẩn - người có quyết định lịch sử thể hiện tầm nhìn ngàn năm là dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long. Qua đó, Lý Công Uẩn đã thể hiện một sự nhận thức chính trị sâu sắc là “gắn liền việc dời đô với

việc dựng nước. Mà dựng nước cũng chính là nhằm củng cố và duy trì nền độc lập mà dân tộc ta vừa giành được trên nửa thế kỷ” [48, tr. 164].

Với *Thiên đô chiếu*, Lý Công Uẩn đã thể hiện nhãn quan chính trị sâu rộng “đóng đô ở nơi trung tâm mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu... cho nên vận nước được lâu dài, phong tục phồn thịnh” [55, tr. 229-230]. Đoạn văn này phản ánh được nguyện vọng của nhà vua, vai trò của người thủ lĩnh cũng như nguyện vọng của cả dân tộc, đó là xây dựng quốc gia độc lập giàu mạnh, một vương triều bền vững, một nhà nước phong kiến tập quyền mạnh mẽ.

Khoảng hơn nửa thế kỷ sau, vấn đề độc lập và chủ quyền của đất nước tiếp tục được phát huy. Cuộc đấu tranh chống Tống, bảo vệ bờ cõi đất nước dưới sự lãnh đạo của Lý Thường Kiệt (1019 – 1105) đã kết thúc thắng lợi. Chính trên chiến trường Như Nguyệt, Lý Thường Kiệt đã cho đọc vang bài thơ “*Nam quốc sơn hà*”:

“Nam quốc sơn hà Nam đế cư
 Tiệt nhiên định phận tại Thiên thư
 Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
 Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư” [55, tr. 321]

Bài thơ là một lời tuyên bố danh thép, một bản tuyên ngôn trịnh trọng về nền độc lập và chủ quyền của nước Đại Việt, là một nước độc lập có lãnh thổ và chủ quyền bất khả xâm phạm. Lý Thường Kiệt khẳng định danh hiệu “Nam đế” chính là khẳng định vị trí ngang hàng, bình đẳng với phương Bắc.

Nam quốc sơn hà đã có sức cổ vũ to lớn quân và dân ta, đưa đến chiến thắng quân Tống xâm lược. Đây là bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên của dân tộc, khẳng định chủ quyền của nước Đại Việt trước thế lực ngoại xâm. Đồng thời bài thơ cũng thể hiện nhận thức của nhân dân về nền độc lập, chủ quyền

và lãnh thổ. Nhận thức đó chứng tỏ bước trưởng thành về mặt ý thức dân tộc của nhân dân ta từ thế kỷ XI. Nó khẳng định ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước mà nhân dân đã giành được từ thời Ngô Quyền và sau đó được củng cố trong hơn một thế kỷ.

Đối với Trần Quốc Tuấn, tinh thần yêu nước, ý thức chủ quyền dân tộc được khái quát thành tư tưởng *chiến tranh giữ nước*. Từ thực tiễn lịch sử dân tộc, ông đã tổng kết thành những bài học về chiến tranh giữ nước theo quan điểm duy vật và biện chứng, đã phản ánh chính xác quy luật chiến tranh giữ nước của một quốc gia nhỏ bé chống lại kẻ thù lớn mạnh hơn mình gấp bội. Tư tưởng dựa vào dân để đánh giặc giữ nước là một trong những tư tưởng nổi bật, mang tính đặc thù của Trần Quốc Tuấn. Vì vậy mà ông coi việc “khoan thư sức dân” là “kế sâu gốc bền rễ” và là “thượng sách để giữ nước”. Tư tưởng này không chỉ phản ánh những quy luật cơ bản của chiến tranh giữ nước ở thời Trần mà còn có ý nghĩa phổ biến cho mọi cuộc chiến tranh giữ nước về sau.

Từ năm 1400 (Nhà Hồ) đến năm 1504 (Lê Túc Tông), là thế kỷ anh hùng trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm và trong công cuộc xây dựng đất nước. Khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi và Nguyễn Trãi lãnh đạo, đại thắng quân Minh tháng 12/1427, là thắng lợi của ý chí dân tộc và tư tưởng nhân dân phát triển đến đỉnh cao. Ý thức về một quốc gia độc lập rất rõ ràng thông qua các tiêu chí: lãnh thổ, văn hiến, phong hóa (phong tục tập quán), lịch sử dân tộc. Điều này được trình bày cụ thể trong bản Tuyên ngôn Độc lập thứ hai - *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi:

“Nưc nước Đại Việt ta từ trước
 Vốn xưng nền văn hiến đã lâu
 Núi sông bờ cõi đã chia
 Phong tục Bắc Nam cũng khác

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập
 Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương
 Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau
 Song hào kiệt thời nào cũng có” [50, tr. 63]

Đối với Nguyễn Trãi, chủ quyền quốc gia được cấu thành bởi bốn yếu tố: lãnh thổ (sông núi, bờ cõi), văn hóa (văn hiến), phong tục và lịch sử. Nếu như ở Châu Âu, sự hình thành dân tộc gắn liền với các yếu tố: tiếng nói, lãnh thổ, sinh hoạt kinh tế và cấu tạo tâm lý thể hiện trong nền văn hóa dân tộc thì ở Việt Nam, do thường xuyên chống chọi với các thế lực ngoại xâm hùng mạnh, nguy cơ bị mất đất, mất giống nòi mà các yếu tố lãnh thổ, văn hóa, phong tục và lịch sử chính là sự phản ánh những điều kiện hiện thực làm nên một quốc gia, dân tộc trong lịch sử.

Từ bốn yếu tố trên, *Bình Ngô đại cáo* đã khẳng định Việt Nam là một quốc gia riêng biệt, ngang hàng với phương Bắc về mọi mặt và phương Bắc cần phải tôn trọng độc lập, chủ quyền của nước Nam. Tác phẩm còn thể hiện tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi. Đây là một triết lý sâu sắc, cốt lõi, bao trùm toàn bộ cuộc đời ông. Không những thế, *Bình Ngô đại cáo* còn nêu lên tư tưởng: để bảo đảm chủ quyền của mình, người Việt Nam đã không ngại hy sinh, gian khổ, sẵn sàng chiến đấu và cũng vì không tôn trọng chủ quyền đó mà quân Minh phải chuốc lấy thất bại nhục nhã. Do đó, *Bình Ngô đại cáo* thực sự là một bản Tuyên ngôn Độc lập hào hùng của dân tộc ta ở thế kỷ XV. Trong thời kỳ phong kiến ở Việt Nam, xét cả về nhận thức và tư tưởng thì đó là bản Tuyên ngôn Độc lập có giá trị nhất.

Thế kỷ XV, Lê Thánh Tông tiếp tục khẳng định chủ quyền: “Một thước núi, một tấc sông của ta không thể vất bỏ... Ai dám đem một thước núi, một tấc sông của Vua Thái Tổ để lại làm mồi cho giặc thì tội phải tru di”. Một điều dễ nhận thấy rằng, ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia đã được nung nấu

hầu như trong mọi thế hệ, trong mọi giai cấp, tầng lớp xã hội. Hễ là người nước Nam thì đều mang trong mình ý chí, tinh thần tự tôn dân tộc hết sức mãnh liệt. Thật đáng tự hào!

Cùng với tiến trình lịch sử, ý thức về độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia dần được phát triển thành hệ thống lý luận thông qua vai trò của các nhà tư tưởng yêu nước. Nếu như thời kỳ Bắc thuộc ý thức dân tộc thể hiện bằng lòng yêu nước, ý chí đánh giặc giữ nước thì đến thời kỳ này, ý thức ấy càng hoàn chỉnh, phát triển và được khái quát thành hệ thống tư tưởng, lý luận với các tác phẩm văn học, cụ thể là hai bản Tuyên ngôn độc lập hào hùng của Lý Thường Kiệt và Nguyễn Trãi.

Như vậy, chủ trương độc lập và ngang hàng với phương Bắc đã bước đầu thành công. Đó chính là kết quả của việc đấu tranh giữ vững nền độc lập, tự chủ và nhu cầu ngang hàng với phương Bắc, đồng thời thể hiện sự vận dụng mô hình xã hội phương Bắc vào điều kiện cụ thể của Việt Nam lúc bấy giờ. Công cuộc xây dựng và phát triển đất nước cũng như duy trì nền độc lập, tự chủ là một quá trình đấu tranh lâu dài của người Việt, bắt nguồn từ thời kỳ Bắc thuộc và cần tiếp tục duy trì trong những giai đoạn sau.

b. Thời kỳ khủng hoảng và chia cắt, phân tranh của chế độ phong kiến (Thế kỷ XVI – thế kỷ XVIII)

Sự tồn tại và phát triển của triều đại nhà Lê sơ (1428 – 1527) với khởi nghĩa Lam Sơn đánh tan quân Minh một lần nữa minh chứng cho ý chí giữ nước và bảo vệ chủ quyền quốc gia của dân tộc ta.

Năm 1527, sau cái chết của Lê Chiêu Tông, Mạc Đăng Dung tự xưng vua, lên ngôi và đổi niên hiệu là Minh Đức, mở đầu triều đại mới – triều Mạc.

Từ năm 1527 – 1600 là thời kỳ diễn ra sự tranh giành quyền lực giữa Bắc triều và Nam triều. Tiếp đến là thời kỳ Trịnh – Nguyễn phân tranh (1601

– 1801). Đây thực sự là thời kỳ khủng hoảng và chia cắt của chế độ phong kiến Việt Nam.

Cùng với bối cảnh đó, các cuộc nổi dậy của nông dân đã liên tiếp nổ ra và lan rộng, làm rung chuyển chính quyền phong kiến. Năm 1771, khởi nghĩa Tây Sơn phát triển hết sức nhanh chóng. *Hịch* đánh quân Thanh của Nguyễn Huệ nêu lên: “Đánh cho để dài tóc, đánh cho để răng đen, đánh cho nó chích luân bất phản, đánh cho nó phiến giáp bất hoàn. Đánh cho sử tri Nam Quốc anh hùng chi hữu chủ”. Lời lẽ sắc mạnh, ý tứ rõ ràng, thể hiện chủ quyền quốc gia khi đề cập đến hai yếu tố: phong tục và lịch sử. Mặc dù không toàn diện như Đại cáo Bình Ngô, nhưng bài *Hịch* cũng thể hiện ý chí và quyết tâm đánh giặc, bảo vệ bờ cõi đất nước của Nguyễn Huệ.

Đầu năm 1789, sau khi quét sạch gần 30 vạn quân Thanh và bẻ lũ bán nước ra khỏi bờ cõi, vương triều Tây Sơn xuất hiện. Những chính sách về văn hoá, giáo dục của Quang Trung phản ánh hoài bão xây dựng một nền học thuật, giáo dục dân tộc, nâng cao ý thức độc lập tự cường, tạo điều kiện tái thiết đất nước theo phương hướng mới.

Ngay trong thời kỳ phân liệt Đàng Trong - Đàng Ngoài, vua quan tranh giành quyền lực, cấu xé lẫn nhau nhưng nhân dân hai miền luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, ý thức toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia được nhân dân bảo vệ và giữ gìn. Sau này, trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ chúng ta vẫn nêu cao tinh thần đoàn kết, mong muốn hòa bình, thống nhất nước nhà, hiểu rõ giá trị của độc lập, tự do.

Mặc dù diễn ra sự phân tranh, chia cắt của chế độ phong kiến nhưng hệ tư tưởng không phải vì thế mà mất chỗ đứng, ngược lại đã có nhiều đóng góp của các nhà tư tưởng gắn liền với tên tuổi của Lê Hữu Trác, Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm. Những tư tưởng này cũng nhằm mục đích làm cho xã hội yên ổn,

nhân dân được no ấm, đất nước được bình yên, đồng thời phản ánh xu hướng và đặc điểm của xã hội lúc bấy giờ.

Lê Hữu Trác (1720 - 1791) là một nhà tư tưởng lớn trưởng thành từ nghiệp y. Xuất phát từ lòng nhân ái, ông xem nghề y là nghề cứu mạng sống con người. Ý thức giúp đời bằng nghề y đã trở thành động lực mạnh mẽ trong ông. Ông được xem là đại diện cho một hiện tượng đặc biệt ở thế kỷ XVIII - thời kỳ diễn ra sự tranh giành quyền lực nhưng ông chọn con đường riêng, vượt qua sự cám dỗ vật chất đời thường. Nhị quan (thế giới quan và nhân sinh quan) của ông góp phần khắc phục hạn chế lịch sử của giai đoạn này và là tấm gương sáng để người đời noi theo. Mặc dù không đề cập đến vấn đề độc lập dân tộc nhưng tư tưởng giúp dân, cứu người cũng là một trong những biểu hiện về lòng yêu nước, là một công dân có trách nhiệm với quốc gia dân tộc.

Lê Quý Đôn (1726 - 1784), người có tầm nhìn lịch sử với ý thức xây dựng một nền văn hóa tư tưởng phát triển và mang bản sắc dân tộc. Cho đến thời Lê Quý Đôn, cộng đồng người Việt đã trở thành một quốc gia dân tộc vững vàng với một nền văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc phương Nam. Tuy nhiên, nền văn hóa dân tộc vẫn còn những non kém, những hạn chế do hoàn cảnh lịch sử tạo nên, đòi hỏi phải có người phê phán, chỉnh lý lại. Ý thức dân tộc đã thôi thúc Lê Quý Đôn bắt tay vào giải quyết. Lúc bấy giờ, tài liệu văn hóa truyền thống của đất nước bị phong kiến Trung Quốc xâm lược vơ vét, đốt phá; sự tự ti dân tộc ở một số người đã khiến ông đi đến chỉnh lý nhiều bài thơ, nhiều sự kiện, nhiều nhận định đúng với sự thật lịch sử; phủ nhận vai trò độc tôn của Nho giáo trong đời sống xã hội; mở rộng tiếp thu kiến thức nhân loại. Những việc làm đó của ông đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng một nền văn hóa tư tưởng phát triển và mang bản sắc dân tộc. Bởi văn hóa tư tưởng cũng là một trong những yếu tố khẳng định chủ quyền quốc gia.

Tinh thần dân tộc và chủ nghĩa yêu nước còn được nung nấu trong nhà tư tưởng Ngô Thi Nhậm. Ông luôn đặt lợi ích của đất nước lên trên lợi ích của cá nhân mình. Đã có lúc ông thổ lộ: “Thân hèn này bấy lâu đã hiến dâng cho nước, lăn lộn ngày đêm há quản ngại phiền” [48, tr. 482]. Yêu nước nhưng chung quy ông cũng chỉ là một kẻ sĩ, một phần tử trí thức, tự mình không thể tổ chức ra một lực lượng có thể dẹp loạn, yên dân. Nhưng ông đã có nhiều đóng góp về mặt tư tưởng, làm cho hệ tư tưởng Việt Nam thêm phong phú. Mặc khác, hoạt động này của ông đã phản ánh ý thức, tinh thần, trọng trách của người dân trước vận mệnh của đất nước.

Sinh ra trong thời kỳ xã hội đầy biến loạn, Ngô Thi Nhậm (1746 - 1803) đã nêu lên tư tưởng tiến bộ khi phân tích nguyên nhân loạn lạc của xã hội lúc bấy giờ, ấy là do người, do các chính sách của triều đình gây nên. Vẫn đồng ý với lý tưởng vua thánh tôi hiền, vua là người tiêu biểu cho xã hội nhưng Ngô Thi Nhậm đã đánh giá đúng vị trí, vai trò của dân. Ông xem dân là trung tâm của vũ trụ, điều này trước ông chưa có ai nói rõ ràng. Phải nói rằng, nhận thức của Ngô Thi Nhậm về mặt xã hội có nhiều điểm tích cực nhưng điều kiện khách quan lại không cho phép. Thời Lê - Trịnh đang tranh giành quyền lực, thời Tây Sơn phải tập trung vào kháng chiến. Vua Quang Trung lại mất sớm cho nên đường lối và chủ trương xây dựng lại xã hội của ông đã không trở thành hiện thực. Một trong những nội dung tư tưởng nổi bật của ông là tư tưởng về đạo làm người. Cuộc chiến tranh liên miên, kéo dài hàng nửa thế kỷ, làm đảo lộn cuộc sống và phá vỡ những nguyên tắc đối xử thông thường giữa người với người. Đó là sản phẩm của thời loạn và cũng là nguyên nhân làm cho xã hội loạn lạc hơn. Vì vậy, ông mong muốn xây dựng xã hội với đạo làm người phù hợp với đạo đức xã hội gắn với những mối quan hệ xã hội. Đạo làm người mà Ngô Thi Nhậm muốn truyền bá chính là đạo Nho, trong đó nêu cao các yếu tố trung hiếu và nhân nghĩa. Tư tưởng này của

ông cũng nhằm mục đích xây dựng xã hội có trật tự, có tính chất đạo đức - luân lý, phù hợp với đạo đức truyền thống của người phương Đông.

Với bối cảnh lịch sử thời kỳ này, đất nước không chịu sự thống trị và xâm lược của nước ngoài nhưng lại diễn ra tình trạng mâu thuẫn giữa các tập đoàn phong kiến phát triển gay gắt dẫn đến chiến tranh phân tranh lãnh thổ kéo dài, giai cấp thống trị phong kiến đi vào con đường sa đọa, ăn chơi, hưởng lạc, đời sống nhân dân, chủ yếu là nông dân, cực kỳ khó khăn, điêu đứng. Mặc dù có nhiều đóng góp về mặt tư tưởng của các nhà tư tưởng thời kỳ này, nhưng những cá nhân ấy không thể giải quyết nổi thời cuộc. Bối cảnh này đặt ra nhiệm vụ lịch sử là phục hồi lại chế độ phong kiến, chăm lo đời sống nhân dân và phát huy ý thức chủ quyền quốc gia, bảo vệ Tổ quốc đề phòng khi có thế lực ngoại xâm.

c. Thời kỳ phục hồi và suy sụp của chế độ phong kiến triều Nguyễn thế kỷ XIX

Cuối thế kỷ XVIII, triều Tây Sơn, sau khi Quang Trung mất, rơi vào suy thoái nhanh chóng và mất lòng dân nghiêm trọng. Tập đoàn phong kiến của chúa Nguyễn Ánh đã đánh bại vương triều Tây Sơn, nhà Nguyễn được phục hồi và tiếp tục hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước vào đầu thế kỷ XIX. Sau một thế kỷ đầy biến động về chính trị, xã hội, nhu cầu ổn định chính trị - kinh tế - xã hội nổi lên, nhà Nguyễn có thi hành một số chính sách thân dân theo tư tưởng Nho giáo, nhờ đó sản xuất nông nghiệp được phục hồi và có bước phát triển nhất định. Công lao to lớn của triều Nguyễn là xây dựng triều đình phong kiến hùng mạnh, tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần, đặc biệt là khẳng định chủ quyền quốc gia, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ kể cả chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Điều đáng tiếc là đất nước đã bỏ lỡ mất hơn 50 năm hòa bình, ổn định mà nếu có tầm nhìn xa trông rộng, đất nước đã xây dựng được những nền tảng kinh tế, xã hội và văn hóa

cần thiết đủ sức đương đầu với sự xâm lược của chủ nghĩa tư bản phương Tây vào nửa cuối thế kỷ XIX sau đó.

Năm 1858, Pháp tấn công Đà Nẵng mở đầu cuộc xâm lược Việt Nam. Triều đình nhà Nguyễn có tổ chức kháng chiến một cách yếu ớt và sau đó nhanh chóng chuyển sang tư tưởng cầu hòa, lùi dần từng bước và cuối cùng chấp nhận mất nước. Trong khi triều đình và phần lớn quan lại bạc nhược không dám kiên quyết kháng chiến thì các tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước đã đứng dậy kiên quyết chống Pháp xâm lược. Nhiều phong trào đấu tranh chống Pháp nổ ra tuy thất bại nhưng ý chí, tinh thần bảo vệ Tổ quốc trước nạn ngoại xâm chưa bao giờ suy yếu trong nhân dân. Đáng tiếc là triều đình không những không biết dựa vào lực lượng nhân dân để tổ chức kháng chiến mà còn ra lệnh bãi binh, làm cho phong trào kháng Pháp trở nên tự phát và lụi tàn dần.

Đất nước một lần nữa quay lại tình trạng ngoại xâm, nhưng lần này không phải là phương Bắc mà lại là thế lực ngoại xâm đến từ phương Tây tiên tiến. Mặc dù xã hội khủng hoảng nhưng vẫn ánh lên những tia nắng quý hiếm, đó là tinh thần đấu tranh bảo vệ đất nước cũng như ý thức về độc lập dân tộc được bộc lộ qua những đề nghị cải cách của nhà canh tân Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Lộ Trạch.

Là một người yêu nước có tư tưởng cải cách, những tư tưởng, luận điểm ấy được Nguyễn Trường Tộ (1830 – 1871) trình bày gắn liền với các đề nghị cụ thể của ông. Nguyễn Trường Tộ là người đầu tiên nêu lên quan điểm phê phán quyết liệt tư tưởng hủ Nho. Ông cho rằng tư tưởng Nho giáo là giáo điều, bảo thủ, không chú ý đến thực học và biết việc đời nay. Phê phán những quan niệm của nhà Nho là vua quan không nên cùng dân tranh lợi mà phải quan tâm đến tài lợi, phải làm cho dân giàu có, dân có giàu nước mới thịnh, xưa nay chưa từng thấy dân nghèo mà nước thịnh bao giờ.

Trong quan niệm về “thời, thế”, Nguyễn Trường Tộ đã thể hiện tầm nhìn xa của mình. Phân tích thế nước lúc bấy giờ, giặc Pháp đến từ quốc gia hùng mạnh, trong nước thì rối loạn, lòng người thì rời rạc, ông đã đi đến chủ hòa. Nhưng hòa chỉ là tạm thời để canh tân đất nước, đợi thời khôi phục.

Với tình trạng các tỉnh Nam Kỳ bị chiếm mất, một lần nữa Nguyễn Trường Tộ khẩn thiết và gấp rút đề nghị canh tân. Ông nói: “Nay việc khẩn cấp nhất của ta là trước hết phải giữ cho được cái gì chưa mất, còn việc mưu thu hồi sáu tỉnh là việc sau. Muốn giữ được cái chưa mất thì phải gấp rút giao thiệp rộng, muốn mưu thu hồi sáu tỉnh thì phải gấp rút thừa cơ, mà canh tân chính là căn bản để thu hồi và giữ gìn. Nếu không canh tân để tiến bộ thì dù có tạm thu hồi được, vá hôm nay ngày mai lại rách, rớt cuộc cũng không thể không có chuyện xảy ra. Nếu nhất luật canh tân để tiến bộ thì việc giữ không khó mà việc mưu thu hồi không chóng thì chầy cũng có thể hy vọng được” [43, tr. 367].

Trong nội dung tư tưởng của Nguyễn Trường Tộ, ông đã vận dụng một loạt các khái niệm truyền thống như thời thế, trí dũng, lợi nghĩa, học hành và đưa vào chúng những nội dung mới mang tính khoa học, tiến bộ. Những tư tưởng này khá toàn diện, mạnh bạo và sâu sắc, góp phần giải quyết những khó khăn trước mắt của xã hội, đồng thời góp phần đổi mới tư duy về hệ tư tưởng ở nước ta trong giai đoạn này, nhưng rất tiếc là xã hội Việt Nam lúc bấy giờ thiếu cơ sở xã hội cần thiết để tiếp nhận và thực hiện các kiến nghị canh tân đất nước. Thấp thoáng ở đây là bối cảnh đất nước thay đổi nhưng ý thức, hệ tư tưởng của giai cấp cầm quyền chưa thay đổi theo, đó cũng là lí do mà chúng ta không đủ sức đương đầu với bọn thực dân xâm chiếm nửa cuối thế kỷ XIX. Loại trừ những hạn chế mà ông đã vấp phải, Nguyễn Trường Tộ xứng đáng là nhà tư tưởng lớn mở đầu cho lý luận canh tân ở nước ta.

Tiếp nối truyền thống yêu nước của cha ông, trong hoàn cảnh đất nước khó khăn, nhà tư tưởng Nguyễn Lộ Trạch (1853 - 1895) cũng có những đóng góp to lớn cho nền tư tưởng của nước nhà. Dựa vào kinh nghiệm thực tế và tư duy sáng tạo của mình, Nguyễn Lộ Trạch đưa ra quan điểm về tương quan lực lượng giữa đôi bên và lý luận về mối quan hệ giữa hòa và chiến. Mặc dù ảnh hưởng tư tưởng của Nguyễn Trường Tộ, nhưng Nguyễn Lộ Trạch đã nhìn thấy rõ hơn tình hình nguy ngập, cấp bách của đất nước vào lúc giặc Pháp mở rộng phạm vi chiến tranh xâm lược. Do đó, ông phân tích cụ thể mối quan hệ giữa “hòa”, “chiến” và “canh tân”. Ông chủ trương “hòa chi là tạm thời” để chuẩn bị lực lượng, canh tân đất nước, chuẩn bị cho “chiến”. Trong khi “canh tân” cần phải tự lực cánh sinh nhưng đồng thời tranh thủ sự viện trợ bên ngoài. Đây cũng là vấn đề mới mẻ trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta. Nguyễn Lộ Trạch là người đầu tiên đặt lý luận cho việc cầu viện nước ngoài. Ông nói: “canh tân cũng như đánh giặc, cần phải nhờ viện trợ bên ngoài nhưng trước hết phải tự lực tự cường. Không thể chỉ trông chờ vào viện trợ. Không tự lực tự cường mà chỉ trông chờ vào viện trợ thì rơi vào tình thế “đưa hùm cửa trước rước sói cửa sau” [43, tr. 399].

Cũng như Nguyễn Trường Tộ, ông nhìn thấu nguy cơ nước mất nhà tan và thiết tha muốn canh tân để dân giàu nước mạnh. Ông đã tiếp thu và phát triển tư tưởng Nguyễn Trường Tộ. Mặc dù về mặt tư tưởng cũng như các đề nghị cụ thể Nguyễn Lộ Trạch chưa đạt đến trình độ thâm sâu và toàn diện như Nguyễn Trường Tộ nhưng trong việc phân tích tình hình, ông đã bổ sung những nét mới và giải quyết sâu hơn một bước mối quan hệ giữa canh tân đất nước và kiên quyết kháng chiến, giữa tự lực tự cường và mở cửa tìm viện trợ ở bên ngoài. Đây là cống hiến nổi bật, thể hiện tư duy sáng tạo của Nguyễn Lộ Trạch, điều mà các nhà tư tưởng trước chưa thể hiện được.

Đứng trên quan điểm phát triển, truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm, bảo vệ bờ cõi đã dần được nâng lên thành hệ thống tư tưởng bởi các nhà yêu nước Việt Nam. Sau ngàn ấy thời gian tồn tại và phát triển, nước ta quay lại tình trạng ngoại xâm đô hộ. Một lần nữa, chủ quyền quốc gia lại bị xâm chiếm, đe dọa. Trong bối cảnh đó, nhiều phong trào đấu tranh của nhân dân nổi lên nhưng rất tiếc, tinh thần yêu nước và hệ tư tưởng cũ không đủ sức đuổi quân xâm lược. Nhu cầu thực tiễn đặt ra cho toàn thể người dân yêu nước là tìm ra con đường cứu nước mới, phù hợp với xu hướng của thời đại để chống lại nạn thực dân, giải phóng dân tộc.

Một dạng thức nữa của chủ nghĩa yêu nước nửa cuối thế kỷ XIX là sự ăn năn hối lỗi của các vua, quan khi để mất dân, mất đất. Có thể coi sự ăn năn hối lỗi này ít nhiều cũng thể hiện tinh thần dân tộc. Mặc dù gây ra nhiều tội lỗi với dân tộc vì đã sai lầm về đường lối cứu nước, có những biểu hiện đặt lợi ích của bản thân cao hơn lợi ích của dân tộc nhưng đến những năm cuối đời, vua Tự Đức cũng bộc lộ những ăn năn hối lỗi. Trong Di chiếu tự hối lỗi của mình, vua Tự Đức mong muốn để lại cho hậu thế thấy rõ sự đau khổ, giằng xé lương tâm và sự tạ tội của mình đối với tổ tiên, đối với nhân dân cả nước: “Trẫm có tội với tổ tiên”. Về tội lỗi ấy, Tự Đức đã vạch rõ trong bài “Dụ tự chê vì chưa lấy lại được Nam Kỳ”: “...bỏ đất đai, nhân dân sáu tỉnh Nam Kỳ ấy, để thôi chiến tranh cho yên cả nước, nay hơn 200 năm gây dựng khó nhọc bỗng chốc bỏ đi, là tội của tiểu tử này, không thể nói xiết, ... Cúi, ngẩng, trông, xem, sống không còn mặt nào, chết cũng không thể nhắm mắt...” [43, tr. 152 - 153]. Về sau, vào ngày 13 tháng 1 năm 1889, vua Hàm Nghi lúc bị Pháp đưa đi đày cũng đã thoát lên rằng “Ta thà làm dân của một nước tự do còn hơn làm vua của một nước nô lệ”. Chung quy lại, mọi dạng thức yêu nước dù ở trình độ cao hay ở trình độ phức tạp đều quy về ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia và sự toàn vẹn lãnh thổ của người Việt Nam.

Một đặc điểm nữa cũng khá nổi bật trong lịch sử tư tưởng yêu nước hồi thế kỷ XIX của nước ta là sự đấu tranh vạch mặt bọn bán nước và bác bỏ sự tự bào chữa của chúng. Thực ra khi Tổ quốc bị xâm lăng thì bao giờ cũng xuất hiện những kẻ phản quốc, tay sai của giặc. Bằng chứng là bọn Việt gian được Pháp bảo vệ đã đề cao giặc, tuyên truyền những văn thơ phản động chống lại chủ nghĩa yêu nước, xuyên tạc truyền thống yêu nước của dân tộc. Đấu tranh chống lại những hành động này, một số nhà tư tưởng đã dùng thơ văn lên tiếng ca ngợi đạo đức yêu nước truyền thống là có tấm lòng sắt đá không bao giờ lung lay, kiên quyết đền nợ nước, trả thù nhà. Trong số ấy, tiêu biểu là nhà tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, ...

Nói tóm lại, lịch sử Việt Nam là một trang sử hào hùng về những cuộc chiến tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Hơn 1000 năm Bắc thuộc; hàng chục thế kỷ xây dựng quốc gia phong kiến độc lập thì ý thức về chủ quyền quốc gia đã được hình thành ngay từ ngày đầu lập nước, thể hiện quy luật sinh tồn của người Việt trước hiểm họa ngoại xâm, đồng thời phản ánh mối liên hệ biện chứng cá nhân với cộng đồng xã hội. Hoàn cảnh lịch sử trở thành yếu tố cung cấp cho hệ tư tưởng, lý luận ra đời. Lý luận về dân tộc độc lập và quốc gia có chủ quyền là những nguyên lý không chỉ nhận thức một lần là xong, mà là một quá trình phát triển không ngừng từ cơ sở lý luận đến thực tiễn đấu tranh dựng nước và giữ nước của ông cha ta. Điều này biểu hiện rất rõ trong tư tưởng của Lý Thường Kiệt qua bài “Nam quốc sơn hà”. Đến Trần Quốc Tuấn với bài “Hịch tướng sĩ”, Nguyễn Trãi trong bài “Bình Ngô đại cáo” thì nước Việt độc lập không chỉ vì sách trời đã ghi, mà phải đuổi giặc đi để rửa nhục cho nước, để bảo vệ quyền lợi của quốc gia dân tộc, bảo vệ nền văn hiến Việt Nam. Hay như tư tưởng canh tân, đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch cũng phản ánh ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc.

Hoàn cảnh quay lại hoàn cảnh, ngoại xâm nối tiếp ngoại xâm như một bóng đen nặng nề bao trùm xã hội Việt Nam thời bấy giờ. Dầu sao cũng đã có những tia sáng đầu tiên chọc thủng bóng đen ấy bởi tinh thần đấu tranh bảo vệ bờ cõi của dân ta, bởi lòng tự tôn dân tộc, ý chí độc lập, thống nhất Tổ quốc và hệ tư tưởng, lý luận của những nhà yêu nước. Chế độ phong kiến đã đến lúc nhường chỗ cho chế độ mới tiến bộ hơn và tất nhiên chế độ ấy cũng sẽ sản sinh ra những nhân tài cho đất nước vì độc lập dân tộc, vì sự ấm no cho nhân dân. Nhân tài ấy không phải ai khác mà chính là vị Chủ tịch kính yêu của chúng ta.

1.1.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc

Trong di sản lý luận của Hồ Chí Minh, Người đã nghiên cứu khá nhiều nội dung như: lý luận về Đảng Cộng sản, về Nhà nước, về đại đoàn kết dân tộc, về văn hóa, đạo đức, v.v.. Trong đó, nội dung được xem như sợi chỉ đỏ xuyên suốt hệ thống tư tưởng của Người là quan điểm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và lý luận về cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc có cơ sở ra đời và nội dung như sau:

a. Nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc

- Nguồn gốc lý luận:

Độc lập dân tộc là nội dung nằm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung này ra đời gắn liền với việc kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại (học thuyết Mác – Lênin là có ảnh hưởng sâu sắc nhất).

Thứ nhất, tư tưởng về vấn đề độc lập dân tộc đã được Hồ Chí Minh kế thừa lý luận chủ nghĩa yêu nước của dân tộc Việt Nam.

Trước hết cần khẳng định rằng: Tư tưởng yêu nước không chỉ là tư tưởng chính trị mà còn là tư tưởng đạo đức, tư tưởng nhân văn, trở thành một

nội dung của lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam. Yêu nước của người dân Việt Nam, từ truyền thống cho đến hiện đại đều là một tình yêu cụ thể, không trừu tượng, từ yêu những cảnh quan thiên nhiên nơi mảnh đất họ sinh ra, đến tình yêu Tổ quốc bao la. Tư tưởng yêu nước biểu hiện ra là những vấn đề về chính trị, xã hội bao gồm hệ thống những quan điểm lý luận về dựng nước, đánh giặc giữ nước, dân giàu nước mạnh. Phạm trù “nước” xét trên bình diện triết học, là những cộng đồng người, là dân tộc, quốc gia. Do đó yêu nước trong tư tưởng triết học chính là ý thức trách nhiệm với giống nòi, với cộng đồng dân tộc được nêu lên thành lý luận.

Tính đặc thù của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là tinh thần đoàn kết, tinh thần bảo vệ bờ cõi lãnh thổ, bản sắc văn hoá dân tộc. Trên tinh thần ấy, tư tưởng yêu nước phát triển lên thành chủ nghĩa yêu nước. Đó là một hệ thống các quan niệm ở chiều sâu triết học về quốc gia dân tộc và độc lập dân tộc; về nguồn gốc, động lực của chiến tranh cứu nước và giữ nước.

Biểu hiện cao nhất của chủ nghĩa yêu nước là ý thức coi độc lập dân tộc là thiêng liêng, bất khả xâm phạm - tinh thần tự tôn dân tộc. Mỗi lần Tổ quốc bị xâm lăng thì mọi tầng lớp nhân dân luôn đặt lợi ích đất nước lên trên hết và sẵn sàng gạt bỏ mọi lợi ích riêng, chấp nhận mọi gian nan, thử thách, hy sinh vì độc lập dân tộc. Dẫu biết rằng, bất kỳ dân tộc nào trên thế giới đều vốn có lòng yêu nước, nhưng không phải dân tộc nào chịu sức ép ngoại xâm từ thế kỷ nối tiếp thế kỷ mà vẫn giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc như dân tộc ta. Hồ Chí Minh là một người con của dân tộc Việt, là người nghiên cứu nhiều về con đường đấu tranh giải phóng dân tộc thì không thể bỏ qua giá trị quý báu – chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

Thứ hai, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự vận dụng sáng tạo lý luận cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác – Lênin trong điều kiện

cụ thể của Việt Nam. Hồ Chí Minh đã tiếp thu, kế thừa và phát triển những tư tưởng của Mác, Ăngghen, Lênin về cách mạng vô sản.

Thực ra Mác, Ăngghen ít bàn cụ thể đến vấn đề độc lập dân tộc, nhưng trong hệ thống lý luận của mình, lý luận về giai cấp và dân tộc là nội dung chứa đựng những tư tưởng tôn trọng chủ quyền quốc gia của các dân tộc trên thế giới. Trong khi nhấn mạnh yếu tố giai cấp, triết học Mác – Lênin không xem nhẹ yếu tố dân tộc. Những đặc trưng dân tộc là vấn đề thể hiện rõ ràng về chủ quyền dân tộc. *Một là*, cộng đồng về lãnh thổ, là sự biểu hiện cụ thể về mặt chủ quyền của một dân tộc trong quan hệ với các dân tộc khác. Chủ quyền quốc gia dân tộc về lãnh thổ là kết quả lao động, tạo dựng của cả một dân tộc. Nó được thể chế bằng luật pháp quốc gia và quốc tế. Lãnh thổ là chủ quyền không thể chia cắt, là nơi sinh tồn, phát triển và nền tảng hình thành nên Tổ quốc của mỗi quốc gia dân tộc. *Hai là*, cộng đồng về kinh tế. Một quốc gia thống nhất, tương đồng và ổn định về kinh tế là nhân tố đảm bảo cho sự thống nhất quốc gia dân tộc. *Ba là*, cộng đồng về ngôn ngữ. Ngôn ngữ là nền tảng văn hóa, đồng thời là di sản tinh thần của mỗi dân tộc, đó là kết quả và sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài về kinh tế - xã hội của các dân tộc trong một quốc gia. *Bốn là*, cộng đồng về văn hóa, về tâm lý là động lực của sự phát triển, là công cụ bảo vệ độc lập và chủ quyền của mỗi quốc gia. Đấu tranh chống lại nguy cơ đồng hóa về văn hóa cũng là một hình thức bảo vệ chủ quyền dân tộc. Bốn yếu tố này quy định sự hình thành dân tộc và là đặc trưng để khẳng định chủ quyền quốc gia dân tộc của mọi quốc gia. Nó vừa kết dính dân tộc thành một khối vừa tạo ra động lực để liên kết và phát triển cho các quốc gia. Văn hóa, lãnh thổ, phong tục, lịch sử cũng là những yếu tố mà chúng ta đã gặp trong tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi. Sự xâm lược, áp bức của quốc gia này lên quốc gia khác là không tôn trọng quyền dân

tộc. Mác nhấn mạnh rằng: “Một dân tộc đi áp bức dân tộc khác, dân tộc ấy không thể có tự do được” [27, tr. 624].

Khi yếu tố dân tộc bị xâm phạm thì các giai cấp tầng lớp trong xã hội đứng dậy đấu tranh chống lại. Trong đó, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân là một trong những nhân tố giữ vai trò quyết định giành thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp giải phóng người lao động. Và cuộc đấu tranh này vẫn mang tính chất dân tộc. Dân tộc là địa bàn trực tiếp của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân. Vì vậy, “giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc” [27, tr. 623 - 624]. Tác động trở lại của áp bức dân tộc đối với áp bức giai cấp (ở “chính quốc”) càng thể hiện rõ trong thời đại đế quốc chủ nghĩa. Chủ nghĩa đế quốc đã lấy việc bóc lột các dân tộc chậm phát triển làm tiền đề tồn tại của nó. Như vậy, vấn đề dân tộc là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu của cách mạng vô sản song nó chỉ được nhận thức và giải quyết đúng đắn trên lập trường của giai cấp cách mạng nhất - giai cấp công nhân.

Để bảo vệ độc lập, giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền thông qua cuộc cách mạng xã hội trong phạm vi dân tộc. Vấn đề này về sau được Lênin bàn nhiều trong thời đại đế quốc chủ nghĩa và là nội dung được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo vào điều kiện hoàn cảnh của nước ta. Đặc biệt, khi đọc Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin, tác phẩm *đã ảnh hưởng sâu sắc tới nhận thức, tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình Người tìm đường cứu nước*.

Sau này, khi nói về vai trò của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh cho rằng “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin” [28, tr. 265]. Tính chân chính, chắc chắn, cách mạng nhất là ở chỗ nó giải quyết triệt để

vấn đề độc lập dân tộc, đem lại tự do và hạnh phúc thực sự cho mọi người, cho tất cả các dân tộc và toàn thể loài người trên thế giới.

Như vậy, chủ nghĩa yêu nước – một giá trị lý luận quý giá của dân tộc và học thuyết Mác - Lênin đã cung cấp cơ sở lý luận sâu sắc nhất, là nguồn gốc trực tiếp hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.

- Cơ sở thực tiễn:

Vào những năm 60 của thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền – chủ nghĩa đế quốc, đẩy mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản ngày càng gay gắt và ngang nhiên thực hiện tham vọng bành trướng thế giới bằng cách đi xâm lược các nước kém phát triển, đặt ách thống trị dưới nhiều hình thức đối với các dân tộc thuộc địa.

Năm 1848, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản ra đời là vũ khí lý luận mà Mác và Ăngghen đã cung cấp cho giai cấp vô sản để đập lại câu chuyện hoang đường về “bóng ma cộng sản”. Cùng với đó là sự thắng lợi của cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, sự ra đời của Quốc tế Cộng sản năm 1919 đã tạo ra điều kiện, tiền đề lý luận, thực tiễn và là chỗ dựa của phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, thúc đẩy phong trào này phát triển mạnh mẽ. Cách mạng Việt Nam chịu tác động mạnh mẽ bởi bối cảnh quốc tế đó.

Không chỉ chịu sự chi phối bởi bối cảnh quốc tế, ngay trong lòng xã hội Việt Nam cũng chứa đựng nhiều biến động. Xã hội Việt Nam trước khi thực dân Pháp xâm lược là một xã hội phong kiến, nông nghiệp lạc hậu, triều đình nhà Nguyễn đã thực hiện các chính sách đối nội, đối ngoại vô cùng bảo thủ, phản động. Trong thì đàn áp, bóc lột nhân dân, ngoài thì “bế quan tỏa cảng”, từ chối mọi cải cách. Do đó, xã hội Việt Nam không bắt nhịp được với sự phát triển của thời đại. Đến khi Pháp xâm lược (1858), triều đình nhà Nguyễn nhân nhượng, cầu hòa và cuối cùng là đầu hàng bán rẻ Tổ quốc. Với Hiệp ước

Patonot (06/6/1888) chúng ta đã giao đất nước hoàn toàn cho Pháp thống trị. Từ đây, chúng đã thiết lập bộ máy cai trị trên nước ta, nhân dân rơi vào cảnh mất nước, nô lệ.

Trước tình cảnh ấy, nhiều phong trào yêu nước của các giai cấp, tầng lớp đã nổi dậy chống Pháp. Tuy nhiên, các phong trào đều đi đến thất bại. Cách mạng Việt Nam lâm vào khủng hoảng và bế tắc về đường lối cứu nước. Sứ mệnh lịch sử đặt ra cho cả dân tộc, cho mỗi người dân yêu nước phải tìm ra con đường cứu nước, cứu dân.

Sinh ra trong thời điểm đất nước mất tự do, Nguyễn Tất Thành đã chứng kiến tình trạng đất nước và sớm nhận thức trọng trách của một công dân mất nước. Do đó, tư tưởng yêu nước và chí hướng cách mạng của Nguyễn Tất Thành được hình thành ngay từ nhỏ. Chính truyền thống gia đình, quê hương là nơi hun đúc ý chí cách mạng của người thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.

b. Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc

Độc lập dân tộc là một nội dung nằm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc. Xuất phát từ thực tiễn và nhu cầu khách quan của dân tộc, nếu như C. Mác bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, V.I. Lênin bàn nhiều về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thì Hồ Chí Minh tập trung bàn về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. C. Mác và V.I. Lênin bàn nhiều về đấu tranh giai cấp ở các nước tư bản chủ nghĩa thì Hồ Chí Minh bàn nhiều về đấu tranh giải phóng dân tộc ở thuộc địa. Bởi, thực chất của vấn đề dân tộc ở thuộc địa là vấn đề đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, xóa bỏ ách thống trị, áp bức, bóc lột của nước ngoài, giải phóng dân tộc, thực hiện quyền dân tộc tự quyết, thành lập nhà nước dân tộc độc lập.

Khi bàn đến độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh tiếp cận vấn đề này thông qua quyền con người. Trong bản Tuyên ngôn độc lập 1776 của Mỹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền 1791 của Pháp đã nêu lên những nhân tố về quyền con người như quyền bình đẳng, quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Người hết sức trân trọng quyền con người và khẳng định: “Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”. Từ quyền con người, Hồ Chí Minh khái quát và nâng cao thành quyền dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”.

Độc lập dân tộc còn là khát vọng lớn nhất của các dân tộc thuộc địa, của dân tộc Việt Nam và ngay bản thân Người. Chính vì vậy mà Hồ Chí Minh nói: “Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho đất nước tôi, đây là tất cả những gì tôi muốn; đây là tất cả những điều tôi hiểu” [45, tr. 44]. Nguyện vọng của Người thể hiện rõ mục đích cao đẹp là giải phóng dân tộc, đem lại cuộc sống tự do, hạnh phúc cho nhân dân. “Nước độc lập mà dân không được hưởng tự do, hạnh phúc thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì. Vì vậy, sau khi giành được độc lập phải đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn *nêu cao quyền dân tộc tự quyết*. Hoạt động có tiếng vang đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài là bản Yêu sách 8 điểm của nhân dân An Nam năm 1919. Vận dụng nguyên tắc dân tộc tự quyết đã được các đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất long trọng thừa nhận, thay mặt những người Việt Nam yêu nước Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị Véc say bản Yêu sách gồm 8 điểm, đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Bản Yêu sách không được chấp nhận, Người đã nhận diện rõ kẻ thù và đi đến kết luận “Muốn cứu nước chỉ có thể dựa vào sức của chính bản thân mình”.

Tiếp tục khẳng định quyền chính đáng của dân tộc, trong Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc soạn thảo Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, một cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo, mà tư tưởng cốt lõi là độc lập và tự do cho dân tộc. Đến tháng 5/1941, trong Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong lúc này, quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy” [29, tr. 198]. Tháng 8/1945, Hồ Chí Minh đúc kết ý chí đấu tranh cho độc lập, tự do của nhân dân ta trong câu nói bất hủ: “Dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập” [34, tr. 508].

Cách mạng tháng Tám thành công, Người thay mặt Chính phủ lâm thời đọc Tuyên ngôn Độc lập, long trọng khẳng định trước toàn thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” [30, tr. 4].

Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện lịch sử có giá trị to lớn, trong đó, độc lập, tự do đã trở thành chân lý của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội mới ở nước ta. Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa là thắng lợi của tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh. Có thể thấy rõ, mục đích ngay từ đầu của Bác khi tham gia hoạt động cách mạng là hướng tới vấn đề độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân. Tư tưởng của Người đã được thực tiễn kiểm nghiệm và bản thân Người đã bày tỏ lòng yêu nước, yêu dân bằng những hành động cụ thể. Việc làm này không phải ai cũng có thể làm được.

Nội dung vấn đề độc lập dân tộc còn được Người trình bày thông qua nhiều bài báo, bài viết và các cuộc nói chuyện. Trong các thư và điện văn gửi tới Liên hợp quốc và Chính phủ các nước vào thời gian sau Cách mạng tháng

Tám, Hồ Chí Minh trịnh trọng tuyên bố: “Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hòa bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước” [30, tr. 469].

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, để thể hiện quyết tâm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc, Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi hùng hồn và ý chí: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” [30, tr. 480].

Khi đế quốc Mỹ điên cuồng gây chiến tranh, đàn áp nhân dân cả hai miền Nam, Bắc, Hồ Chí Minh đúc kết chân lý lớn nhất của thời đại “Không có gì quý hơn độc lập, tự do!” [35, tr. 108]. Chân lý ấy thể hiện tinh thần chiến đấu và khát vọng ngàn đời của dân tộc Việt Nam.

Từ những phân tích trên, theo Hồ Chí Minh, *nội dung cốt lõi của vấn đề dân tộc thuộc địa là độc lập dân tộc*. Từ tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc, Người nâng lên thành chủ nghĩa dân tộc. Đối với các nước thuộc địa ở phương Đông, chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước. Cho nên cần phải tập trung vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đây là vấn đề trên hết, trước hết của các nước thuộc địa. Vấn đề này còn mang ý nghĩa, *bảo vệ Tổ quốc dựa trên thực lực quốc gia, tự lực tự cường, tư tưởng tự giải phóng, dựa vào sức mình là chính trong bảo vệ chủ quyền quốc gia*. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đảng ta đã nêu cao tư tưởng này và là nội dung chủ đạo trong đường lối kháng chiến của toàn Đảng, toàn dân ta.

Bên cạnh đó, không chỉ đề cao lợi ích của dân tộc mà theo Người, lợi ích của dân tộc còn gắn liền với lợi ích của các giai cấp. Hồ Chí Minh cho rằng *giải phóng dân tộc là vấn đề trên hết, tạo điều kiện để giải phóng giai cấp và thực hiện nghĩa vụ quốc tế* - đấu tranh cho độc lập của các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Giữ vững độc lập của dân tộc mình đồng thời tôn trọng

độc lập của các dân tộc khác là một nguyên tắc không chỉ nêu cao quyền tự chủ, tự quyết của mỗi dân tộc mà còn thể hiện tư tưởng bình đẳng giữa các dân tộc với nhau.

Là một nước thuộc địa, yêu cầu bức thiết của nhân dân là độc lập dân tộc. Yêu cầu này chỉ được giải quyết khi các nước thuộc địa thực hiện đoàn kết quốc tế, đứng dậy tiến hành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc để đánh đổ ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc và thiết lập chính quyền của nhân dân. Nêu cao vấn đề dân tộc giải phóng là một trong những chủ trương đúng đắn đưa đến thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám 1945 cũng như những thắng lợi trong 30 năm kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Đây là thắng lợi của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc và tư tưởng độc lập, tự do của Hồ Chí Minh.

Sau khi giành chính quyền, việc xây dựng xã hội mới cũng được Hồ Chí Minh quan tâm sâu sắc. Hay nói cách khác là tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội được Hồ Chí Minh tiếp tục chỉ đạo Đảng và nhân dân thực hiện. Thời kỳ 1920 - 1945, tư tưởng này đã định hướng cho toàn Đảng toàn dân thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là giành cho được độc lập để tiến tới xã hội cộng sản. Lúc ấy, xã hội chủ nghĩa, xã hội cộng sản có ý nghĩa như là phương hướng đi tới của đất nước. Còn thời kỳ 1945 - 1954, với nhiệm vụ “kháng chiến, kiến quốc”, tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội đã chỉ đạo cả nước thực thi nhiệm vụ giữ vững và củng cố chính quyền Nhà nước mới cũng như từng bước xây dựng đất nước theo chế độ mới. Thời kỳ 1954 - 1969, nội dung tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là kết hợp đúng đắn nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc với nhiệm vụ chống Mỹ, thống nhất nước nhà. Để thực hiện chiến lược này, Bác đã chỉ rõ nhiệm vụ của cả nước, phát huy tinh thần yêu nước, dựa vào sức mạnh của dân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh quốc tế để

xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và thắng Mỹ ở miền Nam. Tư tưởng cách mạng không ngừng – độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh là tổng hợp những quan điểm chiến lược có ý nghĩa chỉ đạo lớn về chính trị, lý luận, nhận thức và hành động của Đảng và nhân dân ta trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

Như vậy, cốt lõi Tư tưởng Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với tự do hạnh phúc của nhân dân có nguồn gốc từ cốt lõi lịch sử tư tưởng Việt Nam: tư tưởng về độc lập dân tộc và cố kết cộng đồng. Bằng tư chất thông minh, tinh tế, sáng tạo, linh hoạt, Hồ Chí Minh đã kế thừa, chắt lọc những giá trị tinh túy trong tư tưởng dân tộc; tiếp thu những tinh hoa văn hóa Đông - Tây; tiếp thu lý tưởng và phương pháp luận khoa học của Chủ nghĩa Mác – Lênin. Có thể nói Tư tưởng Hồ Chí Minh là giai đoạn phát triển cao và rực rỡ tư tưởng Việt Nam.

Tóm lại, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc là nội dung mang tính khoa học và sâu sắc, bao hàm những nội dung về quyền dân tộc tự quyết, tư tưởng về tự lực tự cường, về tự giải phóng trong bảo vệ chủ quyền quốc gia, thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của các dân tộc và là mục tiêu chiến đấu, là nguồn sức mạnh làm nên chiến thắng của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX, một tư tưởng lớn trong thời đại giải phóng dân tộc. “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” là chân lý để dân tộc Việt Nam hành động, đồng thời cũng là nguồn cổ vũ các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới đang đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Với nhãn quan chính trị và lập trường cách mạng sâu sắc, Hồ Chí Minh không những được vinh danh Anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam mà còn là Người khởi xướng cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa trong thế kỷ XX.

1.2. GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC VIỆT NAM VỀ VẤN ĐỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC

1.2.1. Giá trị lịch sử

Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam tuy là môn học mới được chú trọng nghiên cứu trong những năm gần đây, nhưng các nhà nghiên cứu lĩnh vực này cũng không phải là ít. Tư tưởng Việt Nam có mầm mống xa xưa, được hình thành trên mảnh đất Việt và bắt rễ sâu trong nền văn hóa bản địa, làm nên bản sắc riêng đủ sức đánh bại âm mưu đồng hóa kéo dài trong cả ngàn năm Bắc thuộc. Ý thức dân tộc hình thành sớm và tạo ra truyền thống tốt đẹp, có bề dày lịch sử trước khi các học thuyết Nho – Đạo – Phật du nhập vào nước ta.

Cùng với gần 10 thế kỷ độc lập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thắng lợi, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã ra đời, bắt nguồn từ văn hóa, tinh thần và truyền thống yêu nước của dân tộc, được các thế hệ nối tiếp nhau cùng cố và phát triển, trở thành hệ tư tưởng đặc thù của dân tộc, là sản phẩm tư duy của người Việt Nam. Sau này Giáo sư Trần Văn Giàu khẳng định: “Lịch sử Việt Nam, dài nhiều nghìn năm, chủ yếu là lịch sử đấu tranh giành lại và bảo vệ độc lập dân tộc. Cho nên tư tưởng chủ yếu của dân tộc Việt Nam là tư tưởng yêu nước xuyên suốt lịch sử cổ kim. Sự hình thành và phát triển của tư tưởng yêu nước đi đôi với sự hình thành và phát triển của quốc gia dân tộc,..., lúc nào thực tế cũng chứng minh rằng tư tưởng yêu nước không phải chỉ là một triết lý để nhàm chán, nó là kim chỉ nam cho hành động, là tiêu chuẩn để nhận định đúng – sai, tốt – xấu, nên – chẳng, ...” [14, tr. 10].

Phân tích đến đây ta có thể khái quát những giá trị lịch sử của tư tưởng triết học Việt Nam về vấn đề độc lập dân tộc như sau:

Một là, ý nghĩa của vấn đề độc lập dân tộc. Đây là khát vọng ngàn đời của nhân dân Việt Nam. Hơn 4000 năm lịch sử, dưới sự thống trị của các thế lực ngoại xâm, người Việt đã ý thức rõ ý nghĩa của độc lập dân tộc. Cho nên,

những gì có liên quan đến cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm cũng như các nhà tư tưởng Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi, Quang Trung, Minh Mệnh, các nhà canh tân thế kỷ XIX và Hồ Chí Minh đều khẳng định quyền dân tộc tự quyết của Việt Nam; ý chí quyết tâm giữ vững độc lập dân tộc, giữ vững bản sắc văn hoá Việt Nam; nghị lực, quyết tâm của dân tộc trong sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Từ tình yêu quê hương, xứ sở phát triển lên thành ý thức bảo vệ non sông đất nước, giang sơn, Tổ quốc, sơn hà xã tắc (ý niệm sâu sắc về lãnh thổ quốc gia) là bước trưởng thành của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam truyền thống.

Sẽ thật là có lý nếu coi lịch sử chống ngoại xâm như là một đặc điểm nổi bật và xuyên suốt tiến trình lịch sử Việt Nam. Cũng cần phải khẳng định là chính lịch sử chống ngoại xâm đã quy định nhiều đặc điểm của bản sắc văn hóa, xã hội Việt Nam. Nhưng lịch sử chống ngoại xâm còn bị chi phối bởi những cơ sở kinh tế - xã hội, là sức mạnh vật chất và tinh thần để dân tộc ta vượt qua những thử thách hiểm nghèo, làm nên những chiến công thần kỳ trong sự nghiệp chống ngoại xâm. Lịch sử xây dựng và bảo vệ đất nước đã kết tinh thành những giá trị truyền thống tiêu biểu cho sức sống và bản sắc dân tộc. Đến thời đại Hồ Chí Minh, kế thừa truyền thống quý báu của dân tộc và tiếp thu nền văn hóa của nhân loại, ý thức chủ quyền quốc gia càng được dân tộc khẳng định và tiếp tục nuôi dưỡng cả trong hiện tại và mai sau.

Hai là, tư tưởng triết học Việt Nam đã định nghĩa được “thế nào là một quốc gia độc lập” và đưa ra hàng loạt những căn cứ để khẳng định chủ quyền quốc gia. Trong khuôn khổ của chế độ phong kiến, người ta quan niệm một nước độc lập và có chủ quyền phải là một nước có vua. Lý Thường Kiệt đã lý giải chủ quyền của nước Việt rằng “sông núi nước Nam vua Nam ở”. Nguyễn Trãi đưa ra bốn yếu tố: lãnh thổ, phong tục, văn hóa và lịch sử để khẳng định chủ quyền quốc gia dân tộc, v.v.. Nội dung và cách thức trình bày của các nhà

tư tưởng Việt Nam đã cho thấy một quan niệm rõ ràng về quốc gia dân tộc, về các yếu tố tạo thành quốc gia dân tộc.

Ba là, tư tưởng triết học Việt Nam đã lý giải một loạt những mối quan hệ: giữa độc lập dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân; giữa độc lập dân tộc với việc kế thừa văn hóa, văn minh nhân loại; giữa bạn và thù.

Trong suốt các cuộc chiến tranh giữ nước, bảo vệ bờ cõi Tổ quốc đã phản ánh khát vọng của dân tộc ta là độc lập, tự do, mong muốn xây dựng một xã hội yên ổn, nhân dân hạnh phúc. “Cứu nước trước hết phải cứu dân” đó là nét nổi bật trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi. Ông nói “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”. Về sau, Hồ Chí Minh cũng nêu lên “ham muốn tột bậc” làm sao cho nước nhà được độc lập, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, v.v.. Rõ ràng là, các nhà tư tưởng đã nhận thức rõ tính biện chứng giữa độc lập dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân. Hòa bình, ấm no, sống trong yên vui là tâm lý phổ biến, là nguyện vọng thiết tha của mọi người, mọi giai cấp, mọi dân tộc và đó là điều rất tự nhiên, chân chính.

Với quá trình hình thành tư tưởng lý luận của mình, tư tưởng triết học Việt Nam còn kế thừa có chọn lọc tư tưởng bên ngoài. Mặc dù nêu cao tinh thần tự tôn dân tộc nhưng chúng ta cũng không thể bỏ qua việc học tập, kế thừa những tư tưởng tiến bộ của nhân loại. Hiện tượng đó thể hiện tinh thần học hỏi, tiếp thu cái mới của người Việt, biết làm phong phú tư tưởng dân tộc, cố gắng tìm ra những hình thức và bước đi thích hợp cho công cuộc cứu nước và dựng nước. Do đó tư tưởng triết học Việt Nam về vấn đề độc lập dân tộc có những thành công và những cống hiến to lớn về mặt tư duy lý luận.

Tổng kết những thời kỳ lịch sử đã qua, mối quan hệ giữa bạn và thù đã được người Việt Nam phân biệt rõ ràng. Xuất phát từ lòng nhân đạo, truyền thống nhân nghĩa, tư duy của người Việt là tư duy biện chứng, biện chứng ở

cách nhìn sự vật, sự việc trong mối liên hệ, trong sự chuyển hóa, trong sự tác động quan lại của nhiều yếu tố.

Bốn là, tư tưởng về phương thức giữ và giành độc lập dân tộc như: lấy chính nghĩa thắng hung tàn; đại đoàn kết dân tộc; kiên quyết đấu tranh với kẻ thù, với việc đối xử nhân đạo với kẻ thù đầu hàng; trường kỳ kháng chiến; lấy ít thắng nhiều; lấy yếu thắng mạnh; kết hợp giữa hiện đại và thô sơ; v.v... Đây là phương pháp làm nên chiến thắng và có ý nghĩa quy luật của một quân đội chiến đấu cho sự nghiệp chính nghĩa nhưng ít về số lượng và yếu về mặt trang bị của dân tộc ta.

Xuyên suốt tiến trình lịch sử, tư tưởng độc lập dân tộc không chỉ thể hiện bằng ý thức đứng dậy đấu tranh chống lại kẻ thù trong thời kỳ đầu dựng nước, mà còn được khái quát thành hệ thống quan điểm, lý luận ở những giai đoạn sau. Dù ở thời đại nào thì ý thức tự tôn dân tộc luôn hiện diện trong tâm thức của mỗi người dân Việt Nam. Tư tưởng độc lập dân tộc sẽ đồng hành cùng với sự phát triển của xã hội và mãi là ngọn cờ tiên phong trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

1.2.2. Hạn chế lịch sử

Khi nghiên cứu về lịch sử Việt Nam cũng như nguồn gốc tư tưởng triết học Việt Nam, có một thắc mắc rằng, tại sao với ý thức bảo vệ chủ quyền và tinh thần yêu nước lớn như vậy, Việt Nam không giải quyết nạn ngoại xâm một lần cho xong mà phải trải qua thời gian chống giặc nhiều đến thế. Phải chăng hệ tư tưởng ấy chưa cao, chưa có tầm ảnh hưởng lớn hay do tham vọng bành trướng của các nước bên ngoài mà Việt Nam chưa thể khẳng định chủ quyền ngang hàng với phương Bắc?

Khẳng định chủ quyền quốc gia và thống nhất đất nước là nội dung cơ bản trong sự phát triển của chủ nghĩa yêu nước truyền thống, vấn đề độc lập dân tộc được trình bày khá sâu sắc trong thời kỳ xây dựng quốc gia phong

kiến độc lập nhưng những tư tưởng ấy lại thiếu hẳn một cương lĩnh, một đường lối tổng quát, đó là vấn đề chế độ xã hội sau khi thắng lợi đã không hề được đặt ra. Do lệ thuộc vào sách vở Trung Quốc, nên các tác giả Việt Nam chưa thoát khỏi cách nhìn của phương Bắc. Cũng chính vì vậy mà họ chưa nhận ra nguyên nhân đích thực và sâu xa của các cuộc khởi nghĩa và vấn đề dựng nước theo mô hình nào vẫn chưa hề đề cập đến. Cũng chưa có ai thoát khỏi quan niệm cố hữu về chế độ quân chủ trong đó nước phải có vua, vua được tuyển lựa trong dòng chính thống, dân phải là dân của vua, đất phải là đất của vua. Có nghĩa là, tuy đã trở nên phong phú hơn trước với những vấn đề mới mà thực tiễn đặt ra, nhưng tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam vẫn bị bó chặt trong phạm trù hệ tư tưởng phong kiến. Về sau, những tư tưởng canh tân, cải cách cũng thể hiện sự chậm trễ lịch sử trước bối cảnh của đất nước.

Một vấn đề nữa đòi hỏi cần nhìn nhận, Việt Nam có hệ thống tư tưởng triết học thực sự, có các nhà tư tưởng, cũng có triết gia. Ấy vậy mà Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống, thống trị chế độ phong kiến hàng mấy thế kỷ. Đây cũng là cái hạn chế của chúng ta, bởi triều đại phong kiến chưa phát huy được vai trò của mình, cũng chưa có chính sách khai thác, đầu tư và sử dụng hệ tư tưởng của các nhà tư tưởng trong nước. Minh chứng cho lập luận này là những tư tưởng, lý luận của chúng ta đều được ghi lại bằng chữ Hán và bằng những khái niệm, phạm trù của tam giáo và của các nhà canh tân Trung Quốc. Hơn nữa, các tác giả lại là những nhà Nho, uyên thâm Hán học, điều này khó tránh khỏi quan điểm mà nhiều người cho rằng, Việt Nam không có hệ thống triết học riêng.

Bàn về nguồn gốc ra đời tư tưởng triết học Việt Nam, bên cạnh những tư tưởng bản địa, chúng ta còn kế thừa những tư tưởng bên ngoài. Thế nhưng, nhiều khi chúng ta tiếp thu văn hóa nước ngoài thiếu tính độc lập và phê phán,

nhất là tiếp thu những phong tục, tập quán, mê tín dị đoan của Trung Quốc. Bên cạnh đó, chúng ta vẫn còn máy móc khi sử dụng các thuật ngữ do Trung Quốc dịch thiếu chính xác mà không ra soát lại, chẳng hạn như thuật ngữ chủ nghĩa cộng sản, tư sản, vô sản, v.v.. dẫn đến hiểu sai nội hàm của các thuật ngữ trên và vận dụng vào thực tiễn xây dựng đất nước một cách phiến diện, duy ý chí.

Ngoài ra, chúng ta áp dụng một số kinh nghiệm Trung Quốc lại thiếu tính độc lập tự chủ. Nếu theo đúng quan điểm của chuyên gia Trung Quốc thì chưa chắc có chiến thắng Điện Biên Phủ. Tuy nhiên, chúng ta đã sai lầm khi áp dụng nhiều kinh nghiệm Trung Quốc như cải cách ruộng đất, đấu tố, v.v.. Bởi những kinh nghiệm này không phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam, quan hệ sản xuất không phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Trong lịch sử Việt Nam, chưa có công trình nào nghiên cứu cụ thể tư tưởng triết học về vấn đề độc lập dân tộc, mà chủ yếu được trình bày lồng ghép trong các tác phẩm hay trình bày đan xen trong nội dung tư tưởng của các nhà tư tưởng và mang tính chất sử học hơn là tính chất triết học.

Ở một góc độ khác, do đặc thù của lịch sử, Việt Nam vẫn chưa có một nền giáo dục triết học nước nhà bài bản theo đúng nghĩa của nó. Triết học, theo cách nói của Mác chính là tinh hoa tinh thần của thời đại, là sự nắm bắt thời đại trong tư tưởng. Việt Nam là quốc gia có bề dày lịch sử ngàn năm và có truyền thống lịch sử hào hùng. Không có lý do gì, một đất nước với bao thành tựu vĩ đại của một nền văn hóa rực rỡ, với những thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống thiên nhiên và các thế lực ngoại bang lại không có một nền triết học tương xứng, lại không tôn vinh xây dựng một nền triết học sâu sắc làm nền tảng vững chắc cho giáo dục quốc gia cũng như mọi mặt đời sống xã hội. Điều này đặt ra nhiệm vụ mới cho chúng ta tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam về vấn đề độc lập dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Xuất phát từ thực tiễn xã hội Việt Nam, truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm đã hình thành nên chủ nghĩa yêu nước truyền thống - là nội dung cốt lõi trong tư tưởng triết học về vấn đề độc lập dân tộc. Điều cốt lõi đó do những nhân tố khách quan như địa tự nhiên, địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hóa và nhân tố chủ quan là cách tư duy, cách ứng xử của người Việt trong điều kiện cụ thể nói trên. Trong suốt tiến trình lịch sử, nó đã trở nên cô đọng, vận động, biến hóa với một phong thái cởi mở, mang tính hiện đại nhưng không xa rời cốt cách riêng để tạo ra sắc thái từ thời Văn Lang – Âu Lạc đến thời đại Hồ Chí Minh. Trải dài các thời kỳ phát triển, độc lập dân tộc là nội dung không chỉ được biểu hiện ra bằng các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm của mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam mà còn được khái quát thành hệ thống tư tưởng, lý luận. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, với tư cách là hệ thống tư tưởng thành văn đã được Lý Thường Kiệt mở đầu bằng sự khẳng định chủ quyền của dân tộc “Sông núi nước Nam vua Nam ở”. Tiếp đó đã được bổ sung bằng các tư tưởng về các yếu tố tạo thành quốc gia, dân tộc Việt Nam, về sự bình đẳng, ngang hàng với phương Bắc của Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ; về kế sách chống giặc giữ nước của Trần Quốc Tuấn, các nhà canh tân; tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những đòi hỏi của lịch sử, với truyền thống và khả năng có thể sản sinh ra những anh hùng ngang tầm thời đại đã kết tinh thành một hệ thống tư tưởng khá hoàn chỉnh, là sản phẩm tư duy mang bản sắc của Việt Nam. Tất nhiên trên con đường hình thành hệ tư tưởng này có sự tiếp thu những giá trị mà các học thuyết bên ngoài mang lại. Tư tưởng về vấn đề độc lập dân tộc đã được lịch sử ghi nhận và sẽ được nối tiếp, tập trung vào những con người ở thời đại mới - thời đại xây dựng chủ nghĩa xã hội.

CHƯƠNG 2
NHẬN THỨC CỦA THANH NIÊN VỀ
VẤN ĐỀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA HIỆN NAY

2.1. BỐI CẢNH ĐẤT NƯỚC VÀ YÊU CẦU CỦA VIỆC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

2.1.1. Tình hình kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay

Nếu như trước đây, Việt Nam bị xóa tên hoặc ít được biết đến trên bản đồ thế giới thì sau hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ oanh liệt, cùng với công cuộc đổi mới và phát triển đất nước như hiện nay, hình ảnh Việt Nam trên vũ đài quốc tế sáng hẳn ra, thu hút sự quan tâm của thế giới. Để bảo vệ những thành quả ấy, Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm của mình, tiếp tục xây dựng đất nước xứng đáng với những gì mà cha ông đã gây dựng. Ngày nay, bảo vệ chủ quyền quốc gia gắn liền với hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng đất nước là tạo ra cơ sở chính trị ổn định, nền tảng kinh tế vững chắc, đời sống văn hóa – xã hội tiến bộ, đường lối ngoại giao khôn khéo, linh hoạt. Xây dựng luôn đi đôi với bảo vệ, muốn bảo vệ Tổ quốc cần phải xây dựng thực lực quốc gia, nghĩa là phải kết hợp hai sức mạnh: sức mạnh cứng và sức mạnh mềm. Sức mạnh cứng được hiểu là cơ sở vật chất, kinh tế và quân sự; sức mạnh mềm là các nhân tố tinh thần, gồm 3 nguồn chính: văn hóa, chính sách đối ngoại và các giá trị chính trị hấp dẫn của một quốc gia. Phát huy sức mạnh tổng hợp là quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta, nhằm động viên, quy tụ, phát huy cao độ sức mạnh của các nhân tố chính trị, tinh thần, tư tưởng, văn hóa, quốc phòng, an ninh, kinh tế, đối ngoại; sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân và cả hệ thống chính trị, tạo ra sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh

thổ của Tổ quốc. Việt Nam đã bước đầu xây dựng nền tảng cho sức mạnh tổng hợp quốc gia để thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược này và đã đạt được những thành tựu cũng như tồn tại một số hạn chế sau.

a. Thành tựu

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, bằng sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đất nước từng bước phát triển; độc lập dân tộc, chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững, quốc phòng an ninh vững chắc, sự phối hợp quốc phòng, an ninh, đối ngoại được chú trọng hơn. Tình hình chính trị ổn định, hệ thống chính trị ngày càng kiện toàn, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; đời sống của nhân dân dần dần được cải thiện và nâng cao; Việt Nam ngày càng có vị trí quan trọng và vị thế trên trường quốc tế; quan hệ hợp tác với các nước trên thế giới, đặc biệt là những nước láng giềng, những nước trong khu vực càng được mở rộng và củng cố. Tham gia tích cực và có trách nhiệm tại các diễn đàn khu vực và quốc tế; đảm nhiệm tốt vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, đảm nhiệm thành công vai trò Chủ tịch ASEAN; gia nhập thành công tổ chức Thương mại thế giới (WTO), thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, ... Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tình hình chính trị ổn định so với các nước khác trên thế giới. Kết quả này đạt được là nhờ chúng ta luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; lấy giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của đất nước và cũng là cơ sở để tăng thêm sức mạnh quốc gia.

Trên lĩnh vực kinh tế, nền kinh tế nước nhà cũng có bước chuyển biến tích cực. Mặc dù chịu sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn duy trì mức tăng trưởng và ổn định. Theo báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X, kinh tế nước ta tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,26%/năm; tổng sản phẩm trong nước

(GDP) năm 2010 theo giá thực tế gấp 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 1.168 USD, thoát khỏi nhóm nước có thu nhập thấp, bước vào nhóm nước có thu nhập trung bình [11, tr.20].

Bên cạnh đó, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước dần bước vào chiều sâu và đạt được kết quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng từ 36,7% năm 2000 lên 41,1% năm 2010. Cơ cấu lao động đã có sự chuyển đổi tích cực, từ năm 2000 đến năm 2010, tỷ trọng lao động trong công nghiệp và xây dựng tăng từ 13,1% lên 22,4%, dịch vụ tăng từ 19,7% lên 29,4% [5, tr. 139]. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế đã được nhận thức và nâng lên tầm mới phù hợp với thực tiễn. Văn hóa, xã hội có tiến bộ, nhiều di sản văn hóa được thế giới công nhận; an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; mức sống, thu nhập của người dân tăng cao; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 9,5%. Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên được mở rộng lên trên 2,5 triệu người [13, tr. 71]. Đạt được kết quả ấy là nhờ Đảng ta đã quán triệt quan điểm “Phát triển văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển là thể hiện rõ nhất tính ưu việt của chế độ ta” [11, tr. 40].

Những thành tựu trên là yếu tố đảm bảo cho việc xây dựng sức mạnh quốc gia tổng hợp để bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc mà trong đó bao gồm cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm. Nếu như nước Mỹ xây dựng sức mạnh mềm với giá trị tự do, dân chủ, nhân quyền thì ở nước ta sức mạnh mềm là những thành tựu trên lĩnh vực văn hóa – xã hội – ngoại giao (như đã trình bày ở trên).

Tiếp thu những chủ trương, đường lối của Đảng trong xây dựng đất nước, toàn Đảng, các cấp, các ngành đã dành nhiều thời gian nghiên cứu, triển

khai và thực hiện các Nghị quyết của Đảng. Đại hội Đảng lần thứ XI đã đưa ra một số Nghị quyết phù hợp với tình hình cụ thể của nước ta và bối cảnh quốc tế. Vừa qua, Hội nghị Trung ương 8 khóa XI bàn về nhiều vấn đề cấp bách của đất nước trước bối cảnh hiện nay, trong đó vấn đề bảo vệ Tổ quốc cũng được Hội nghị quan tâm và ra Nghị quyết về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”. Đây là Nghị quyết chuyên đề về bảo vệ Tổ quốc rất quan trọng của Đảng; thể hiện sâu sắc tầm nhìn chiến lược, tư duy mới của Đảng ta về hai nhiệm vụ chiến lược, trực tiếp là nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới của cách mạng Việt Nam. Nghị quyết nhấn mạnh rằng: “Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta” [13, tr. 167].

Ngoài ra, vấn đề giáo dục - đào tạo nguồn nhân lực cũng được chú trọng triển khai. Đến năm 2010, tất cả các tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng, đạt 40% tổng số lao động làm việc [11, tr.153]. Kết quả này, bước đầu đã đáp ứng yêu cầu cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức. Hệ thống giáo dục quốc dân được hoàn thiện, xây dựng xã hội học tập. Đây là yếu tố quyết định cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Như vậy là, truyền thống của cha ông “giữ vững độc lập đi đôi với xây dựng đất nước” đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân quyết tâm thực hiện trên tất cả các lĩnh vực. Nhờ sự nỗ lực phấn đấu của toàn dân, toàn quân, cộng đồng doanh nghiệp và cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, tình hình kinh tế xã hội đã có nhiều chuyển biến tích cực,

đúng hướng trên các lĩnh vực. Với thành công ấy, sức mạnh tổng hợp của đất nước được tăng lên tạo tiền đề để nước ta tiếp tục con đường phát triển của mình, có nền tảng vững chắc bảo vệ chủ quyền quốc gia, đồng thời có những bước đi xa hơn hướng tới mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, trong quá trình phát triển đất nước, chúng ta không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định.

b. Hạn chế

Cùng với những thành tựu đã đạt được, chúng ta đừng vội tự hào mà cần phải nhận thức rõ rằng, bên cạnh thành tựu bao giờ cũng tồn tại mặt hạn chế.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế thị trường tạo ra bộ mặt mới cho đất nước nhưng cũng chứa đựng những hạn chế. Tình trạng ô nhiễm môi trường tại nhiều khu, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất, lưu vực sông chập chững được cải thiện, gây ảnh hưởng đến môi trường sống, sức khỏe của người dân. Yếu tố này cũng là nguyên nhân dẫn đến biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến bất thường nhất là trong những năm gần đây, hạn hán, lũ lụt đã gây thiệt hại lớn về vật chất lẫn tinh thần của cả nước.

Nền kinh tế thị trường còn làm cho đạo đức, lối sống của con người đi xuống, đặc biệt là lối sống xa hoa, đua đòi, trụy lạc của thế hệ trẻ. Xu hướng chạy theo đồng tiền, lối sống thực dụng; đánh mất nhân cách, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; hạnh phúc gia đình mong manh, ... là những nguy cơ, những hạn chế lớn cần sự chung tay, góp sức khắc phục của toàn xã hội.

Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Quá trình xử lý các vụ việc tham nhũng ở nước ta còn chậm. Tình trạng nhũng nhiễu của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức gây bức xúc trong nhân dân chậm được giải quyết. Vấn đề này đã được nhìn thấy rất rõ, phản ánh rất nhiều nhưng vẫn chưa giải quyết được mà ngược lại, mức độ biểu hiện càng “tinh vi” hơn, gây thất thoát tài sản của nhà nước với

con số không nhỏ. Mặc dù Hội nghị Trung ương 4 khóa XI triển khai thực hiện chủ trương “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” nhưng kết quả đạt được chưa “tương xứng” với hậu quả mà chúng để lại. Tình hình này cho thấy, chống giặc ngoại xâm đã khó, chống nạn “nội xâm” cũng không kém phần khó khăn.

Hiện nay, vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia còn nhiều thách thức. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vẫn còn tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất ổn định ở một số địa bàn. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng còn nhiều bất cập. Việc khắc phục tình trạng lộ lọt bí mật Nhà nước và đấu tranh ngăn chặn hành vi lợi dụng internet gây phương hại cho đất nước hiệu quả chưa cao. Tội phạm và tệ nạn xã hội vẫn còn nhiều bức xúc, biểu hiện phạm tội ngày càng nguy hiểm hơn. Các thế lực thù địch đang âm mưu thực hiện các thủ đoạn diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ nhằm xóa bỏ chế độ chính trị của nước ta. Tranh chấp biển đảo cũng là vấn đề nóng bỏng trong giai đoạn hiện nay. Gần đây, khu vực Châu Á – Thái Bình Dương là khu vực có tình hình biến Đông diễn biến hết sức phức tạp. Trong đó, sự lớn mạnh và tư tưởng muốn độc chiếm biển Đông của Trung Quốc gây phẫn nộ cho nhiều nước xung quanh, Việt Nam cũng không nằm ngoài hoàn cảnh này.

Rõ ràng là những hạn chế không loại trừ bất kỳ lĩnh vực nào của đời sống xã hội. Nó len lỏi vào đời sống xã hội như là điều đương nhiên và có nguy cơ xâm phạm đến chủ quyền quốc gia. Thực sự chủ quyền quốc gia đang đứng trước thách thức lớn. Đấu tranh chống lại những hạn chế ấy là việc mang tính cấp bách. Thiết nghĩ, đã đến lúc những người Việt Nam chúng ta phải cùng nhau xây dựng chiến lược khắc phục những hạn chế trên, các nhà lãnh đạo phát huy vai trò của mình kết hợp với sự đồng lòng, chung sức của nhân dân để giữ gìn và bảo vệ chủ quyền quốc gia cũng như tiến tới xây dựng quốc gia “mạnh về kinh tế, ổn định về chính trị, tiến bộ về văn hóa, xã hội”.

2.1.2. Bối cảnh thế giới và những cơ hội, thách thức

Thế giới đã bước sang thế kỷ XXI với nhiều thay đổi to lớn. Với những thành tựu phi thường của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại dẫn đến sự biến đổi triệt để về chất của lực lượng sản xuất, biến khoa học kỹ thuật thành nhân tố chủ đạo của sự phát triển nền sản xuất xã hội, thành lực lượng sản xuất trực tiếp, dẫn đến sự biến đổi cách mạng trong cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội, trong tính chất và phân công lao động xã hội. Không những thế, nó còn tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội, đòi hỏi con người ngày càng nâng cao trình độ học thức chuyên môn, trình độ văn hoá, tổ chức, làm thay đổi thói quen, tập tục lỗi thời; thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế, văn hoá xã hội.

Để đáp ứng những yêu cầu mà cách mạng khoa học công nghệ đặt ra, kinh tế tri thức đã ra đời. Nếu như nền văn minh nông nghiệp chủ yếu dựa vào yếu tố kinh nghiệm; nền văn minh công nghiệp dựa vào các yếu tố tài nguyên, vốn thì nền văn minh hậu công nghiệp chủ yếu dựa vào yếu tố tri thức. Tri thức, trí tuệ trở thành công cụ, sức mạnh đo lường trình độ phát triển của các quốc gia với nhau. Phát triển kinh tế tri thức là cơ hội rút ngắn khoảng cách lạc hậu, góp phần làm cho quá trình toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng; đời sống kinh tế, chính trị, xã hội biến chuyển không ngừng.

Mặt khác, sự ra đời của internet, các phương tiện truyền thông, v.v... thế giới dường như thu nhỏ lại, các đường biên giới quốc gia mờ đi, sự di chuyển các nguồn lực, ý tưởng từ nước này sang nước khác trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Thế giới trở nên bất định hơn, trong khi mỗi quốc gia càng trở nên gắn kết hơn với bộ phận còn lại của thế giới do đó càng bị chi phối nhiều hơn vào những sự kiện xảy ra bên ngoài. Điều này chúng ta nên đáng mừng hay nên chẳng là nỗi lo của toàn nhân loại?

Rõ ràng nhìn thấy rằng, đặc điểm nổi bật nhất trong giai đoạn hiện nay là các nước với các chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, hợp tác và đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế đã trở thành xu thế lớn và là một đặc trưng quan trọng của thế giới hiện nay. Đây là sự lựa chọn không thể nào khác, vừa là cơ hội vừa là thách thức của mọi quốc gia. Trong điều kiện toàn cầu hoá kinh tế, chúng ta có nhiều cơ hội để tiếp cận nền khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại của thế giới, học hỏi những kinh nghiệm quản lý xã hội, tiếp thu những tinh hoa của nền văn minh công nghiệp và sử dụng tất cả những cái đó để tăng cường khả năng bảo vệ chủ quyền quốc gia của mình. Tuy nhiên, điều đáng quan tâm hơn là, trong điều kiện toàn cầu hoá kinh tế hiện nay, chủ quyền quốc gia đang phải đối đầu với nhiều thách thức. Những thách thức đó khó nhận biết hơn, mang sắc thái mới hơn trước đây (trong điều kiện có chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc). Đó là những thách thức được che dấu dưới những chiếc áo khoác nhiều màu sắc hấp dẫn của lợi ích kinh tế, của sự cám dỗ về vật chất, được nhìn nhận qua những lăng kính ảo của tham vọng cá nhân, của những chuẩn mực giá trị đạo đức, lối sống sai lệch.

Với bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, đan xen giữa cơ hội và thách thức, thuận lợi và khó khăn, điều quan trọng là phải nhận thức rõ những đặc điểm có tính chất chi phối sự phát triển lâu dài. Theo nhận định của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng ta: “Trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Toàn cầu hóa kinh tế tạo ra cơ hội phát triển nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức lớn cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Cạnh tranh kinh tế - thương mại, giành giật các nguồn tài nguyên, năng lượng, thị trường, nguồn vốn, công nghệ... giữa các nước

ngày càng gay gắt. Khoa học và công nghệ sẽ có bước tiến nhảy vọt và những đột phá lớn. Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động khủng bố, những tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Các mâu thuẫn lớn của thời đại vẫn rất gay gắt. Nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phối hợp giải quyết; khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và nước nghèo ngày càng lớn...” [10]. Nhận định này cho đến hiện nay vẫn còn nguyên giá trị.

Hiện nay, tuy chiến tranh thế giới khó xảy ra nhưng những xung đột về sắc tộc, tôn giáo vẫn còn diễn biến phức tạp, nguy cơ suy thoái về văn hóa, đạo đức của thế hệ trẻ, môi trường bị ô nhiễm, bệnh tật gia tăng. Vấn đề tranh chấp biển đông, tranh chấp lãnh thổ cũng đang đe dọa đến nền hòa bình chung của thế giới. Các nước lớn muốn thực hiện tham vọng bành trướng, bá chủ toàn cầu đang gấp rút tiến hành các hoạt động kinh tế, chạy đua vũ trang, ra sức lôi kéo các nước nhỏ vào dòng chảy chung của mình. Chính những điều này lại đưa đến hệ quả phụ thuộc và lệ thuộc về kinh tế, chính trị, văn hóa. Lênin nói rằng: “Một nước muốn hòa nhập trước hết phải độc lập”. Độc lập là tiền đề, nền tảng để thực hiện các mục tiêu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Nếu không có quyền tự quyết dân tộc thì không thể tạo ra sự bình đẳng giữa các quốc gia dân tộc với nhau.

Với bối cảnh nói trên, chúng ta cần làm gì? Xây dựng thực lực quốc gia lớn mạnh, duy trì nền hòa bình hay chung tay góp sức cùng cộng đồng thế giới giải quyết các vấn đề mà thực tiễn đặt ra? Có lẽ mỗi quốc gia cần thực hiện đồng thời những nhiệm vụ trên. Trong đó, xây dựng thực lực quốc gia là nền tảng, giao lưu quốc tế là động lực để duy trì ổn định về chính trị và phát triển kinh tế. Việc Việt Nam tuyên bố là bạn với tất cả các nước trên cơ sở tôn

trọng chủ quyền của các quốc gia, tăng cường hợp tác, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế chính là quá trình tìm kiếm động lực cho quá trình phát triển đất nước, giữ vững chủ quyền và an ninh quốc gia.

Trong khi tìm kiếm động lực cho sự phát triển đất nước, chúng ta cần có cái nhìn biện chứng giữa các mặt đối lập nhau. Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là nguồn gốc của sự vận động và sự phát triển. V.I.Lênin viết: “Sự phát triển là một cuộc đấu tranh của các mặt đối lập” [25, tr. 379]. Vậy, cơ hội và thách thức, thuận lợi và khó khăn sẽ được chuyển hóa cho nhau. Việc khai thác được lợi ích đến đâu và hạn chế các bất lợi, thách thức thế nào phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Trong đó, hội nhập, hợp tác là quá trình vận động khách quan còn năng lực của mỗi quốc gia là yếu tố mang tính chủ quan. Sẽ là sai lầm nếu một quốc gia nào đó chỉ chú trọng đến phát triển kinh tế, mở rộng quan hệ đối ngoại mà bỏ quên việc giáo dục truyền thống dân tộc, ý thức tự cường dân tộc cho người dân. Vì vậy, ý thức tự lập tự cường, phát huy nội lực dân tộc, bảo vệ chủ quyền quốc gia là vấn đề không thể xem nhẹ mà cần được chú tâm nhiều hơn.

2.1.3. Vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc trong giai đoạn hiện nay

Chủ quyền quốc gia là thuật ngữ dùng để chỉ quyền làm chủ thiêng liêng, bất khả xâm phạm của một quốc gia độc lập nhất định, được thể hiện trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao và được đảm bảo toàn vẹn, đầy đủ về mọi mặt, cả lập pháp, hiến pháp lẫn tư pháp trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia đó. Đây là đặc trưng chính trị và pháp lý thiết yếu của một quốc gia độc lập, được thể hiện trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước và trong hệ thống pháp luật quốc gia. Tôn trọng chủ quyền quốc gia còn là một nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế. Một trong những nguyên tắc cơ bản nhất được Hiến chương Liên

Hợp quốc khẳng định là tôn trọng và bảo đảm sự bình đẳng về chủ quyền quốc gia, không một quốc gia nào được can thiệp hoặc khống chế, xâm phạm chủ quyền của một quốc gia độc lập khác. Việt Nam đã nghiêm túc thực hiện nguyên tắc ấy.

Tuy nhiên, với quá trình hình thành quốc gia dân tộc, đặc điểm lịch sử lớn nhất của Việt Nam là trải qua thời gian khá lâu dài chống chọi với thế lực ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Việt Nam không giống như nhiều nước khác trên thế giới, không trải qua tuần tự năm hình thái kinh tế - xã hội một cách tự nhiên mà phát triển rút ngắn, bỏ qua một vài hình thái kinh tế - xã hội, đặc điểm này có ảnh hưởng chi phối đến sự cố kết cộng đồng và sự phát triển của dân tộc.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (1858), xã hội Việt Nam chuyển từ xã hội phong kiến sang xã hội thuộc địa nửa phong kiến, tồn tại hai mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp xâm lược và mâu thuẫn giữa nhân dân lao động với bọn địa chủ phong kiến. Sự vận động của hai mâu thuẫn cơ bản trên dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với bọn đế quốc Pháp xâm lược và bè lũ tay sai. Những chuyển biến đó tác động sâu sắc đến việc hình thành sự đoàn kết, cố kết dân tộc trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, tự do của nhân dân.

Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trực tiếp lãnh đạo cách mạng, dân tộc Việt Nam đã có bước phát triển nhảy vọt về chính trị, giành được độc lập dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân và từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội lý luận cách mạng không ngừng, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 cũng chỉ rõ: “Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc... Đặc điểm nổi bật

trong giai đoạn hiện nay của thời đại là các nước với các chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có bước tiến mới. Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội” [11, tr. 69].

Trong “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020” Đảng ta tiếp tục nhận định Việt Nam trong bối cảnh quốc tế “Nước ta bước vào thời kỳ chiến lược mới trong bối cảnh thế giới đang thay đổi rất nhanh, phức tạp và khó lường. Trong thập niên tới, hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế lớn, nhưng xung đột sắc tộc và tôn giáo, tranh giành tài nguyên và lãnh thổ, nạn khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia có thể gia tăng cùng với những vấn đề toàn cầu khác như đói nghèo, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, các thảm họa thiên nhiên... buộc các quốc gia phải có chính sách đối phó và phối hợp hành động” [11, tr. 95 - 96].

Vậy là, nội dung giữ vững độc lập trong thời đại ngày nay cần được nhận thức một cách đúng đắn, sâu sắc và khoa học trên cơ sở nghiên cứu sự vận động đầy mâu thuẫn và phức tạp của tình hình thế giới. Kể từ khi hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ khiến chủ nghĩa xã hội lâm vào tình trạng thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại. Các mâu thuẫn trên thế giới vẫn tồn tại và phát triển với nhiều nội dung và hình thức mới. Trong bối cảnh thế giới đang thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường thì “hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn,... Toàn cầu hóa và cách mạng khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin và kinh tế tri thức.... Kinh tế nước ta trong giai đoạn phục hồi, lấy lại đà tăng trưởng sau thời kỳ suy giảm, cấu trúc lại nền kinh tế để phát triển nhanh và bền vững; khắc phục những hạn chế, yếu

kém trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và Hệ thống chính trị” [11, tr.28-29].

Những thành tựu của sự nghiệp đổi mới vừa qua đã và đang tạo thế và lực mới cho phép tăng cường giữ vững độc lập dân tộc, tự chủ đi đôi với hội nhập quốc tế. Đảng ta trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đã đặc biệt nhấn mạnh đến đường lối độc lập tự chủ và sáng tạo, nhấn mạnh yếu tố nguồn lực nội sinh của dân tộc. Hồ Chí Minh đã từng dạy: “Mỗi người dân phải hiểu rõ: có tự lập mới có độc lập, có tự cường mới tự do” [31, tr. 441]. Độc lập dân tộc trong thời đại ngày nay còn mang những nội dung mới. Đó là sự kết hợp nguồn lực nội sinh của dân tộc với việc thu nhận nguồn lực ngoại sinh của thời đại để tạo nên sức mạnh tổng hợp. Quan niệm về độc lập tự do của dân tộc cần phải được chú ý toàn diện từ độc lập tự do về lãnh thổ, về chủ quyền an ninh quốc gia dân tộc đến độc lập tự do về chính trị, kinh tế, văn hóa và lối sống, đạo đức xã hội. Không thể có độc lập tự do về chính trị nếu bị lệ thuộc về kinh tế. Độc lập sẽ bị đe dọa nếu lối sống, đạo đức xã hội bị suy thoái, truyền thống dân tộc bị lu mờ và lãng quên. Càng không thể có độc lập tự do nếu như bản sắc dân tộc, hệ thống các chuẩn mực, giá trị bị biến dạng. Đây thực sự là những thách thức lớn và đầy phức tạp trong bảo vệ chủ quyền quốc gia hiện nay. Do đó, trong quá trình xây dựng đất nước cần thống nhất hai mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đây là sự thống nhất biện chứng, không thể tách rời trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta và cũng là lời dạy bất hủ của chủ tịch Hồ Chí Minh. Đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội là cơ sở nền móng bảo đảm cho độc lập, tự do của dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Đồng thời, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội thì quyền độc lập, tự chủ dân tộc sẽ được khẳng định bình đẳng trong giao lưu và hợp tác quốc tế.

Nhìn lại lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý chí đấu tranh bất khuất, kiên cường của người Việt Nam cùng với những thành

tự đã đạt được (tuy nhiên, còn tồn tại một số hạn chế) trong quá trình đổi mới và trước bối cảnh thế giới đầy phức tạp như hiện nay đòi hỏi chúng ta cần có cái nhìn sâu sắc, có những điều chỉnh phù hợp để đảm bảo cho sự phát triển của dân tộc. Trong thời đại hiện nay, Việt Nam đứng trước các thách thức gắn với độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia như: nguy cơ bị diễn biến hòa bình, củng cố biên giới lãnh thổ, khôi phục chủ quyền Hoàng Sa, bảo vệ chủ quyền lãnh hải ở Trường Sa. Những thách thức này đặt ra yêu cầu phải nhanh chóng xây dựng thực lực tổng hợp quốc gia và xây dựng quan hệ quốc tế tốt đẹp là kế sách bảo vệ quốc gia từ xa. Giữ vững độc lập đi đôi với xây dựng và phát triển đất nước trở thành cơ sở cho sự đảm bảo nói trên và cũng là nhiệm vụ thiêng liêng của bất kỳ công dân nào của nước Việt. Yêu cầu thực tiễn đặt ra trọng trách cho mọi thế hệ, đặc biệt là thế hệ thanh niên hiện nay.

2.2. VAI TRÒ VÀ THỰC TRẠNG NHẬN THỨC CỦA THANH NIÊN ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA DÂN TỘC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

2.2.1. Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc là của toàn dân, toàn xã hội

Nói đến bảo vệ Tổ quốc, thời nào cũng cần, giai đoạn nào cũng có. Bất cứ một dân tộc nào trên hành tinh này cũng đều có lòng yêu nước của họ. Lòng yêu nước đó tuy một phần là tình cảm rất tự nhiên, nhưng mặt khác quan trọng hơn, nó chính là sản phẩm của lịch sử, được hun đúc bởi chính lịch sử của dân tộc. Cùng với sự tiến triển của lịch sử, tinh thần yêu nước Việt Nam trở thành chủ nghĩa yêu nước, trở thành một giá trị, một động lực tinh thần vô cùng mạnh mẽ thúc đẩy biết bao nhiêu thế hệ kiên cường và dũng cảm hi sinh để giành lại và bảo vệ độc lập của Tổ quốc, bảo vệ những phẩm giá của chính con người. Do đó, bảo vệ Tổ quốc không chỉ là truyền thống của dân tộc, biểu hiện của lòng yêu nước mà còn là nghĩa vụ, trọng trách của mỗi người dân. Thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc là trách nhiệm thiêng liêng

đôi với mỗi công dân. Nghĩa vụ cao quý này được khẳng định trong các bản Hiến pháp của nước nhà. Điều 42, Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa chỉ rõ: “Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và cao quý nhất của công dân nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Công dân có bổn phận làm nghĩa vụ quân sự để bảo vệ Tổ quốc” [19, tr. 28]. Qua các thời kỳ, nghĩa vụ này luôn nhận được sự đồng lòng, ủng hộ của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Trong bản Hiến pháp năm 2013 cũng nêu rõ tại Điều 44: “Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất” và Điều 45: “Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân. Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân” [52, tr. 23 – 24].

Hiến pháp năm 2013 đã dành riêng một chương (chương IV) nói về nội dung bảo vệ Tổ quốc. Điều 64 quy định: “Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn dân. Nhà nước củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân mà nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân; phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc Tổ quốc, góp phần bảo vệ hòa bình ở khu vực và trên thế giới. Cơ quan, tổ chức, công dân phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh” [52, tr. 28].

Nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc còn được quy định tại các luật, pháp lệnh như: thanh niên, quân sự, an ninh, cảnh sát, v.v.. làm căn cứ pháp lý khẳng định ý thức, nghĩa vụ của công dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, Luật thanh niên cũng quy định về quyền và nghĩa vụ của thanh niên trong bảo vệ Tổ quốc. Cụ thể, Điều 11 quy định: “Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của thanh niên. Được huấn luyện chương trình giáo dục quốc phòng; thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia các lực lượng vũ trang theo quy định của pháp luật. Tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, giữ gìn bí mật quốc gia, xung kích đấu tranh chống mọi hành vi xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.” [26, tr. 13]

Thời gian qua, trước tình hình quốc tế có những nguy cơ, phức tạp, mọi người dân đều nêu cao ý thức, trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc. Song không vì thế mà nhìn nhận vấn đề thuần túy xuôi chiều. Bảo vệ Tổ quốc không chỉ là thực hiện nghĩa vụ quân sự mà toàn Đảng, toàn dân cần tham gia giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ truyền thống dân tộc, làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, mọi ý đồ, hành động xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Văn kiện Đại hội XI cũng đã xác định và đưa ra phương hướng về “tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”: “Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững chủ quyền biển đảo, biên giới, vùng trời; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa...”[11, tr. 233].

Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong điều kiện mới. Bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia dân tộc là trách nhiệm và nghĩa vụ cao cả không chỉ đối với lịch sử dân tộc, mà còn là nhân tố quan trọng bảo đảm cho dân tộc và đất nước ta phát triển bền vững. Đó là ý chí, quyết tâm sắt đá không gì lay chuyển nổi của mọi công dân và cả dân tộc Việt Nam.

2.2.2. Trách nhiệm của thanh niên với việc bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc trong giai đoạn hiện nay

Thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay bao gồm tất cả thanh thiếu niên và nhi đồng - là một lớp người sinh ra và lớn lên trong thời kỳ đổi mới, hội nhập và hiện đại hóa đất nước. Với cơ cấu đa dạng thì thế hệ trẻ đều thuộc lớp người đang được nuôi dưỡng, đang trong độ tuổi đi học ở các bậc học. Chỉ có một bộ phận thanh niên là ở tuổi trưởng thành, đã tốt nghiệp các trường, hoặc đại

học, cao đẳng, hoặc trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, nên có thể làm việc, lao động, vào đời lập thân, lập nghiệp, bộ phận này ở trong độ tuổi từ 16 đến 30 [26, tr. 5]. Ngoài ra, số lượng lớn thanh niên bước vào độ tuổi lao động rất lớn là nhóm cần sự quan tâm. Họ là người đã trưởng thành, sinh sống ở nông thôn, đô thị, có nhu cầu việc làm nhưng chưa tìm được hoặc có việc làm chưa ổn định thuộc nhóm thất nghiệp tạm thời. Số này, nếu thống kê là không nhỏ, đang trở thành một hiện tượng xã hội, dễ nảy sinh những tình huống phức tạp: tội phạm và tệ nạn. Nói chung, thế hệ trẻ dù là trưởng thành hay chưa trưởng thành, dù đang đi học hay vào đời lập thân, lập nghiệp thì họ đều cần sự quan tâm của toàn xã hội. Giáo dục đạo đức, lối sống và bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay cũng như trong những thập niên tới là vấn đề vô cùng hệ trọng và ở tầm quan trọng chiến lược. Đây là mối quan tâm của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, trong đó Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đóng vai trò nòng cốt và có trách nhiệm trực tiếp. Bên cạnh đó, phải nỗ lực đề cao trách nhiệm và huy động mọi nguồn lực vào việc chăm lo giáo dục - đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ - đặc biệt là bộ phận thanh niên, cũng như giúp các em tự nhận thức và ý thức rõ trách nhiệm của mình đối với đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Người xưa đã dạy “Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách” nhằm nhấn mạnh đến trách nhiệm công dân trước sự tồn vong của đất nước. Đã là người Việt Nam, nhất là thanh niên thì đều có trách nhiệm bảo vệ chủ quyền đối với Tổ quốc mình. Bởi ở mỗi một con người, tuổi thanh niên vô cùng quý giá. Đây là giai đoạn con người có sự chuyển biến sâu sắc về mặt tâm - sinh lý, từ một đứa trẻ thành một người trưởng thành, đồng thời cũng là giai đoạn mỗi người chuẩn bị học vấn, nghề nghiệp, kinh nghiệm, lối sống cho cuộc đời mình, trở thành công dân thực thụ của đất nước. Thanh niên là lực lượng đông đảo, là lớp trẻ, có sức khỏe, ham hiểu biết cái mới,

giàu sức sáng tạo, có chí tiến thủ, xung kích, là nguồn nhân lực chủ yếu tạo nên sức mạnh to lớn trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Đánh giá về vai trò của thanh niên, Hồ Chí Minh là người có sự quan tâm đặc biệt đối với đối tượng này. Người nhận thấy thanh niên có những ưu điểm nổi trội: trẻ, khỏe, chiếm số đông trong xã hội, hăng hái, nhiệt tình, nhanh nhạy tiếp thu cái mới, giàu ước mơ, v.v.. Đó là lứa tuổi ham hiểu biết, giàu niềm tin, tự thể nghiệm mình, có khả năng tiềm ẩn trong việc thực hiện lý tưởng, mục tiêu cao quý. Bên cạnh việc khẳng định những ưu điểm của thanh niên, Hồ Chí Minh còn chỉ ra những mặt yếu, những nhược điểm của họ, đó là sự thiếu từng trải trong cuộc sống, một số chưa chịu khó học tập, mắc bệnh hình thức, bệnh cá nhân, tự cao, tự đại, v.v.. Do vậy, Hồ Chí Minh chỉ rõ: phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt yếu là con đường để tự hoàn thiện nhân cách của thanh niên. Thanh niên muốn làm chủ tương lai cho xứng đáng thì ngay hiện tại phải không ngừng rèn luyện tinh thần và lực lượng cho mình, phải làm những việc chuẩn bị cái tương lai đó. Và thế hệ cha anh nếu biết định hướng, động viên đúng thì thanh niên sẽ say sưa với lý tưởng sống cao đẹp, phát huy tài năng, tính sáng tạo, sẵn sàng hy sinh vì đại nghĩa, sống có trách nhiệm với Tổ quốc.

Dĩ nhiên không chỉ thanh niên mới có trách nhiệm với đất nước, với vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia. Nhưng bao giờ và bất cứ ở đâu, thanh niên cũng là lực lượng chủ lực bảo vệ chủ quyền quốc gia trước những thế lực thù địch. Bằng chứng cho nhận định này, trong thời kỳ chiến tranh, nhiều anh hùng trẻ tuổi, thanh niên xung kích đánh giặc giữ nước như Đinh Bộ Lĩnh, Trần Quốc Toàn, Kim Đồng, Bế Văn Đàn, Phan Đình Giót, ... Hay người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành là tấm gương sáng cho lòng yêu nước, hoài bão cách mạng. Họ đều là thanh niên mang trong mình dòng máu Việt đầy nhiệt huyết và đầy ý thức, trách nhiệm với Tổ quốc.

Đã là thanh niên thì phải có hoài bão, lý tưởng sống. Đó không những là đòi hỏi cho bản thân thanh niên mà còn là trách nhiệm đối với xã hội. Nhà văn Nga N.A Ostrotesky đã viết “Cái quý giá nhất của con người là cuộc sống, đời người ta chỉ sống một lần, phải sống sao cho khỏi xót xa ân hận về những tháng năm đã sống hoài sống phí, cho khỏi hổ thẹn ... Để khi nhắm mắt xuôi tay ta có thể nói rằng: “Cả đời ta, cả sức ta đã dâng hiến cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời, sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người”. Những dòng văn này đã thấm vào máu và trở thành lẽ sống, mệnh lệnh trái tim của cả một thế hệ trẻ Việt Nam được sinh ra, lớn lên trong những năm tháng chiến tranh ác liệt, thôi thúc họ lên đường “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước/mà lòng phơi phới dậy tương lai”. Hình ảnh những thanh niên xung kích xung phong ra chiến trường đã trở thành biểu tượng cao đẹp mà đến bây giờ họ vẫn còn tự hào về thời trai trẻ của mình. Họ là những người góp phần không nhỏ làm nên đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bước vào công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, thanh niên Việt Nam tiếp tục truyền thống của thế hệ cha anh đi trước, phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam độc lập, phát triển theo con đường mà Đảng, Bác Hồ đã chọn. Nhiều tấm gương về nghiên cứu khoa học, nhiều doanh nhân trẻ, tiến sĩ trẻ tuổi đã phần nào phản ánh tinh thần cầu tiến, vươn lên của thế hệ thanh niên. Họ đã sống có trách nhiệm hơn, bản lĩnh, ý thức hơn với Tổ quốc, với bản thân trong xã hội đầy những biến đổi vô thường này.

Từ những năm 1990 đến nay, khu vực châu Á – Thái Bình Dương được đánh giá là khu vực ổn định, nhưng vẫn tồn tại những bất ổn như vấn đề hạt nhân, vấn đề tranh chấp lãnh hải thuộc vùng biển Đông và việc một số nước trong khu vực tăng cường vũ trang, ... Việt Nam là quốc gia nằm trong khu vực này. Trước những diễn biến phức tạp đó, toàn Đảng, toàn dân cần phát

huy vai trò của thanh niên trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đó là quá trình khơi dậy, huy động, khai thác những tiềm năng, sức mạnh to lớn trong tuổi trẻ và tạo ra những điều kiện hoạt động thuận lợi giúp thanh niên nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của mình, hình thành niềm tin, thái độ, động cơ, ý chí, quyết tâm và hành động thiết thực trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo bằng các phương thức khác nhau, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc không loại trừ bất kỳ ai, hễ là người Việt Nam thì cần thực hiện tốt nghĩa vụ này nhưng trong đó, vai trò của thanh niên được đòi hỏi cao hơn. Họ là lực lượng lao động chủ yếu đã và sẽ thực hiện quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; là lứa tuổi rất năng động, nhạy bén với những cái mới. Vì vậy, việc định hướng nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên Việt Nam trong thời kỳ mới là một việc làm cần thiết.

2.2.3. Thực trạng nhận thức của thanh niên về vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc hiện nay

Nhận thức của thanh niên về vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia ngày nay chịu sức ép bởi bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước. Điều này tạo ra cả thời cơ và thách thức lớn đối với thanh niên.

Nếu trước đây, thời kỳ chiến tranh đã hun đúc nhiều tấm gương trẻ tham gia chống giặc ngoại xâm thì ngày nay, thanh niên Việt Nam xung kích, đi đầu trong phong trào bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước. Trong điều kiện kinh tế thị trường, thanh niên ngày càng năng động hơn, sáng tạo hơn, nhiệt tình tham gia các hoạt động xã hội thiết thực. Một bộ phận thanh niên sống có hoài bão, trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng. Bản thân họ đã phát huy những truyền thống tốt đẹp của cha ông. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng và nhiều mặt của thế giới ngày nay, những biểu hiện tiêu

cực đang tác động trực tiếp đến mọi quốc gia, đã và đang làm chao đảo nhiều giá trị tinh thần nói chung, trong đó thế hệ thanh niên là những đối tượng chịu sự tác động này rất cao. Sự suy thoái về ý thức và hành vi đạo đức, những suy nghĩ lệch lạc của một bộ phận thanh niên có biểu hiện xa rời đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chạy theo chủ nghĩa cá nhân. Nguy hiểm hơn là một bộ phận giới trẻ có biểu hiện mất phương hướng, giảm sút niềm tin, thậm chí hoài nghi vào chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Một số thanh niên có điều kiện ra nước ngoài học tập, công tác, sau khi về nước đã có những thái độ chi trích, phê phán chủ quan, phiến diện, thậm chí có thái độ đối lập, như ca ngợi, thần tượng hóa phương Tây, chi trích, chê bai những khó khăn, yếu kém của đất nước, không có thái độ chia sẻ, thiếu trách nhiệm, v.v.. Đau lòng hơn khi một số khác lại lãng quên quá khứ đấu tranh oanh liệt, tinh thần tự tôn dân tộc, lẽ sống cao cả của các thế hệ cha anh đã sẵn sàng hy sinh xương máu mới giành được độc lập, tự do. Theo kết quả điều tra của chúng tôi, ngày nay, nói về truyền thống tốt đẹp của dân tộc chỉ có 14% sinh viên biết đến truyền thống yêu nước và đoàn kết (xem phụ lục). Con số này phản ánh khá trung thực nhận thức của một bộ phận thanh niên hiện nay, họ vẫn chưa hiểu biết sâu sắc về truyền thống của dân tộc. Một bộ phận thanh niên khác thì thờ ơ, lãnh đạm về chính trị, coi thường các mối quan hệ giữa người với người, chỉ lo làm ăn kinh tế chạy theo lợi nhuận kể cả bất cứ bằng giá nào, chạy theo lối sống vật chất tầm thường, muốn hưởng thụ hơn cống hiến, sống thực dụng, buông thả. Nhiều thanh niên, thậm chí có cả một số thanh niên tri thức cũng chịu sự tác động, bị dụ dỗ, bắt tay với các thế lực thù địch thực hiện các âm mưu, hành động chống phá nhà nước, muốn hủy hoại chế độ xã hội ta. Điều đáng lo ngại khi xu hướng này đã bắt đầu lan rộng và diễn biến khó lường trong giới trẻ hiện nay. Nhưng họ không nghĩ rằng chính những điều này lại phương hại đến chủ quyền quốc gia dân tộc, đến vận mệnh của Tổ quốc, trong đó có bản thân mỗi thanh niên.

Thậm chí, lợi dụng sự phát triển của internet, các trang mạng xã hội như facebook, yahoo, ... các phần tử phản động đã lôi kéo thanh niên tổ chức phản động chống phá Nhà nước. Vừa qua, ngày 16/5/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ “tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” liên quan đến hai bị cáo Đinh Nguyên Kha, 25 tuổi, và Nguyễn Phương Uyên, 21 tuổi ngụ Hàm Thuận Bắc (Bình Thuận), sinh viên trường Đại học Công nghiệp thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh. Chúng ta thấy, đối tượng phạm tội lại là những tri thức trẻ nông nổi, suy nghĩ nông cạn. Và đây là hồi chuông báo động, thức tỉnh đối với thanh niên nói riêng và cả xã hội nói chung. Đồng thời là cơ sở để Đảng và Nhà nước nêu cao vai trò lãnh đạo, quản lý của mình đối với vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Bảo vệ chủ quyền biển đảo cũng là một trong những nội dung khẳng định chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Theo bản đồ địa lý, Việt Nam nằm bên bờ Tây của biển Đông, có vị trí địa chính trị và địa kinh tế ngày càng quan trọng, nhất là trong thời hiện đại. Bờ biển nước ta dài trên 3.260 km, đứng thứ 27 trong số 157 quốc gia ven biển, các quốc đảo và các lãnh thổ trên thế giới. Cả nước có 63 tỉnh, thành phố thì 28 tỉnh, thành phố có biển và gần một nửa dân số sinh sống tại các tỉnh, thành ven biển. Lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc ta khẳng định biển đảo có vai trò quan trọng với việc xây dựng và phát triển của đất nước và con người Việt Nam. Trong quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm lãnh đạo việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, nhất là vùng biển đảo. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tình hình biển Đông có những diễn biến phức tạp. Trung Quốc liên tiếp có những hành động vi phạm trắng trợn luật pháp Quốc tế về biển Đông, ngang nhiên thực hiện các hoạt động ngay trên quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam. Chẳng hạn, Trung Quốc chính thức đưa ra yêu sách “đường lưỡi bò” vào

tháng 5/2009 bằng cách đính kèm một bản đồ vẽ đường yêu sách này kèm theo công hàm gửi Liên Hợp quốc phản đối báo cáo của Việt Nam và báo chung Việt Nam - Malaysia về ranh giới thềm lục địa được vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở. Theo đó, Trung Quốc đòi hỏi chủ quyền 2 quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa) và vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa riêng của hai quần đảo này. Ngay nhiên hơn, ngày 19/7/2012, Quân ủy Trung ương Trung Quốc chính thức quyết định thành lập “Cơ quan chỉ huy quân sự” của cái gọi là “thành phố Tam Sa,” đặt căn cứ trên đảo Phú Lâm thuộc quần đảo Hoàng Sa. Tiếp đến ngày 21/7/2012, phía Trung Quốc đã tổ chức bầu cử đại biểu Đại hội đại biểu Nhân dân khóa I của cái gọi là “thành phố Tam Sa”; ngày 1/10/2012, Trung Quốc đã tổ chức lễ kéo cờ kỷ niệm Quốc khánh Trung Quốc tại đảo Phú Lâm, thuộc quần đảo Hoàng Sa, ... Với hàng loạt các hoạt động phi pháp của Trung Quốc nói trên, tại cuộc họp báo thường kỳ của Bộ Ngoại giao ngày 11/10/2012, trả lời câu hỏi của phóng viên đề nghị cho biết phản ứng của Việt Nam trước những việc làm này của phía Trung Quốc, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Lương Thanh Nghị nêu rõ: “Những hoạt động nói trên của phía Trung Quốc đã xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, vi phạm luật pháp quốc tế, vi phạm Thỏa thuận những nguyên tắc cơ bản giải quyết vấn đề trên biển giữa Việt Nam và Trung Quốc ký tháng 10/2011, đi ngược lại tinh thần Tuyên bố về ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC) ký năm 2002 giữa ASEAN và Trung Quốc, làm cho tình hình biển Đông thêm phức tạp. Những việc làm của phía Trung Quốc là hoàn toàn vô giá trị. Việt Nam yêu cầu Trung Quốc tôn trọng chủ quyền của Việt Nam, không có thêm những hoạt động sai trái tương tự, đóng góp thiết thực vào việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng như duy trì hòa bình và ổn định trên biển Đông.” [64]

Từ thực trạng trên cho thấy, nhiệm vụ bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc đang đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với cả hệ thống chính trị, các ngành, các lực lượng, trong đó có thanh niên. Phần lớn thanh niên ý thức hơn với vấn đề chủ quyền quốc gia, bảo vệ biển đảo, biểu hiện ra bằng những thái độ phê phán, chỉ trích và phẫn nộ trước những hành động của Trung Quốc. Khi được hỏi về mức độ quan tâm của thanh niên đối với vấn đề tranh chấp biển Đông hiện nay thì có đến 61% trả lời là rất quan tâm và có đến 76% thanh niên trả lời rằng vô cùng phẫn nộ trước hành động tranh chấp biển Đông của Trung Quốc (xem phụ lục). Điều này thật đáng mừng khi thanh niên đã nhìn nhận, quan tâm đến thời cuộc và khơi dậy được tinh thần, ý thức bảo vệ chủ quyền trước bối cảnh thế giới. Tuy nhiên không phải ở bất cứ đâu lực lượng thanh niên cũng phát huy tốt được vai trò đó của mình. Ở một số thanh niên việc nhận thức về vai trò, trách nhiệm, thái độ, động cơ, ý chí, quyết tâm và hành động thiết thực đối với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc còn chưa cao. Theo kết quả điều tra của chúng tôi, có đến 15% sinh viên đại học không quan tâm đến các chủ trương, biện pháp giải quyết tranh chấp biển đảo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Vẫn còn tồn tại một số thanh niên (khoảng 3%) không có ý kiến gì trước những hành động phi lý, bất hợp pháp mà Trung Quốc ngang nhiên thực hiện trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Với kết quả điều tra trên, mặc dù con số điều tra này chỉ thực hiện ở các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nhưng phần nào phản ánh trung thực nhận thức của thanh niên hiện nay với chủ quyền quốc gia dân tộc.

Bên cạnh đó, bảo vệ Tổ quốc còn được biểu hiện ra bằng những việc làm cụ thể của thanh niên. Nhiều tấm gương trẻ điển hình về tinh thần vượt khó học tập, đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội, xả thân vì tập thể, vì cộng đồng, nam thanh niên hăng hái thực hiện nghĩa vụ quân sự trong đợt huy động

vào quân đội. Trong giờ phút lên đường nhập ngũ, tân binh Nguyễn Khắc Thành chia sẻ “Thanh niên chúng tôi hôm nay luôn ý thức được nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là một nghĩa vụ thiêng liêng và đầy tự hào. Trước khi lên đường tôi đã nhận được những lời căn dặn của người thân, bạn bè... tôi tự hứa với mình sẽ giữ nghiêm kỷ luật và nếp sống, chấp hành tốt chế độ quy định của đơn vị; tích cực học tập và rèn luyện nâng cao nhận thức và trình độ mọi mặt để khi trở về góp sức xây dựng cho quê hương Mỹ Đức giàu đẹp hơn” [59]. Đồng ý với quan điểm này, có 20% sinh viên đại học cho rằng, thực hiện nghĩa vụ quân sự là một trong những biện pháp cần thiết để bảo vệ chủ quyền quốc gia, đối với sinh viên ở trình độ cao đẳng là 30%, trung cấp chuyên nghiệp chiếm gần 40% (xem phụ lục). Thế nhưng vẫn còn một bộ phận thanh niên ngại khó, ngại khổ, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự bằng các biện pháp đối phó như xin giấy báo nhập học, làm giảm sút sức khỏe để không phải lên đường nhập ngũ trong thời bình. Thực trạng này phản ánh tinh thần thiếu ý thức, trách nhiệm của thanh niên đối với đất nước. Đau lòng hơn khi có đến 50% sinh viên đại học nhận thấy rằng chỉ một bộ phận vừa phải (trên dưới 50%) thanh niên có tinh thần trách nhiệm cao và sẵn sàng bảo vệ chủ quyền quốc gia (xem phụ lục).

Ngày nay, nhà nước ta chăm lo mọi mặt cho nhân dân, đặc biệt là chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện cả đời sống vật chất và tinh thần. Nhiều chính sách xã hội được chú trọng ưu tiên đối với đối tượng này như tạo cơ hội đến trường, học tập nâng cao dân trí cho các em vùng núi, vùng sâu, vùng xa; hỗ trợ người dân làm ăn để cải thiện đời sống, v.v.. Tuy nhiên, đây cũng là địa bàn mà các thế lực thù địch lợi dụng để lôi kéo, tuyên truyền chống phá nhà nước, gây rối loạn trật tự xã hội, làm giảm ý chí đấu tranh của thanh niên trước các hoạt động thù địch và làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, với Nhà nước.

Vậy, nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng trên?

Thực trạng nhận thức của thanh niên về bảo vệ chủ quyền quốc gia hiện nay xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, do sự tác động của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và quá trình toàn cầu hóa kinh tế hiện nay.

Như chúng ta biết, nền kinh tế thị trường, toàn cầu hóa kinh tế là thành tựu chung của nhân loại, là một xu thế khách quan nhưng nó cũng gây ra một số điểm tiêu cực.

Một là, dưới sự tác động của toàn cầu hóa, những sản phẩm độc hại phi văn hóa bằng nhiều con đường, nhất là qua internet, các phương tiện truyền thông sẽ tác động trực tiếp, liên tục với cường độ cao đến lối sống, nếp sống của thanh niên, tạo sức ép, gây nhiều khó khăn, phức tạp cho việc bảo vệ, phát huy văn hóa dân tộc trong giới trẻ.

Hai là, lợi dụng quá trình toàn cầu hóa, các quốc gia tư bản phát triển tuyên truyền những luận điệu mở đường cho sự xâm phạm chủ quyền. Trong điều kiện đó, việc đảm bảo xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ gặp rất nhiều khó khăn, chủ quyền về kinh tế luôn bị đe dọa bởi hàng trăm, hàng ngàn mãnh khoé mưu mô hết sức tinh vi và xảo quyệt của các đối tác bên ngoài.

Ba là, nền kinh tế thị trường còn gây ra xu hướng “sính ngoại” ở thanh niên, chuộng hàng ngoại hơn hàng nội, chê bai sản phẩm hàng hóa của Việt Nam. Thậm chí kinh tế thị trường còn dẫn đến chủ nghĩa cá nhân phân đạo đức, chủ nghĩa lợi kỷ cực đoan; tuyệt đối hóa lợi ích vật chất, xem nhẹ giá trị tinh thần dẫn đến chủ nghĩa thực dụng; làm gia tăng tệ nạn xã hội, phá vỡ môi trường phát triển tinh thần, đạo đức truyền thống, suy giảm ý chí cách mạng của thế hệ trẻ. Theo kết quả điều tra, có 12% thanh niên đồng ý “chỉ một bộ phận nhỏ thanh niên có tinh thần trách nhiệm cao và sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc”. Ngay cả sinh viên được xã hội ghi nhận là tầng lớp tri thức, có nhận thức cao nhưng ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia vẫn còn thấp.

Qua phân tích trên, khả năng “tự miễn dịch” với các tác động tiêu cực do nền kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa kinh tế tạo ra vẫn còn thấp ở thanh niên. Việc bảo đảm chủ quyền của mỗi quốc gia phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, chịu sự tác động của các nhân tố kinh tế, chính trị, quân sự... mà Nhà nước thì chưa thực hiện tốt phương châm tranh chủ và lợi dụng mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường.

Thứ hai, do thiếu ý thức trong việc rèn luyện đạo đức của thanh niên.

Ngày nay, thanh niên chú trọng đến hình thức bên ngoài mà bỏ quên việc trang bị những tri thức cho tâm hồn. Do những biến đổi về tâm sinh lý, nhất là ở tuổi dậy thì, khi con người sinh học của họ phát triển quá nhanh, quá sớm trong khi con người xã hội, phẩm chất xã hội của họ để tạo ra nhân cách lại đến muộn, đến chậm. Họ sống trong môi trường xã hội đã đổi khác, nhất là công nghệ thông tin tràn ngập cùng với mặt trái của kinh tế thị trường đã có tác động không ít tới đời sống, tư tưởng, tình cảm của họ. Xu hướng sử dụng thức ăn nhanh, starbuck, ăn mặc theo phong cách nước ngoài,... Đây là tập nhiễm xấu từ xã hội hiện đại thâm nhập vào lớp trẻ mà bản thân họ không đủ kinh nghiệm sống, kỹ năng sống, bản lĩnh sống để tự giải quyết. Bấu víu vào đó là sự kém hiểu biết, thái độ bàng quan trước các vấn đề của đất nước. Phần lớn các em thiếu hiểu biết những kiến thức về chủ quyền quốc gia, về truyền thống dân tộc. Khi hỏi về chủ quyền quốc gia được hiểu như thế nào thì 5% sinh viên nam có trình độ đại học trả lời là toàn vẹn lãnh thổ - cách hiểu thật đơn giản về chủ quyền quốc gia dân tộc. Qua cuộc điều tra xã hội học về vấn đề nhận thức của thanh niên đối với chủ quyền quốc gia hiện nay, một số bạn có tinh thần hợp tác, muốn học hỏi và tìm hiểu những vấn đề mới hiện nay. Tuy nhiên, vẫn còn một số bạn thiếu tinh thần hợp tác, bàng quan và thậm chí xem thường, phán xét không hay về vấn đề này. Theo kết quả điều tra của

chúng tôi cho thấy các số liệu cụ thể nêu ở trên phản ánh khá trung thực nhận thức của một bộ phận thanh niên hiện nay về vấn đề chủ quyền quốc gia. Chúng tôi nhận thấy, thanh niên ngày nay hòa nhập với tình hình của đất nước, chưa nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình. Do đó, tự giáo dục và rèn luyện là cách giúp thanh niên có lối sống hoài bão, lành mạnh, giữ vững niềm tin vào dân tộc. Tuy nhiên, sự lựa chọn giá trị hiện nay của thanh niên với cán cân nghiêng về lối sống thực dụng, đầy cám dỗ - là rào cản lớn đòi hỏi thanh niên phải đấu tranh vượt qua. Tự cân bằng bản thân của mình trở thành trọng trách đối với thanh niên hiện đại.

Thứ ba, công tác tuyên truyền về chủ quyền, biên giới quốc gia, ý thức bảo vệ Tổ quốc chưa thực sự hiệu quả.

Chủ quyền quốc gia dân tộc là yếu tố giữ vai trò quyết định độc lập về chính trị, tự do của nhân dân. Đứng trước bối cảnh lãnh thổ quốc gia bị xâm chiếm, tranh chấp nhưng thanh niên vẫn chưa định hướng và ý thức rằng vai trò của mình sẽ làm gì trong hoàn cảnh ấy. Hơn nữa, việc tham gia nhập ngũ trong thời bình là trách nhiệm và nghĩa vụ đối với nam thanh niên, nhưng vẫn còn một số thanh niên trốn tránh nghĩa vụ thiêng liêng này. Bởi công tác tuyên truyền về quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, cụ thể là Luật nghĩa vụ quân sự chưa rộng rãi, chưa động viên, khơi dậy trách nhiệm của thanh niên và chưa tác động mạnh đến thế hệ trẻ. Theo kết quả điều tra, có đến 53% thanh niên trả lời rằng không biết rõ về chủ trương, biện pháp giải quyết vấn đề tranh chấp biển đảo hiện nay của Nhà nước. Chủ yếu họ tự tìm hiểu thông qua các phương tiện thông tin đại chúng hoặc được nghe nói đến trong bài học trên lớp, nhưng tỷ lệ này chỉ chiếm 19% (xem phụ lục).

Việc trang bị những hiểu biết về chủ quyền quốc gia vẫn chưa được Nhà nước quan tâm. Khi hỏi “Bạn có được trang bị những hiểu biết về chủ quyền biển đảo hiện nay thông qua tuyên truyền giáo dục hay tự tìm hiểu

không?” thì có 30% thanh niên trả lời là có hiểu biết không nhiều, 59% hiểu biết nhiều nhưng không sâu sắc, chỉ 11% là có hiểu biết nhiều và sâu sắc (xem phụ lục).

Mặc dù Hội nghị Trung ương 8 khóa XI của Đảng đã ra Nghị quyết về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” nhưng có mấy ai nắm bắt được thông tin này? Và liệu các cơ quan, các đoàn thể đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung này hay chưa? Tin chắc rằng, thanh niên nắm bắt chủ trương này với con số rất khiêm tốn.

Ngoài ra, *tiêu cực xã hội, sự thiếu gương mẫu, thiếu trách nhiệm của một bộ phận người lớn* cũng là nguyên nhân dẫn đến thực trạng nhận thức của thanh niên đối với chủ quyền quốc gia. Tệ quan liêu, tham nhũng, cơ hội, ích kỷ, vụ lợi, thù đoạn, cả thói vô cảm của một số người lớn suy thoái làm mất lòng tin của thế hệ trẻ. Nó dẫn lớp trẻ, nhất là thanh niên rơi vào trạng thái không chỉ mất niềm tin mà còn mất phương hướng, không biết lựa chọn lối sống, lẽ sống như thế nào, theo định hướng giá trị nào khi phải đối mặt với thực tế. Vấn đề này tiếp tục diễn ra thì lấy đâu ra lực lượng xây dựng và phát triển đất nước chứ chưa nói đến lúc đất nước phải đối đầu với thế lực bên ngoài.

Qua phân tích trên cho thấy, thanh niên ngày nay có đủ năng lực, tố chất thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những gì thế hệ cha ông đã gây dựng, đã tạo nên một bề dày truyền thống oanh liệt về lịch sử đấu tranh dựng nước đi đôi với giữ nước là giá trị vô cùng quý báu đối với thế hệ sau. Lòng yêu nước và tinh thần xả thân cứu nước của tổ tiên chúng ta thể hiện không chỉ ở những tầng lớp trên của xã hội mà còn ở vô số anh hùng đã tham gia chiến đấu và hy sinh anh dũng. Đó là những người dân bình thường, những chiến sĩ bình thường. Cần phải khẳng định sự đóng góp của hàng triệu con người bình thường như vậy trong việc kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước của dân tộc. Họ sinh ra trong thời đại khoa

học công nghệ, kinh tế tri thức chưa phát triển như chúng ta bây giờ, họ ít có cơ hội tiếp cận với nền văn minh mới nhưng ngay trong tâm thức của họ vẫn luôn đặt lợi ích của quốc gia dân tộc lên trên, khắc ghi chủ nghĩa yêu nước sáng ngời của dân tộc và xem đó là động lực phấn đấu vươn lên trong cuộc sống đầy khó khăn, gian khổ ấy. Thanh niên chúng ta ngày nay thì sao? Điều kiện vật chất và tinh thần cao hơn, xã hội văn minh tiến bộ hơn, liệu rằng chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc có cao hơn thế hệ trước? Trong bối cảnh hiện nay đầy rẫy những cám dỗ, những tiêu cực, chủ quyền quốc gia luôn bị rình rập bởi những thế lực phản động bên ngoài. Truyền thống hào hùng của dân tộc vẫn sẵn sàng tiếp lửa cho thanh niên. Nhưng vấn đề là thanh niên có khơi được lửa bùng lên hay không? Chúng ta thấy đấy, nhận thức của thanh niên về bảo vệ chủ quyền quốc gia có sự tồn tại đan xen nhau giữa hai mặt tích cực và hạn chế. Thực trạng các hệ giá trị ngày càng tỷ lệ nghịch với sự phát triển của xã hội! Những tiêu cực đó thực sự là nỗi quan tâm của người lớn và đang đe dọa đến thế hệ trẻ lẫn toàn xã hội.

Những giá trị tư tưởng về vấn đề độc lập dân tộc vẫn mãi soi đường cho chúng ta bước tiếp trên con đường xây dựng xã hội mới. Trên bước đường ấy sẽ có nhiều chông gai, thử thách. Và như đã diễn ra trong lịch sử, niềm tin về thế hệ tương lai có thể sản sinh ra những anh hùng thời đại đưa dân tộc ta sánh vai với các cường quốc năm châu. Vấn đề có ý nghĩa quyết định là chúng ta cần xây dựng những giải pháp định hướng cho thanh niên nhằm giáo dục và nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Rõ ràng là bối cảnh trong nước và quốc tế đã tác động không nhỏ đến nhận thức của thanh niên, nó không chỉ đem đến cơ hội, thuận lợi và thời cơ mà còn nhiều khó khăn và thách thức đối với thanh niên. Điều này đã tác động đến tình hình đất nước, trong đó có thách thức về chủ quyền quốc gia dân tộc, sự tồn vong của chế độ.

Trong bối cảnh đất nước hiện nay, công cuộc đổi mới ở nước ta đạt được nhiều thành tựu to lớn, cùng với xu hướng khách quan của bối cảnh quốc tế là sự thay đổi mọi mặt của đời sống xã hội. Những thay đổi này trước hết cần khẳng định vị trí, vai trò của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Bên cạnh đó, do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan khác nhau đã dẫn đến nhiều giá trị tư tưởng, văn hóa bị đan xen giữa cái tốt - cái xấu, nhận thức của bộ phận thanh niên cũng có thiên hướng lệch lạc, chưa hiểu rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình với đất nước, vấn đề chủ quyền quốc gia trong giai đoạn mới vẫn chưa được nhận thức đầy đủ. Do vậy, xây dựng thực lực quốc gia trước diễn biến thế giới hiện nay và tư tưởng chủ quyền mãi mãi là những nguyên lý cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn. Muốn làm được điều này phải huy động sức mạnh của cả nước, trong đó xây dựng nhận thức, động cơ, thái độ của thế hệ trẻ có ý nghĩa quyết định hơn cả.

CHƯƠNG 3

**PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG
TRIẾT HỌC VIỆT NAM VỀ VẤN ĐỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC
VÀO NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC
GIA CHO THANH NIÊN NƯỚC TA HIỆN NAY**

**3.1. PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN NHẪM NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ
CHỦ QUYỀN QUỐC GIA CHO THANH NIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY**

**3.1.1. Nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia thông qua việc
đưa thanh niên tham gia các hoạt động xã hội**

Công tác xã hội, hoạt động thực tiễn là yếu tố không thể thiếu trong giáo dục ý thức cho thanh niên. Chủ nghĩa Mác cũng đã chỉ rõ vai trò của thực tiễn đối với nhận thức, thực tiễn là điểm xuất phát của nhận thức, là yếu tố đóng vai trò quyết định đối với sự hình thành và phát triển nhận thức, đồng thời là nơi nhận thức phải luôn luôn hướng tới để thử nghiệm tính đúng đắn của mình. Nhấn mạnh đến vai trò của thực tiễn, V.I. Lênin đã viết: “Quan điểm về đời sống, về thực tiễn, phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận về nhận thức” [24, tr. 167].

Trong lịch sử Việt Nam, thực tiễn đấu tranh, đánh giặc giữ nước qua bao nhiêu thế kỷ để bảo vệ chủ quyền quốc gia đã trở thành truyền thống bền vững của dân tộc. Hai Bà Trưng phát cờ đánh Tô Định cũng vì “xin giữ lại nghiệp xưa Vua Hùng”, Lý Bí lập quốc “Vạn Xuân” và con cháu ông sau này đã tuyên bố: “Nam quốc sơn hà Nam Đế cư”. Tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh, Nguyễn Trãi khẳng định chủ quyền trong Bình Ngô đại cáo.

Thế nhưng, ở nước ta, vấn đề thực tiễn vẫn còn chưa được chú trọng, giáo dục nặng về lý thuyết, thậm chí nội dung chương trình giáo dục cũng

đậm chất lý luận, mang tính hàn lâm, dẫn đến tình trạng thiếu thu hút thanh niên. Do đó, tăng cường công tác tổ chức thực tiễn sẽ góp phần giảm tính sơ cứng của lý luận, cuốn hút thanh niên trong nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu lịch sử, truyền thống dân tộc.

Chủ quyền lãnh thổ và độc lập dân tộc là vô cùng thiêng liêng không ai có quyền xâm phạm và không thể bị xâm phạm. Ai đó và trong lúc nào đó lơ là chủ quyền và độc lập sẽ làm phương hại đến từng tấc đất và lãnh thổ quốc gia mà tổ tiên đã dày công bảo tồn. Ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia tồn tại trong mọi thế hệ, không phân biệt già - trẻ, trai - gái, thậm chí “Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”. Vậy thì thanh niên càng là lực lượng mạnh mẽ hơn trong bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc. Muốn cho những tác động giáo dục thanh niên đạt kết quả, hiệu quả thì phải có nội dung và phương pháp giáo dục phù hợp với tâm sinh lý thanh niên và nhất thiết phải đưa họ tham gia vào các hoạt động xã hội. Chính khi tham gia vào cuộc kháng chiến chống quân Minh thì Nguyễn Trãi mới có điều kiện nghiên cứu, tổng kết để cho ra đời bản Tuyên ngôn Độc lập bất hủ ấy.

Là một lực lượng năng động của xã hội, thanh niên cần môi trường thể hiện năng lực, phẩm chất của mình. Tham gia các hoạt động xã hội là cơ sở để thanh niên bộc lộ phẩm chất cá nhân, học hỏi lẫn nhau, trao đổi những kiến thức, hiểu biết của mình với bạn bè xung quanh. Đồng thời còn là cơ sở để các tổ chức chính trị - xã hội đánh giá, đưa ra những quan điểm đúng đắn về thế hệ thanh niên.

Tạo điều kiện cho thanh niên tham gia các cuộc thi tìm hiểu như: tìm hiểu về truyền thống yêu nước của dân tộc, về lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, về vấn đề chủ quyền biển đông, cụ thể là chủ quyền đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, ... Qua hoạt động ấy, cung cấp cho thanh niên những hiểu biết về lịch sử dân tộc, về tinh thần dũng cảm, yêu nước của

cha anh, những cơ sở chủ quyền và bằng chứng lịch sử đối với biển đảo của Tổ quốc.

Tuy nhiên, muốn tập hợp thanh niên tham gia vào các hoạt động trên phải kể đến vai trò của tổ chức Đoàn. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội nòng cốt của thanh niên. Đoàn là đội dự bị tin cậy, đồng thời là tổ chức quần chúng đặc thù của Đảng. Do đó, các cấp ủy Đảng cần nhận thức được rằng với chức năng là đội dự bị của Đảng, thì sự phát triển, trưởng thành của Đoàn cũng là sự phát triển, trưởng thành của Đảng trong tương lai. Sự chung tay các tổ chức chính trị - xã hội tạo môi trường cho thanh niên tham gia, thể hiện tinh thần yêu nước là điều kiện cần thiết góp phần nâng cao ý thức của thanh niên đối với đất nước và thể hiện sự quan tâm của các cấp, các ngành, của cả hệ thống chính trị đối với thanh niên.

3.1.2. Giáo dục vị thế và trách nhiệm của thanh niên đối với Tổ quốc

Với đặc điểm lứa tuổi, thanh niên bao giờ cũng giữ vai trò xã hội quan trọng trong sự kế thừa và phát triển thành tựu của những thế hệ đi trước. Năm 1844, C. Mác đã nêu lên những nhận xét về “thế hệ đang lớn lên của giai cấp vô sản” và rút ra những kết luận đầu tiên rằng, tương lai của giai cấp công nhân tùy thuộc vào tình trạng thế hệ thanh niên của nó. Trong toàn bộ hoạt động cách mạng của mình, V.I. Lênin đặc biệt đánh giá cao phong trào cách mạng của thanh niên. Lênin đã ví thế hệ trẻ như là “đội hậu bị thường trực và người kế tục sự nghiệp của Đảng”.

Là học trò của C. Mác – V.I. Lênin, Hồ Chí Minh cũng đánh giá cao vị thế của thanh niên nước nhà. Trong Thư gửi thanh niên và nhi đồng toàn quốc nhân dịp Tết Nguyên đán năm 1946, Bác viết: “Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội” [30, tr.167]. Bác coi “Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”. Và, Người

đã gửi gắm niềm tin yêu ấy vào thế hệ tương lai của đất nước: “Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai các cường quốc năm châu được hay không chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”.

Có thể thấy rằng, sứ mệnh làm chủ đất nước đã được định đoạt, trao lại cho thế hệ trẻ. Thanh niên cần nhận thức vị thế và trách nhiệm của mình trước đất nước, nêu cao truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trung thành với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, xứng đáng là chủ nhân của đất nước đúng như nguyên Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã khẳng định trong buổi lễ phát động năm Thanh niên 2000: “Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, tự hào về các bạn, về thế hệ thanh niên, học sinh, sinh viên hôm nay. Với lực lượng xung kích ấy và những lực lượng xung kích kế tiếp, cha truyền con nối, nhất định chúng ta sẽ hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Tổ quốc Việt Nam sẽ được bảo vệ vững chắc, dân tộc Việt Nam trường tồn, chủ nghĩa xã hội được xây dựng thắng lợi” [66].

Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) “Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên” tiếp tục khẳng định: “Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, một trong những nhân tố quan trọng quyết định tương lai, vận mệnh dân tộc; là lực lượng chủ yếu trên nhiều lĩnh vực, đảm nhận những công việc đòi hỏi hy sinh, gian khổ, sức khỏe và sáng tạo. Thanh niên là độ tuổi sung sức nhất về thể chất và phát triển trí tuệ, luôn năng động, sáng tạo, muốn tự khẳng định mình” [3, tr. 7 – 8].

Qua phân tích trên, ta càng nhận ra rõ ràng hơn vị thế và vai trò của thanh niên đối với đất nước. Xây dựng thực lực quốc gia lớn mạnh không chỉ trang bị vũ trang, lực lượng quốc phòng an ninh mạnh mẽ mà cần xây dựng lực lượng trẻ tuổi đầy nhiệt huyết, đầy năng động. Bởi họ là tương lai của đất nước, là lực lượng kế tục sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong

điều kiện mới, hoàn cảnh mới. Luôn mang trong mình sự hăng hái, nhiệt tình, sôi nổi, muốn thể hiện và khẳng định mình, thanh niên rất nhạy cảm với cái mới, thích sáng tạo, nhiều hoài bão, khát khao với lý tưởng cao cả của cuộc đời. Để gia tăng sức mạnh của thanh niên, chúng ta cần ra sức giáo dục, định hướng cho thế hệ thanh niên nhận thức rõ vị trí, vai trò của mình. Bài học trên lớp, hoạt động xã hội là những địa bàn thuận lợi giúp thanh niên nhận thức rõ hơn trách nhiệm, nghĩa vụ của mình xứng đáng với danh hiệu “đâu cần thanh niên có, việc gì khó có thanh niên”.

3.1.3. Nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thanh niên trên cơ sở kế thừa những giá trị truyền thống của dân tộc

Như phân tích ở chương 1, lịch sử dân tộc Việt Nam sống trong cảnh nô lệ nhiều hơn trong hòa bình. Trải dài tiến trình lịch sử, dân tộc này chịu sự thống trị hơn 1000 năm Bắc thuộc, gần 100 năm Pháp thuộc, 30 năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, hai cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới Tây Bắc. Chính điều kiện hoàn cảnh chiến tranh ấy đã góp phần hình thành hệ thống tư tưởng Việt Nam, trong đó nổi trội lên là tư tưởng yêu nước, bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc. Cho nên, chủ nghĩa yêu nước trở thành đặc trưng cơ bản nhất của tư tưởng triết học Việt Nam.

Những giá trị truyền thống ấy đã thấm sâu vào ý thức người dân Việt Nam và trở thành lý tưởng cho thế hệ trẻ phấn đấu noi theo. Chúng ta còn nhớ cách đây 83 năm, chàng thanh niên Lý Tự Trọng lúc ấy chỉ mới 17 tuổi, đứng trước phiên tòa tuyên án tử hình nhưng không hề run sợ, anh đã chủ động biến phiên tòa của đế quốc thành một diễn đàn của người chiến sĩ cộng sản. Khi luật sư bào chữa xin giảm án vì Lý Tự Trọng chưa đến tuổi trưởng thành, hành động thiếu suy nghĩ, anh đã gạt phắt đi và đồng dục nói: “Tôi hành động có suy nghĩ, tôi hiểu việc tôi làm, tôi làm vì mục đích cách mạng. Tôi chưa đến tuổi trưởng thành thật, nhưng tôi đã đủ trí khôn để hiểu con đường của

thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng, chứ không thể có con đường nào khác”. Tinh thần cách mạng bất khuất của Lý Tự Trọng đã làm cho kẻ thù vô cùng khiếp sợ và đã động viên cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng trong cả nước lúc bấy giờ. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Lý Tự Trọng tuy ngắn ngủi nhưng anh đã nêu một tấm gương sáng ngời cho các thế hệ thanh niên noi theo. Hình ảnh và chí khí của Lý Tự Trọng đã trở thành biểu tượng thiêng liêng, cao đẹp cho các thế hệ đoàn viên thanh niên Việt Nam. Câu nói của anh “Con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng, chứ không thể có con đường nào khác” đã trở thành lý tưởng sống và vũ khí chiến đấu của tuổi trẻ Việt Nam từ thế hệ này đến thế hệ khác. Những gì thế hệ thanh niên ngày trước đã hi sinh, đã tô vẽ cho bức tranh thiêng liêng về lòng yêu nước, tinh thần quả cảm thì thanh niên ngày nay càng phải phấn đấu, tiếp tục vẽ thêm đường nét cho bức tranh ấy thêm sinh động, thêm ý nghĩa hơn.

Lời của Hồ Chủ tịch vẫn còn vang mãi khi nói đến truyền thống yêu nước của dân tộc. “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” [32, tr. 171]. Thực đúng như vậy, nghiên cứu quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước lâu dài của dân tộc ta, người Việt Nam có đầy đủ cơ sở để đi tới một nhận định có tính khái quát: Chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại. Ở đây, bản chất Việt Nam được bộc lộ rõ ràng, đầy đủ, tập trung nhất hơn bất cứ lĩnh vực nào. Yêu nước đã trở thành một triết lý xã hội, một đạo lý mang tính nhân sinh của người Việt Nam. Không còn dừng lại ở trình độ một nhận thức, một tình cảm, mà nó đã trở thành một chủ nghĩa, một lực lượng tinh thần vô cùng mạnh mẽ, có tác dụng to lớn trong việc động viên, cổ vũ mọi người dân sẵn sàng đứng lên bảo vệ Tổ quốc khi có nguy cơ xâm lược từ ngoài tới, cũng như kiên trì

góp hết tinh thần và sức lực vào sự nghiệp dựng nước. Truyền thống vĩ đại này cần được tiếp sức cho thế hệ sau.

Không chỉ dừng lại ở chủ nghĩa yêu nước, dân tộc Việt Nam còn vun đắp nên những truyền thống cao đẹp như: đoàn kết, nhân nghĩa, hiếu học, v.v... Những truyền thống này cũng cần được phát huy và phát triển trong giai đoạn hiện nay để góp phần xây dựng sức mạnh quốc gia tổng hợp. Kế thừa giá trị truyền thống dân tộc là việc làm không thể thiếu trong giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thanh niên. Thông qua hoạt động này, thanh niên càng thêm tự hào về dân tộc và bản thân họ cũng cảm thấy lạc lõng nếu người Việt Nam thiếu đi những giá trị truyền thống tốt đẹp ấy.

Cùng với đó, việc tiếp thu những tinh hoa thế giới, học tập kinh nghiệm của các quốc gia khác trên thế giới là điều cần thiết. Nhưng thanh niên cần đảm bảo giữ được nét truyền thống dân tộc, không bị hòa tan vào nền văn hóa chung của nhân loại.

Hơn nữa, trong quá trình kế thừa, cần đấu tranh chống lại những hủ tục lạc hậu, lỗi thời hoặc hiện đại một cách thái quá, xa lạ với truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

3.1.4. Chú trọng công tác giáo dục tư tưởng, kết hợp hài hòa lý trí và tình cảm cách mạng

Triết học Mác – Lênin chỉ rõ rằng, ý thức xã hội nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội đã sinh ra nó. Chính hoàn cảnh lịch sử Việt Nam đã quy định nên ý thức xã hội Việt Nam và ý thức này thể hiện quan điểm, tư tưởng, tình cảm phổ biến của cộng đồng người Việt hay thời đại đấu tranh oai hùng của dân tộc ta. Ở thời kỳ trước, tình cảm cách mạng hội tụ ngay trong tâm lý của người Việt, phản ánh tình cảm thiêng liêng đối với dân tộc trước nguy cơ bị xâm lăng và đồng hóa thì ngày nay, tình cảm ấy đã được truyền lại biết bao thế hệ nối tiếp nhau để giữ gìn chủ quyền quốc gia, bảo tồn

bản sắc văn hóa dân tộc. Hiện nay tuy không còn chiến tranh, nhưng đời sống chính trị - văn hóa - xã hội đã đổi khác, đã ít nhiều làm phai mờ lý tưởng cách mạng trong mỗi ý thức cá nhân, đối tượng nổi trội lên khuynh hướng phai mờ ấy là bộ phận thanh niên. Chính môi trường xã hội, hoàn cảnh sống, phân hóa, phân tầng xã hội gay gắt đang tác động trực tiếp đến nhận thức của thanh niên. Họ thường có xu hướng bốc đồng, dễ bị cám dỗ, nhạy cảm với thời cuộc nên thường có những hành động chống đối tự phát. Đánh giá về những hạn chế còn tồn tại của thanh niên hiện nay, Đảng ta chỉ rõ: “Một bộ phận thanh niên sống thiếu lý tưởng, giảm sút niềm tin, ít quan tâm đến tình hình đất nước, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, sống thực dụng, xa rời truyền thống văn hóa dân tộc. Học vấn của một bộ phận thanh niên, nhất là thanh niên nông thôn, thanh niên dân tộc thiểu số còn thấp; nhiều thanh niên thiếu kiến thức và kỹ năng trong hội nhập quốc tế. Tính độc lập, chủ động, sáng tạo, năng lực thực hành sau đào tạo của thanh niên còn yếu, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội trong thanh niên đang gia tăng và diễn biến ngày càng phức tạp” [13, tr. 38].

Một trong những nguyên nhân căn bản của tình trạng này là do công tác giáo dục lý tưởng và tình cảm cách mạng cho thanh niên còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Các hình thức giáo dục còn khô cứng, thiếu sức cuốn hút. Nội dung giáo dục chưa chú ý bám sát thực tế, chưa tinh gọn theo hướng dễ tiếp thu; phương pháp giáo dục chưa chú ý đến hướng phát huy, khơi gợi tính tự giác rèn luyện của thanh niên. Trước tình hình đó, điều chỉnh và định hướng lý tưởng cách mạng cho thanh niên là công việc cần đầu tư, nó cũng là một trong những nội dung giáo dục quan trọng. Giáo dục tư tưởng là công tác không chỉ mang tính chất tuyên truyền mà còn chứa đựng tính định hướng cách mạng cho thanh niên.

Như đã nói ở trên, tình cảm cách mạng đã nảy sinh từ tồn tại xã hội. Tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc có lẽ ai ai cũng mang trong mình, nhất là người Việt Nam đã phải trải qua những năm tháng chiến tranh ác liệt để giành, dựng và giữ nước. Vậy xã hội ngày nay có khơi dậy tình cảm cách mạng của thanh niên đối với chủ quyền quốc gia hay không? Tất nhiên, thế hệ thanh niên hôm nay cũng trang bị cho mình lý tưởng, hoài bão cho bản thân và trách nhiệm với đất nước. Họ mang trong mình dòng máu nhiệt huyết của tuổi trẻ, dòng máu Việt nhưng họ sẽ lựa chọn giá trị nào để ứng xử khi chủ quyền quốc gia bị xâm phạm? Chẳng hạn, trước diễn biến phức tạp của tình hình biển Đông hiện nay, phản ứng của thanh niên như thế nào? Họ không đồng tình với cách giải quyết dựa trên thương lượng hòa bình. Qua điều tra, chỉ có 1% thanh niên đồng ý với phương pháp này để khẳng định chủ quyền biển đảo (xem phụ lục). Trong khi đó, quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước ta là kiên trì giải quyết vấn đề biển Đông bằng con đường hòa bình, tránh xảy ra xung đột, chiến tranh, đồng thời kiên quyết chống lại mọi hành vi xâm phạm chủ quyền biển Việt Nam theo đúng với quy định của luật pháp quốc tế, trong đó chủ yếu nhất là Hiến chương Liên hợp quốc và Công ước quốc tế về luật biển. Chúng ta thấy đây, tình cảm cách mạng là yếu tố tự nhiên trong ý thức của người Việt, dù là thế hệ nào. Nhưng bản thân mỗi cá nhân đã thực sự kiểm soát, kiểm chế tình cảm cách mạng chưa? Đối với người lớn, họ có thể kiểm chế được tính kích động trước các luận điệu mị dân, trước những hành động khiêu khích của Trung Quốc và các thế lực phản động. Đối với thế hệ trẻ, họ là đối tượng dễ kích động, suy nghĩ non nớt, ngây thơ, hành động mang tính tự phát hơn là tự giác nên những phần tử phản động thực hiện các âm mưu chống phá bằng cách lợi dụng mâu thuẫn giữa Việt Nam và Trung Quốc về biển Đông, đưa mâu thuẫn này leo thang thông qua các phương tiện truyền thông để kích động thế hệ trẻ. Mặc dù Việt Nam – Trung

Quốc thực hiện tranh chấp về biển Đông nhưng Việt Nam không thể quên ơn Trung Quốc đã giúp đỡ Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Cần khẳng định rằng, Việt Nam có đủ cơ sở pháp lý, bằng chứng để khẳng định và bảo vệ chủ quyền biển Đông. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phải chấp nhận hiện thực tranh chấp, chủ trương đòi lại, đấu tranh giữ nguyên hiện trạng. Chùng nào Hoàng Sa, Trường Sa vẫn còn trong lòng người Việt Nam thì chúng ta càng có cơ sở để khẳng định chủ quyền biển đảo Việt. Do đó, bảo vệ chủ quyền biển Đông là vấn đề lâu dài, đòi hỏi phải có sự kiên trì, là công việc của nhiều thế hệ. Trong đó, thanh niên là lực lượng cần sự quan tâm trong việc xây dựng tư tưởng, kết hợp hài hòa giữa tình cảm và lý trí cách mạng. Vì thế, cần tăng cường công tác giáo dục tư tưởng cho thanh niên, đặc biệt định hướng cho họ tự chủ và điều chỉnh được tình cảm cách mạng và lý trí cách mạng. Có như vậy, chúng ta mới bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, giữ yên bờ cõi đất nước, nhận thức của thanh niên tiến bộ hơn, trưởng thành hơn, lập trường tư tưởng vững vàng trước mọi hoàn cảnh.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO Ý THỨC BẢO VỆ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA CHO THANH NIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY

3.2.1. Giải pháp về giáo dục truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc

a. Giáo dục lịch sử dân tộc và lịch sử chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc

Có thể khái quát đặc điểm lớn nhất của lịch sử Việt Nam là lịch sử chống ngoại xâm. Dân tộc Việt Nam sống trong nô lệ nhiều hơn là trong hòa bình. Người Việt Nam tự nói với bản thân họ, chỉ có đứng dậy đấu tranh mới giữ vững nền độc lập, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Ở họ, lòng yêu nước, ý thức bảo vệ bờ cõi đất nước trở thành nhu cầu bản sinh, việc đương nhiên phải làm. Họ không ngại gian khổ, với ý chí sắt đá, đồng lòng, đoàn kết đã giúp họ vượt lên trên kẻ thù hung hãn, dệt nên trang sử vàng chói lọi để thế hệ đời sau

có quyền tự hào và noi theo. Vị Chủ tịch kính yêu của chúng ta đã từng dạy: “Dân ta phải biết sử ta. Sử ta dạy cho ta những chuyện về vang của tổ tiên ta. Dân tộc ta là con Rồng cháu Tiên, có nhiều người tài giỏi đánh Bắc dẹp Nam, yên dân trị nước tiếng để muôn đời” [29, tr. 216]. Ngày nay, muốn xây dựng thực lực quốc gia lớn mạnh thì bản thân mỗi quốc gia cần nhận thức về nguồn sức mạnh nội sinh vốn có của mình. Trên cơ sở đó, sẽ ra sức phát huy cái vốn có ấy. Cách thức để gia tăng sức mạnh nội sinh không thể thiếu công tác giáo dục lịch sử dân tộc, lịch sử chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc cho thanh niên. Đây là việc làm đương nhiên và nhu cầu tự thân của quốc gia dân tộc nếu không muốn thế hệ trẻ “tha hóa”. Cho nên các cấp, các ngành, các lực lượng cần có kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc cho thanh niên.

Bằng cách lồng ghép lịch sử dân tộc vào chương trình học của mọi thế hệ ở các cấp bậc học khác nhau. Qua đó, chú trọng phân tích cho thế hệ trẻ thấy và hiểu được sức mạnh nội sinh của nước ta là gì, bản thân họ cảm thấy tự hào, cần trang bị cho mình sức mạnh ấy trong thời đại ngày nay. Muốn giải pháp này có hiệu quả còn cần sự chung tay của những nhà làm sách, biên soạn chương trình, nội dung giáo dục lịch sử dân tộc. Bên cạnh đó, người dạy phải có phương pháp giảng dạy, truyền đạt lịch sử thu hút người nghe, dễ hiểu, dễ nắm bắt. Giờ đây, vấn đề chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cần phải nhanh chóng đưa vào nội dung giảng dạy. Chúng ta có đầy đủ bằng chứng lịch sử để khẳng định chủ quyền đối với hai quần đảo này. Vậy thì các chủ thể giáo dục nhanh chóng trang bị cho thanh niên những hiểu biết lịch sử mà cha ông đã hi sinh xương máu để bảo vệ chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa – một phần máu thịt của Tổ quốc.

Tuy nhiên, nội dung giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thanh niên cần phải phù hợp với điều kiện thực tiễn đất nước.

Ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia xuất phát từ tình yêu Tổ quốc, yêu nhân dân. Trước đây, yêu nước là cầm súng ra chiến trường giữ vững lãnh thổ cho Tổ quốc. Ngày nay, yêu nước còn là yêu lao động, học tập, rèn luyện thân thể, nâng cao trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi những hoạt động diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ; lên án, phê phán những luận điệu xuyên tạc chế độ xã hội và nhà nước. Do đó, nội dung và phương thức giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia phải phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đất nước.

Hiện nay đất nước ta đang trên con đường đổi mới nên rất cần những thanh niên mang trong mình ý thức và năng lực cao phù hợp với điều kiện mới. Đây là điều kiện thuận lợi để cho thanh niên phát huy tài năng, sức lực, trí tuệ của tuổi trẻ để khẳng định mình, để trưởng thành và cống hiến cho Tổ quốc. Đồng thời, thanh niên cần ý thức được những phẩm chất cao quý trong điều kiện mới là: yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nhân dân lao động, tinh thần quốc tế vô sản, hy sinh quên mình vì lý tưởng giải phóng con người, giải phóng nhân loại khỏi áp bức bóc lột là định hướng thiết yếu để đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Cần có sự liên kết và quy tụ các chủ thể tham gia giáo dục lịch sử dân tộc. Sẽ không thể thành công nếu thiếu sự hợp tác của toàn xã hội, của các cấp, các ngành vào giáo dục lịch sử dân tộc cho thanh niên. Mỗi chủ thể đều phải phát huy vai trò của mình trong giáo dục lịch sử dân tộc cho thanh niên. Đồng thời, cần nhận thức rằng, học tập và bồi dưỡng kiến thức không mang tính bất biến mà luôn đặt nó trong sự biến thiên, vận động không ngừng. Do vậy, bổ sung những nội dung lịch sử còn thiếu vào hệ thống tư tưởng lịch sử Việt Nam cũng nên xem xét và quan tâm.

b. Tăng cường công tác tuyên truyền về chủ quyền quốc gia

Với bất cứ quốc gia, dân tộc nào, độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ

của Tổ quốc là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Để giành lại độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bao đời nay dân tộc ta đã phải đấu tranh gian khổ, đầy hy sinh, không tiếc máu xương... Muốn thanh niên ngày nay viết tiếp trang sử vẻ vang của dân tộc, nên chẳng tăng cường công tác tuyên truyền về chủ quyền quốc gia cho thanh niên. Có rất nhiều biện pháp để tuyên truyền sâu rộng vào nhận thức cũng như đời sống thanh niên về chủ quyền quốc gia, chẳng hạn như: thông qua hoạt động ngoại khóa, tổ chức các buổi giao lưu, trên các phương tiện thông tin đại chúng, tivi, báo đài, bài học trên lớp. Trong đó, lợi dụng thành tựu cuộc cách mạng khoa học công nghệ, *mạng internet là công cụ cho chúng ta tuyên truyền hiệu quả hơn*. Bởi, hầu như thanh niên đều dễ dàng tiếp cận với phương tiện này. Trên thực tế, thời gian truy cập internet của thanh niên chiếm số lượng không nhỏ trên tổng thời gian làm việc một ngày. Thông qua internet, họ có thể nắm bắt được phong cách thời trang, xu hướng xe cộ, ... thế thì tại sao chúng ta không lồng ghép tuyên truyền những kiến thức về chủ quyền quốc gia trên các trang website. Nhưng phải bằng cách nào để nội dung tuyên truyền có thể thu hút, kích thích tính tò mò tìm hiểu của thanh niên. Nên xây dựng trang website về chủ đề chủ quyền quốc gia, tạo thành diễn đàn, sân chơi để thanh niên cùng nhau trao đổi, tranh luận và nắm bắt kiến thức về chủ quyền quốc gia dân tộc. Ông bà ta đã dạy “Học thầy không tày học bạn”. Thông qua trao đổi, trò chuyện, thanh niên sẽ có nhận quan sâu rộng hơn với chủ quyền quốc gia, với nghĩa vụ công dân, bảo vệ Tổ quốc bằng những hành động cụ thể.

Để giải pháp trên mang lại hiệu quả *cần xây dựng nội dung tuyên truyền một cách đầy đủ, chính xác và phong phú*. Phạm vi bảo vệ chủ quyền diễn ra trên tất cả lĩnh vực của đời sống xã hội. Bảo vệ chủ quyền quốc gia không chỉ là bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ mà còn là bảo vệ chế độ chính trị, kinh tế, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc. Đây là nội dung mà thanh niên dễ nhầm

lần nhất. Họ thường cho rằng, bảo vệ chủ quyền chi cần cầm súng ra trận, tham gia chiến đấu, thực hiện nghĩa vụ quân sự. Nhưng vấn đề này chỉ là một trong những biện pháp cần thiết. Nếu thiếu bảo vệ chế độ chính trị, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc thì chủ quyền quốc gia cũng khó có thể được giữ vững. Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Hồ Chí Minh và cả triết học Mác – Lênin đã khẳng định: văn hiến, phong hóa, lãnh thổ và lịch sử là các yếu tố không tách khỏi chủ quyền của một quốc gia dân tộc. Sẽ là sai lầm khi tuyên truyền giáo dục chủ quyền quốc gia dân tộc cho thanh niên mà lại bỏ qua các yếu tố này. Tuy nhiên, muốn tuyên truyền có hiệu quả cao cần tạo điều kiện đưa thanh niên tham gia vào các hoạt động thực tiễn xã hội.

3.2.2. Giải pháp về tổ chức hoạt động thực tiễn nhằm nâng cao ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và chủ quyền quốc gia cho thanh niên

a. Phát huy vai trò của gia đình - nhà trường - xã hội thông qua các hoạt động giáo dục

Gia đình – nhà trường – xã hội là ba góc của một tam giác, có sự gắn kết hữu cơ với nhau tạo nên tính bền vững trong phát triển nhận thức của mỗi người. Yếu tố mang tiền đề đầu tiên định hình nhân cách của con người là gia đình. Nó được ví như tế bào của xã hội, là tổng hợp các mối quan hệ, ứng xử, giá trị nhân cách, tình cảm, đạo đức, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cộng đồng, dân tộc. Theo quan niệm truyền thống Việt Nam xưa, xây dựng văn hóa gia đình trên nền tảng đạo đức bao gồm đạo hiếu, đạo nghĩa như đạo mẫu tử, cha con, chồng vợ, anh em...; cư xử với ông bà, cha mẹ, với xóm làng. Ngay từ khi còn nằm trong nôi, qua lời ru ngọt ngào của mẹ, mỗi đứa trẻ đã được nghe những lời dạy bảo yêu thương: “Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”. Lớn hơn một chút, bài học làm người đầu tiên các thế hệ Việt Nam giáo dục con cháu cũng là dạy cách ứng xử: “kính

trên, nhường dưới”, “chị ngã, em nâng”, “môi hờ, răng lạnh”, “lá lành đùm lá rách”, “bầu ơi thương lấy bí cùng”. Những lời dạy ấy đã thấm sâu trong mỗi người con đất Việt, góp phần hình thành bản sắc văn hóa dân tộc, đó là lòng nhân hậu, thủy chung, sống có nghĩa có tình; sự chia sẻ, đoàn kết gắn bó từ trong gia đình đến cộng đồng, làng, nước. Chính vì hiểu giá trị thiêng liêng của gia đình, khi đất nước có giặc ngoại xâm, bao thanh niên trai gái đã lên đường đánh giặc, bảo vệ gia đình, quê hương, đất nước bình yên. Mái ấm gia đình là yếu tố quan trọng giúp con người có thêm ý chí và nghị lực vượt qua khó khăn thử thách, đi tới những thành công. Thế nhưng gia đình ngày nay có những biểu hiện xa rời với gia đình truyền thống, chức năng giáo dục đạo đức bị lu mờ, thay vào đó là chức năng làm kinh tế lên ngôi và thậm chí nhiều gia đình chỉ lo chú trọng làm kinh tế, chu cấp tiền bạc mà bỏ qua giáo dục, dạy dỗ, định hướng nhận thức cho con cái. Họ quên rằng hệ giá trị văn hóa truyền thống bền vững của dân tộc Việt Nam được vun đắp qua lịch sử hàng ngàn năm tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc, cốt cách người Việt. Hệ giá trị này tạo ra sự ổn định xã hội, vững vàng về chế độ. Nếu gia đình giữ vững được yếu tố này sẽ không xảy ra tình trạng con giết cha mẹ, ông bà vì những lợi ích kinh tế tầm thường. Do đó, gia đình phải là nơi giáo dục đạo đức truyền thống cho con cái, hình thành lòng yêu thương con người, yêu thương hàng xóm, yêu Tổ quốc, nghĩa vụ, trách nhiệm với gia đình, quê hương, đất nước. Điềm tựa gia đình còn giúp nhiều người vượt qua cám dỗ, không sa ngã vào tệ nạn xã hội và những hành vi tội lỗi. Anh hùng Gióng ngày ấy chỉ biết nằm một chỗ, không biết nói, nhưng với tình yêu thương vô bờ bến của cha mẹ, nền tảng gia đình là cái nôi tiếp sức mạnh cho Gióng ra trận giúp vua đánh giặc Ân giữ yên bờ cõi cho đất nước. Như vậy, gia đình hiện đại cần trao dồi đạo đức tốt đẹp cho con cái. Ông bà, ba mẹ phải là người tấm gương cho con cháu học hỏi và

noi theo. Bởi ngày nay có rất nhiều yếu tố tác động đến nhận thức của thanh niên, sự lựa chọn giá trị nào để phát triển phụ thuộc vào nền tảng gia đình.

Hiện nay, giáo dục truyền thống dân tộc cho con cháu là nội dung mà nhiều gia đình chưa thực hiện được. Xây dựng gia đình mới không thể bỏ qua giáo dục lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Gia đình tốt thì xã hội mới tốt; xã hội tốt thì gia đình càng tốt hơn; hạt nhân của xã hội là gia đình”.

Bên cạnh đó, môi trường cũng không kém phần quan trọng trong phát triển nhận thức của thanh niên đó là nhà trường. Xét theo chiều dài của lịch sử dân tộc Việt Nam cũng như lịch sử của nhân loại, nhà trường là một trong những đơn vị cơ sở của tổ chức giáo dục, tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của xã hội trong từng giai đoạn lịch sử khác nhau. Điều đó cho thấy vai trò và sứ mệnh to lớn của giáo dục nhà trường đối với sự phát triển của xã hội cũng như đối với sự phát triển của cá nhân con người. Nhà trường phải là môi trường giáo dục lành mạnh, dạy tốt, học tốt, phát huy truyền thống hiếu học của dân tộc. Hơn thế nữa, nhà trường cần tổ chức tuyên truyền, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, giáo dục lòng yêu nước, truyền thống dân tộc và trang bị kiến thức về chủ quyền quốc gia cho người học.

Các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp nên xây dựng chương trình lý luận chính trị làm điều kiện để sinh viên ra trường. Qua đó, lồng ghép nội dung về chủ quyền quốc gia dân tộc cho sinh viên tìm hiểu và nắm bắt. Đây cũng là giải pháp phù hợp với thực tiễn hiện nay và là cách giúp cho sinh viên nắm bắt được những thông tin, tin tức về chủ quyền quốc gia.

Nhận thức của thanh niên về bảo vệ chủ quyền quốc gia sẽ được nâng cao hay không còn phụ thuộc vào vai trò của những nhà giáo dục. Và nâng cao đạo đức, trách nhiệm cho các chủ thể giáo dục, đặc biệt là đội ngũ nhà

giáo các cấp, từ phổ thông đến đại học cũng không kém phần quan trọng, bản thân mỗi nhà giáo dục cũng cần được giáo dục là vì vậy.

Ngoài ra, môi trường xã hội cũng là nơi tác động không nhỏ đến nhận thức của thanh niên. Chúng ta đều biết rằng trong thực tế, môi trường xã hội mà thanh niên sống, học tập và phát triển; bên cạnh các mặt tác động, các ảnh hưởng tích cực luôn hàm chứa các yếu tố tiêu cực và với trình độ thiếu từng trải, ít vốn sống lại hiếu động, thanh niên dễ bắt chước theo, vi phạm các chuẩn mực, tác động xấu đến sự phát triển nhận thức của thanh niên. Trong điều kiện hội nhập, mở cửa, sự phát triển của công nghệ thông tin, internet, chủ quyền quốc gia đang phải đối đầu với nhiều thách thức. Sự du nhập nhiều luồng văn hóa khác nhau, Đông - Tây đan xen hỗn hợp và tác động không nhỏ vào nhận thức của thanh niên. Gần đây, xu hướng starbucks đang rầm rộ ở thanh niên nhưng các em chưa hiểu được rằng: Starbucks chỉ thể hiện cho một phong cách sống chứ không đại diện cho đồ uống đậm chất “cafe” ở một nước có sản lượng xuất khẩu cafe đứng thứ 2 thế giới như Việt Nam. Biểu tượng tiên cá như một thứ hình ảnh đầy hấp dẫn và mê hoặc trong làn sóng văn hóa ngoại nhập về Việt Nam. Điều tương tự cũng đã xảy ra khi chuỗi cửa hàng thức ăn nhanh KFC đổ bộ vào Việt Nam, giới trẻ đua nhau ào ào đến “thưởng thức” vì xem trên phim và tivi mỗi giờ mới có dịp “điện kiến”. Đó từng là “thiên đường” chụp hình của giới trẻ. Có thể thấy rằng, làn sóng văn hóa bên ngoài ảnh hưởng rất lớn đến suy nghĩ và hành động của thanh niên. Điều này thanh niên cho rằng đơn giản, nhưng họ không hề biết rằng chính những yếu tố ấy lại gây phương hại đến chủ quyền quốc gia. Nhìn vào văn hóa, cách ăn mặc, cư xử người ta sẽ nhận ra đó là dân tộc nào. Nếu thanh niên bị ảnh hưởng quá mức văn hóa nước ngoài sẽ có nguy cơ bị đồng hóa, mất bản sắc dân tộc, dẫn đến chủ quyền quốc gia có nguy cơ bị xâm hại.

Môi trường xã hội và điều kiện sống chính là hoàn cảnh của giáo dục, hoàn cảnh ấy cần phải được thay đổi, phải được tăng cường nhân tính, có tính dân tộc nhiều hơn để giáo dục, bồi dưỡng nhận thức tốt hơn cho thanh niên đối với vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia. Để thực hiện được *phải có cơ chế, chính sách, có đầu tư nguồn lực, cộng đồng trách nhiệm của mọi cấp, mọi ngành*. Đoàn Thanh niên có thể và cần phải tác động vào các chương trình hành động của Nhà nước và xã hội. Tùy thuộc sự cải thiện này đến đâu, như thế nào mà nhận thức của thanh niên về vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia sẽ có biến đổi tương ứng như thế.

Như vậy, mối quan hệ giữa gia đình - nhà trường - xã hội có sự tác động biện chứng, hỗ trợ nhau trong giáo dục và nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thanh niên. Hồ Chủ tịch đã từng nhấn mạnh rằng: “Giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt đến mấy, nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn ” [33, tr. 591]. Muốn thanh niên có ý thức cao với chủ quyền quốc gia dân tộc thì không thể tách rời ba yếu tố trên. Cải thiện môi trường xã hội và điều kiện sống là giải pháp tối ưu để thanh niên tiếp thu lý tưởng cách mạng một cách tích cực, có cơ sở hiện thực. Đây là vấn đề lớn, là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trước hết phải là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước, của các lực lượng xã hội và cơ sở giáo dục. Hai thiết chế tác động trực tiếp tới nhận thức của thanh niên là gia đình và nhà trường cần phải được lành mạnh hóa, bởi chúng đều đang ở trong tình trạng có nhiều bất cập. Thực lực quốc gia lớn mạnh không thể thiếu sự hợp tác của ba chủ thể gia đình - nhà trường - xã hội vào giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thanh niên. Vấn đề quan trọng là cần xây dựng chiến

lược phát triển trong giai đoạn mới với quan điểm phát triển và quan điểm thích nghi, hòa nhập nhưng không hòa tan.

b. Tăng cường công tác giáo dục của các tổ chức chính trị - xã hội

Nâng cao nhận thức của thanh niên với chủ quyền quốc gia dân tộc không nằm ngoài vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội. Chủ trương của Đảng và Nhà nước đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tuyên truyền về chủ quyền quốc gia, đặc biệt là chủ quyền biển đảo Việt Nam trong những năm gần đây đã được hưởng ứng mạnh mẽ ở trong và ngoài nước. Không chỉ các cơ quan chuyên trách hay các nhà chuyên môn mới quan tâm đến việc nghiên cứu, thu thập các tư liệu lịch sử và chứng cứ pháp lý nhằm khẳng định chủ quyền quốc gia, mà những người dân bình thường cũng quan tâm đến vấn đề này. Họ là những người đã sưu tầm, gìn giữ nhiều tư liệu quý hiếm về chủ quyền biển đảo Việt Nam trong nhiều năm, thậm chí trong nhiều thế hệ, để rồi đến một thời điểm thích hợp thì hiến tặng những tư liệu quý này cho các nhà nghiên cứu hay cho các cơ quan hữu quan của Nhà nước. Tất cả đều vì mục đích góp phần bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc.

Nhất quán chủ trương trên, Đảng và Nhà nước cần kết hợp với các tổ chức chính trị - xã hội mà thanh niên đang sinh hoạt như: Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên,... *tổ chức các buổi sinh hoạt định kỳ, phát động cuộc thi tìm hiểu về chủ quyền quốc gia, tổ chức tham quan tại các bảo tàng, nhà triển lãm tranh ảnh về truyền thống, đất nước, con người Việt Nam...* Đây cũng là nơi, là dịp mà thanh niên có cơ hội chứng kiến công cuộc tạo dựng và bảo vệ non sông đất nước của cha ông, thêm tự hào với những gì mà cha ông đã làm vì Tổ quốc, vững tin vào những chứng cứ lịch sử và bằng chứng pháp lý về chủ quyền biển đảo của Việt Nam, sẵn sàng hành động để việc bảo vệ chủ quyền của quốc gia trước sự xâm lấn, tranh chấp của nước ngoài.

Hơn nữa, Đoàn thanh niên còn phải làm tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc chăm lo, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Giáo dục thanh niên có lòng yêu nước, thương yêu đồng bào, biết sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Phải khơi dậy phẩm chất tốt đẹp, riêng có ở thanh niên là tinh thần xung kích, tinh nguyện, vượt khó, sáng tạo. Hiện nay vẫn còn một số thanh niên chưa được tập hợp, đứng trong các tổ chức nào, vì vậy, cần có chủ trương tập hợp thanh niên. Chỉ khi nào thanh niên đứng vào hàng ngũ của mình thì khi ấy Đoàn mới có cơ hội chăm lo, phát triển và giáo dục thanh niên.

Muốn thanh niên vào tổ chức của mình, Đoàn cần xây dựng chương trình một cách thiết thực có thể thu hút đông đảo thanh niên tham gia. Thanh niên bây giờ được sống và học tập trong môi trường năng động, phát triển toàn cầu, điều kiện học tập và nhu cầu, cơ hội giải trí cao hơn so với thế hệ trước. Thay vì tham gia hoạt động đoàn thể họ có thể ngồi ở nhà lướt web, ngắm nhìn thế giới. Do đó, nội dung chương trình chất lượng có ý nghĩa rất lớn, quyết định sức hút đối với thanh niên.

Ngoài ra, *mỗi tổ chức Đoàn muốn tập hợp thanh niên có hiệu quả còn cần gắn với chế độ khen thưởng, kỷ luật, kỷ cương.* Mặc dù nằm trong độ tuổi đoàn nhưng vẫn còn một số đoàn viên thụ động, ngại tiếp cận với các hoạt động đoàn. Do đó, các tổ chức Đoàn nên coi việc chủ động tham gia hoạt động Đoàn của thanh niên là tiêu chí để đánh giá, phân loại đoàn viên. Tránh việc phân loại hình thức, điều này sẽ là chìa khóa để giải quyết tình trạng ỷ lại, thụ động của một số đoàn viên và cũng góp phần nâng cao vị thế của mỗi đoàn viên, gắn việc tham gia hoạt động Đoàn với quyền lợi của chính họ.

Tóm lại, huy động các lực lượng và tạo dư luận xã hội tích cực để việc giáo dục ý thức thanh niên thành một người có trách nhiệm đạo đức, chính trị, pháp lý phải được quản lý, kiểm soát và thúc đẩy. nỗ lực hợp tác và cộng đồng trách nhiệm giữa các tổ chức chính trị - xã hội trong việc nâng cao ý

thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thanh niên phải được coi trọng, cần được Nhà nước thể chế hóa yêu cầu này.

c. Phát động các phong trào thanh niên tình nguyện hướng về biên giới, biển, đảo

Lãnh thổ của Việt Nam trải dài từ bắc đến nam, là một mảnh đất nhỏ hẹp, và dài với hình cong chữ “S”. Hai đầu phình to ra, ở giữa co thắt lại. Trải qua bao thăng trầm lịch sử, chủ quyền quốc gia được giữ vững và khẳng định. Ngày nay, trọng trách giữ vững chủ quyền quốc gia được trao lại cho thế hệ thanh niên, lớp người năng động, giàu sức sống, sáng tạo. Trong những năm qua, có rất nhiều phong trào thanh niên với biên giới, Tổ quốc được phát động như: phong trào “Tuổi trẻ với mùa xuân biên giới”, “Nghĩa tình biên giới hải đảo” mà Trung ương Đoàn phát động vào mỗi dịp Tết đến, “Khát vọng thanh niên vươn ra biển lớn”, “Góp đá xây Trường Sa”... nhận được sự ủng hộ của đoàn viên thanh niên trên khắp tình thành đất nước. Trung ương Đoàn lấy chủ đề cho năm 2014 là “Năm thanh niên tình nguyện” nhằm góp phần nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và cộng đồng về vai trò, ý nghĩa của hoạt động tình nguyện của thanh niên, thúc đẩy phong trào tình nguyện trong cả nước phát triển. Để cuộc vận động này đi vào cuộc sống, Đoàn thanh niên phải thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu với người dân và chiến sĩ, các buổi tuyên truyền, lớp học truyền thống cho đoàn viên về ranh giới địa lý, ý nghĩa lịch sử cũng như sự hi sinh các thế hệ đi trước để bảo vệ vùng biển, vùng trời của quê hương. Bên cạnh đó, cần tổ chức các hoạt động tình nguyện vì an sinh xã hội hỗ trợ cuộc sống của người dân các xã nghèo ven biển, vùng núi. Những hoạt động tình nguyện này có vai trò đặc biệt trong việc góp phần định hướng thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ý thức của thanh niên đối với chủ quyền quốc gia. Qua quá trình thực hiện, bằng các hoạt động phong phú, thiết thực và rộng khắp, thanh niên sẽ càng tự hào hơn với sức trẻ của mình, tự hào về bản thân và tiếp tục phát

huy vai trò xung kích của mình. Qua đó, khơi dậy tinh yêu quê hương đất nước cũng như trách nhiệm của thanh niên hôm nay với vận mệnh Tổ quốc.

3.2.3. Giải pháp về giáo dục và định hướng tư tưởng chính trị cho thanh niên

a. Định hướng tư tưởng và lý trí cách mạng đúng đắn cho thanh niên trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia

Trước hết cần khẳng định rằng, đây là giải pháp giữ vai trò quan trọng, quyết định và cấp thiết hơn cả để giáo dục ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thanh niên.

Thanh niên là một bộ phận rất quan trọng của xã hội, tiêu biểu cho sức mạnh của dân tộc. Qua các thời kỳ lịch sử, nhiều tấm gương thanh niên đã quên mình, không ngại gian khổ đứng dậy đấu tranh vì độc lập dân tộc. Thời niên thiếu của họ gắn liền với năm tháng chiến tranh ác liệt, họ vẫn giữ vững tinh thần dân tộc. Thanh niên hiện nay cùng với đất nước tiếp tục phát huy hoài bão, xây dựng lý tưởng cách mạng. Thanh niên có mạnh dân tộc mới mạnh, trong sức mạnh của dân tộc có sức mạnh của thanh niên. Đối với sức trẻ thì không có gì ngăn cản được lòng nhiệt huyết, sự phấn đấu nếu biết khơi dậy những tiềm năng tuổi trẻ. Giáo dục tư tưởng, chính trị đóng vai trò quan trọng nhằm định hướng lý trí cách mạng cho thanh niên. Nghị quyết Đại hội XI của Đảng đã chỉ rõ: “Làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thống, lý tưởng, đạo đức và lối sống; tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển toàn diện thể lực, trí tuệ cho thế hệ trẻ. Khuyến khích, cổ vũ thanh niên nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão lớn, xung kích sáng tạo, làm chủ khoa học, công nghệ hiện đại. Hình thành lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế tục trung thành, xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc...” [11].

Hiện nay, trước diễn biến phức tạp của tình hình biển Đông, nhà lãnh đạo đưa ra đường lối chính trị cân nhắc, thận trọng, tính đến nhiều mặt, quan trọng nhất là giữ vững hòa bình. Người dân bằng tình cảm yêu nước, họ đứng

đẩy đấu tranh chống lại những hành vi vi phạm trắng trợn chủ quyền biển đảo của Trung Quốc. Ở họ, tình cảm cách mạng đã phát huy sức mạnh khi chủ quyền quốc gia bị phương hại. Đối với thanh niên, lứa tuổi dễ bị kích động bởi những luận điệu được che đậy dưới các hình thức khác nhau của các thế lực thù địch, họ lợi dụng lòng yêu nước của thanh niên để thực hiện các hoạt động chống phá chế độ ta. Do đó, cần giáo dục cho thanh niên nêu cao lý trí cách mạng, cùng với Đảng, Nhà nước và nhân dân duy trì ổn định, hòa bình cho đất nước.

Để thanh niên có những nhận thức đúng đắn về bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc, *Nhà nước cần quan tâm chăm lo công tác thanh niên, đào tạo thanh niên và xây dựng niềm tin cho họ*. Muốn vậy, Nhà nước cần cải thiện môi trường sống, hạn chế những biểu hiện tiêu cực của một bộ phận người lớn; xây dựng xã hội phát triển lành mạnh. Trong bất kỳ tình huống nào, thanh niên phải hết sức tinh táo, đấu tranh chống lại những hành động chống phá của các thế lực thù địch; chống lại hành vi, biểu hiện tiêu cực, thoái hóa, biến chất mà xã hội công nghiệp tạo ra.

Hơn nữa, vẫn còn một số thanh niên quan niệm rằng, để bảo vệ chủ quyền quốc gia chỉ cần xây dựng lực lượng vũ trang, trang bị vũ khí, kỹ thuật quân sự hùng mạnh. Quan niệm này thật ấu trĩ! Bảo vệ chủ quyền quốc gia diễn ra trên tất cả các lĩnh vực, không chỉ là bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ mà còn bảo vệ hệ giá trị, bảo vệ chế độ chính trị, nền kinh tế độc lập tự chủ, nền quốc phòng an ninh vững chắc; không chỉ là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, mà còn là bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững ổn định chính trị, môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trang bị lực lượng vũ trang, sức mạnh quân sự chỉ là một trong những giải pháp bảo vệ

chủ quyền quốc gia. Định hướng cho thanh niên nhận thức rõ cách thức để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là hãy chung tay tham gia xây dựng sức mạnh quốc gia tổng hợp. Đồng thời, giúp thanh niên nắm bắt chủ trương của Đảng và Nhà nước trong xây dựng quan hệ quốc tế, không thể xử lý theo tình cảm cách mạng mà phải theo lý trí cách mạng, trên tinh thần “vừa hợp tác vừa đấu tranh”. Chỉ khi nào thanh niên hiểu rõ xây dựng sức mạnh quốc gia tổng hợp và quan hệ quốc tế tốt đẹp là kế sách bảo vệ Tổ quốc từ xa thì họ sẽ hăng hái, đồng lòng, đóng góp sức mình vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các cơ quan chức năng cần định hướng cho thanh niên điều khiển tình cảm cách mạng, đề cao lý trí, sự hiểu biết, hành xử hợp quy luật, đúng bản chất, hướng đến đảm bảo lợi ích quốc gia dân tộc. Có nhiều cách để bảo vệ hòa bình như thông qua thương lượng, công lý, đạo lý, v.v.. Truyền thống cha ông ta luôn phân biệt rõ bạn thù, đường lối ngoại giao khôn khéo, mềm dẻo để giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia; mặc dù đứng trước nguy cơ mất nước nhưng dân tộc ta vẫn bình tĩnh, sáng suốt, lựa chọn con đường đấu tranh để bảo vệ hòa bình, bảo đảm lợi ích quốc gia dân tộc. Do đó, thế hệ thanh niên hiện đại cần điều chỉnh đúng đắn lý trí và tình cảm cách mạng của mình, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.

Giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng lý trí cách mạng cho thanh niên còn là đưa thanh niên nắm bắt nội dung bảo vệ chủ quyền quốc gia trong tình hình mới trên tinh thần mục tiêu mà Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI phát động.

b. Phát huy vai trò tự ý thức của thanh niên về trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia

Trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền quốc gia còn phụ thuộc vào yếu tố chủ quan. Tự ý thức của mỗi thanh niên đóng vai trò không kém phần quan trọng. Điều kiện kinh tế đã thay đổi, đời sống vật chất

và tinh thần ngày được nâng cao thì ý thức của thanh niên cũng phải cao hơn, cách ứng xử trở nên văn minh hơn. Các giải pháp khác sẽ khó đạt hiệu quả cao nếu thiếu vai trò tự ý thức của thanh niên.

Mỗi thanh niên cần xây dựng lý tưởng, hoài bão, ước mơ cho bản thân, trao đổi giá trị truyền thống của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Nền văn hóa Việt Nam hiện nay phần nào bị biến dạng bởi lối sống lai căng, pha tạp văn hóa nước ngoài. Ông cha ta chịu sự thống trị của phương Bắc hơn 1000 năm, đấu tranh chống nguy cơ đồng hóa thành công thì thanh niên bây giờ cũng nêu cao tinh thần, trách nhiệm chống nguy cơ bị hòa tan trong quá trình hội nhập. Ranh giới giữa cái tốt và cái xấu hiện nay khá mong manh, thanh niên đấu tranh vượt qua cám dỗ của cái xấu sẽ không khó nếu lập trường, quan điểm của họ thực sự vững vàng, biết phấn đấu vì lý tưởng cao đẹp. Để được như vậy, thanh niên cần tham gia vào các hoạt động xã hội, tập hợp thành các đội tình nguyện tự phát trong thanh niên. Chỉ có thông qua hoạt động nhóm, thanh niên sẽ biết được mình thiếu cái gì để từ đó rèn luyện, nâng cao nhận thức của bản thân.

Bản thân mỗi thanh niên cần nhận thức được những hạn chế của bản thân và tìm cách khắc phục chúng. Do bản tính ý lại của người Việt, môi trường giáo dục thụ động, cơ chế giáo dục cứng nhắc, nhu cầu của thanh niên ngày nay khá cao, có nhiều cơ hội để giải trí là những nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong nhận thức của thanh niên. Chỉ khi nào thanh niên nhận thức rõ về bản thân, về xã hội, về con người thì khi ấy ý thức của thanh niên mới mang tính toàn diện. Họ sẽ xác định được mình cần gì và xã hội cần gì ở thanh niên. Muốn làm được điều này, mỗi thanh niên cần ra sức rèn luyện bản thân cả về thể lực và trí lực, tăng cường “sức đề kháng” trước các cám dỗ của xã hội. Điều cơ bản là mỗi thanh niên cần có đủ bản lĩnh, ý chí, trình độ để phát huy thuận lợi, tận dụng thời cơ, khắc phục khó khăn, vượt qua thách

thức. Điều đó chỉ có được khi mỗi thanh niên phát huy tinh thần tự học, tự rèn luyện, có đủ tâm, đủ tầm để tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chủ động tham gia vào nền kinh tế tri thức và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Mỗi thanh niên cần gia tăng tính tự lập của bản thân. Có một thực trạng đáng lo ngại, một bộ phận thế hệ trẻ hiện nay trông chờ vào hoàn cảnh quá nhiều mà chưa thực sự nỗ lực, phấn đấu hết mình. Họ thừa hưởng thành tựu của quá trình đổi mới đất nước mang lại nhưng chưa thực sự nhận thức vai trò và trách nhiệm của bản thân. Họ đã phí phạm những “đặc ân” mà tạo hóa ban tặng cho thanh niên, hoặc có thể họ chưa khai thác, chưa nhận thức được những lợi thế vốn có của mình. Hơn nữa, do ảnh hưởng lối giáo dục phương Đông, ngay từ nhỏ, bản thân mỗi người thiếu hẳn tính tự lập. Sự đùm bọc của người lớn dần dần tạo nên tính ỷ lại, thụ động, trông chờ vào lực lượng bên ngoài của trẻ em. Điều này dần dần ảnh hưởng đến cách sống, cách suy nghĩ của thế hệ trẻ. Thanh niên công nghiệp cần biết khắc phục hạn chế này. Bản thân mỗi thanh niên phải tự nỗ lực học tập, trao đổi đạo đức, tự thân nghiên cứu, tìm hiểu, trang bị kiến thức cho bản thân. Bởi, chỉ có những điều con người chưa biết, không có những điều con người không thể biết. Thanh niên cần nêu cao tinh thần tự lập trong mọi mặt, dựa vào sức của chính bản thân mình. Cá nhân tốt thì xã hội sẽ tốt, thanh niên phát huy được tính tự lập của mình sẽ góp phần lớn vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

3.2.4. Giải pháp về tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa

Phát huy vai trò của thanh niên đối với chủ quyền quốc gia dân tộc còn cần sự chung tay của cả hệ thống chính trị. Không phải ai cũng tự ý thức nêu cao tinh thần trách nhiệm của mình với chủ quyền quốc gia. Bên cạnh yếu tố tự thân vẫn cần thiết có các chế tài bắt buộc. Hệ thống pháp luật là công cụ

điều chỉnh các hành vi của con người mà Nhà nước là tổ chức có quyền lực tác động các chủ thể tuân thủ theo. Bảo vệ Tổ quốc trong thời bình là tham gia xây dựng đất nước trên nhiều phương diện, trong đó không thể thiếu trách nhiệm tham gia nghĩa vụ quân sự của công dân. Từ khi Hiến pháp năm 1946 ra đời cho đến nay, nội dung nghĩa vụ của công dân đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoàn cảnh mới thì nghĩa vụ quân sự cũng đã có sự sửa đổi, bổ sung những nội dung mới. Luật nghĩa vụ quân sự năm 2013 ra đời vẫn còn một số thanh niên chưa nắm bắt, chưa hiểu rõ về nội dung mới này. Vì vậy, Luật nghĩa vụ quân sự chặt chẽ, rõ ràng, nghiêm minh sẽ là công cụ định hướng nghĩa vụ của công dân với đất nước. *Nhà nước cần quy định cụ thể các điều khoản, tăng tính nghiêm minh trong Luật nghĩa vụ quân sự, phối hợp với các cơ quan tư pháp trong việc rà soát các văn bản áp dụng bộ luật này đối với thanh niên, đồng thời cần có hướng dẫn thực hiện cụ thể.* Các văn bản mới ban hành cần triển khai sâu rộng trong nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ để họ nắm bắt kịp thời bối cảnh đất nước cũng như nhiệm vụ của bản thân trong tình hình mới. Để phát huy truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng thì cơ quan Nhà nước nên xây dựng chương trình hành động cho thanh niên, định hướng cho họ hiểu rõ về nghĩa vụ thiêng liêng này mà tự giác tuân thủ pháp luật, vận động bạn bè, những người xung quanh cùng thực hiện.

Nên lồng ghép nội dung Luật nghĩa vụ quân sự, Luật thanh niên, Luật biển đảo vào chương trình các môn học chính trị, pháp luật ở các cấp, bậc học nhằm trang bị những kiến thức pháp luật, chính trị cho thanh niên, đồng thời giúp họ nhận thức rõ hơn vai trò của người thanh niên cũng như thực tiễn xây dựng và bảo vệ đất nước.

Bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội thì *Hệ thống chính trị cần rà soát lại các văn bản pháp luật trên lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, ngoại giao, văn hóa, ...*

Trên lĩnh vực kinh tế, *cần tăng tính nghiêm minh, quy định cụ thể trong các văn bản thuộc phạm vi Luật kinh tế* tránh những mặt trái của kinh tế thị

trường, hội nhập mở cửa nhưng vẫn đảm bảo tính độc lập, tự chủ trong nền kinh tế nước ta.

Trên lĩnh vực văn hóa, để bảo vệ và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cũng như khắc phục tình trạng xuống cấp của các giá trị văn hóa (điều này ảnh hưởng không nhỏ đến phong cách, lối sống của thanh niên hiện nay), Chính phủ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch *cần ban hành các quy định nghiêm ngặt về biểu diễn, hoạt động nghệ thuật, tránh những hình ảnh phản cảm, mất thuần phong mỹ tục, không phù hợp với văn hóa Việt Nam*. Làm điều này sẽ góp phần lành mạnh hóa xã hội, tạo môi trường lành mạnh cho thanh niên học tập và vui chơi, hướng tới giá trị chân – thiện – mỹ.

Cần tăng cường tính nghiêm minh, kỷ luật trong chương trình giáo dục quốc phòng ở các cấp bậc học, khắc phục tình trạng dạy và học giáo dục quốc phòng theo kiểu đối phó, hình thức. Cung cấp thông tin, trang bị những hiểu biết cho thế hệ trẻ về nền quốc phòng, về chính sách quốc phòng của đất nước nhằm xây dựng niềm tin của thế hệ trẻ vào sức mạnh quốc gia trên lĩnh vực này.

Như vậy, nhận thức rộng hơn phạm vi bảo vệ chủ quyền quốc gia không chỉ thông qua giải pháp tuyên truyền, giáo dục cho thanh niên về lịch sử, về truyền thống, về văn hóa mà còn cần những quy định cụ thể bằng văn bản pháp luật trên các lĩnh vực này. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa cũng là giải pháp góp phần mở rộng nhận thức của thanh niên với chủ quyền quốc gia cũng như đảm bảo tính thống nhất ở việc lập pháp, đưa pháp luật vào đời sống và kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật của pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Ngoài ra, *cần rà soát, kiểm tra và bổ sung Luật biển đảo Việt Nam, Luật biên giới quốc gia Việt Nam* nhằm tăng tính hợp pháp, tính nghiêm minh của Việt Nam trước diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, nhất là khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Và sự chung tay của cả hệ thống chính trị, của mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội là yếu tố không thể thiếu để nhận thức của thanh niên về chủ quyền quốc gia dân tộc được nâng cao.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trên cơ sở nhận thức và nghiên cứu tư tưởng triết học Việt Nam về vấn đề độc lập dân tộc, nội dung này đã góp phần định hướng, kim chỉ cho hành động bảo vệ chủ quyền quốc gia hiện nay của thanh niên. Với những thành tựu đạt được sau 27 năm đổi mới, vị thế và vị trí của đất nước ngày càng được nâng cao trong đời nội cũng như đời ngoại. Thành tựu này là xuất phát điểm để nước ta tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và phát triển đất nước những năm tiếp theo; khẳng định khả năng của Việt Nam trên trường quốc tế trong đó không thể tách rời vai trò của nhân dân, đặc biệt là thế hệ thanh niên.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, hiện nay nhận thức của thanh niên đối với vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia vẫn còn nhiều hạn chế. Để khắc phục những hạn chế ấy, đòi hỏi Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và đặc biệt là thanh niên cần thực hiện tốt những giải pháp về nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia. Có như vậy, sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của chúng ta mới tiếp tục nâng cao, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện các vấn đề xã hội, bảo tồn giá trị văn hóa, toàn vẹn lãnh thổ, quốc gia Việt Nam.

Cần phải thực hiện tốt và đồng bộ các nhóm giải pháp nhằm hướng vào mục tiêu nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền quốc gia cho thanh niên như: Giải pháp về giáo dục truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc; giải pháp về giáo dục và định hướng tư tưởng chính trị cho thanh niên; giải pháp về tổ chức hoạt động thực tiễn nhằm nâng cao ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và chủ quyền quốc gia cho thanh niên; giải pháp về tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra còn cần sự chung tay của cả Hệ thống chính trị, các cấp, các ngành quan tâm chăm lo, bồi dưỡng, nâng cao ý thức cho thanh niên trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia hiện nay.

KẾT LUẬN

Dù ở thời đại nào thì chủ quyền quốc gia luôn là vấn đề được quan tâm, chú ý. Có độc lập, có chủ quyền thì đất nước mới có cơ sở, điều kiện để xây dựng và phát triển. Không một quốc gia nào có thể phát triển bình thường khi đặt mình trong tình trạng chiến tranh, ngoại xâm, mất độc lập trên mọi lĩnh vực.

Việt Nam có hay không có triết học, đây là vấn đề còn được bàn cãi và tiếp tục nghiên cứu. Tuy nhiên, một điều ai cũng phải thừa nhận là nước Việt có tư tưởng triết học. Tư tưởng ấy có mầm mống xa xưa trên mảnh đất Việt và đã nảy mầm, bám rễ sâu trong nền văn hóa dân tộc, tạo nên bản sắc riêng đủ sức mạnh để chống lại sự đồng hóa của kẻ thù. Cũng từ đó mà ý thức dân tộc, chủ quyền quốc gia dần hình thành trong tâm thức người dân Việt. Khát vọng độc lập tạo nên sức mạnh to lớn để dân ta đuổi quân ngoại xâm, xây dựng đất nước và được nâng lên thành hệ thống tư tưởng, lý luận. Trong thời kỳ đầu, tư tưởng về độc lập dân tộc được khái quát qua các truyền thuyết dân gian, các cuộc đấu tranh chống quân xâm lăng phương Bắc. Dần dần, ý thức về độc lập dân tộc được khái quát thành lý luận thành văn. Tuyên ngôn Độc lập lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba của Lý Thường Kiệt, Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh là minh chứng cho lập luận trên. Với nhu cầu thực tiễn, đã xuất hiện các nhà tư tưởng, dù ở thời kỳ nào họ cũng nêu cao tinh thần dân tộc, bộc lộ ra bằng hệ thống tư tưởng nhằm góp phần giải quyết nhu cầu thực tiễn lúc bấy giờ.

Đến thời đại Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc là niềm khát khao cháy bỏng, là mục tiêu trước hết của cách mạng Việt Nam, và là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của cả dân tộc. Người sớm nhận ra hạn chế của con đường cứu nước của các bậc tiền bối và Người mong muốn tìm ra con đường cứu nước, đánh đuổi giặc ngoại xâm, giành lại nền độc lập dân tộc đã bị mất vào tay giặc Pháp. Và cũng chính mục tiêu giành lại độc lập dân tộc đã đưa Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin - đến với chân lý của thời đại. Từ yêu nước chân chính,

Hồ Chí Minh đã trở thành người Cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đây là bước nhảy vọt, một sự thay đổi về chất trong tư tưởng và lập trường chính trị của Người. Bước chuyển đó phù hợp với trào lưu tiến bộ của thời đại và lời cuốn cả lớp người Việt Nam yêu nước đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tiếp nối truyền thống cha ông, thế hệ trẻ viết tiếp trang sử mới, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Vai trò, trọng trách bảo vệ chủ quyền quốc gia đặt lên vai người thanh niên.

Thế giới đang đổi thay nhanh chóng và có nhiều tác động tới đất nước ta. Tình hình mới hiện nay đang đặt ra cho chúng ta yêu cầu cần phải nhận thức và giải quyết thật tốt nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc. Rõ ràng là, độc lập không đồng nghĩa với cô lập, đóng cửa. Trong lịch sử đã có những thời kỳ một số nước để bảo vệ độc lập dân tộc đã thực hiện việc “bế quan tỏa cảng”, không quan hệ với nước khác, nhưng kết cục của chính sách đó là tự làm suy yếu mình. Do đó độc lập ở đây với nghĩa là không lệ thuộc vào bên ngoài, là cân bằng được các mối quan hệ: quan hệ đối ngoại, quan hệ kinh tế, quan hệ chính trị, quan hệ văn hóa...

Trong điều kiện hiện nay, hòa bình, hợp tác và phát triển đang là xu thế lớn của thời đại. Ở trong nước, Việt Nam đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từng bước phát triển kinh tế, giữ vững ổn định chính trị. Muốn làm tốt những công việc trên, trước hết chúng ta cần nêu cao vấn đề độc lập dân tộc, bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo vệ vùng trời, vùng biển, toàn vẹn lãnh thổ. Đây không chỉ là nhiệm vụ của Đảng, của Nhà nước mà còn là trách nhiệm của toàn dân, trong đó đặc biệt là trách nhiệm của thế hệ thanh niên. Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử vẻ vang đó, thanh niên phải phấn đấu trở thành những người giàu về trí tuệ, giỏi về chuyên môn, có lòng yêu quê hương, đất nước, yêu những giá trị lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc. Lực lượng thanh niên ngày nay hãy cùng chung tay phấn đấu học tập và có những hành động thiết thực, thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình để bảo vệ vững chắc chủ quyền Tổ quốc với tinh thần “Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta, mà cần hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay”.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

- [1] Nguyễn Thái Anh, Nguyễn Đức, Đàm Xuân, *Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt*, Nxb. Thời đại, Hà Nội.
- [2] Trần Ngọc Ánh (2013), “Bài giảng Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam”, Đà Nẵng.
- [3] Ban Tuyên giáo Trung ương (2008), *Tài liệu hỏi – đáp các Nghị quyết Hội nghị Trung ương bảy, khóa X (Tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Đức Bình (chủ biên) (2007), *Những đặc điểm lớn của thế giới đương đại*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Doãn Chính (1998), *Đại cương Triết học phương Đông cổ đại*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [9] Mai Thị Dung (2013), “Về lối sống và định hướng xây dựng lối sống mới cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số 5 (264), tr.84.

- [10] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [11] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [12] Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [13] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI (Lưu hành nội bộ)*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [14] Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [15] Trần Văn Giàu (Tháng 8/1998), “Hệ tư tưởng yêu nước Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, số 16.
- [16] Trần Văn Giàu (1973), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến cách mạng tháng Tám*, t.1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [17] Lê Mậu Hãn (chủ biên) (2013), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, t.3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [18] Nguyễn Hùng Hậu (2005), *Đại cương triết học Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
- [19] *Hiến pháp Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992, Nghị quyết của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 1992* (2006), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [20] Đỗ Đức Hùng (2002), *Biên niên sử Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
- [21] Cao Xuân Huy (1995), *Tư tưởng phương Đông gợi những điểm nhìn tham chiếu*, Nxb. Văn Học, Hà Nội.
- [22] Lại Quốc Khánh, Phan Duy Anh (2013), “Giáo dục truyền thống cách mạng cho thanh niên trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Tuyên giáo*, số 9.

- [23] Đinh Xuân Lâm (chủ biên) (2006), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, t.2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [24] V.I.Lênin (1980), *Toàn tập*, t.18, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.
- [25] V.I.Lênin (1981), *Toàn tập*, t.29, Nxb. Tiến bộ, Mátxcova.
- [26] *Luật thanh niên* (2007), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [27] C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [28] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [29] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.3, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [30] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.4, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [31] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [32] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [33] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.10, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [34] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.11, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [35] Hồ Chí Minh (1995), *Toàn tập*, t.12, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [36] Hồ Chí Minh (1990), *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [37] Nguyễn Quang Ngọc (2009), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [38] Nguyễn Gia Phú (1996), *Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam*, Tủ sách Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
- [39] Lê Văn Quán (2006), *Lịch sử tư tưởng chính trị - xã hội Việt Nam từ tiền sử đến thời kỳ dựng nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [40] Lê Văn Quán (2006), *Lịch sử tư tưởng chính trị - xã hội Việt Nam từ tiền sử đến thời kỳ dựng nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [41] Lê Văn Quán (2008), *Lịch sử tư tưởng chính trị - xã hội Việt Nam từ Bắc thuộc đến thời kỳ Lý - Trần*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [42] Trương Hữu Quýnh (chủ biên) (2006), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, t.1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [43] Lê Sỹ Thắng (1997), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, t.2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [44] Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
- [45] Trần Dân Tiên (1994), *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí tịch*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [46] Nguyễn Đăng Thục (1991), *Lịch sử Triết học Đông phương*, t.1, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, Tái bản.
- [47] Nguyễn Tài Thư (2001), “Khả năng phát triển giá trị truyền thống Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá”, *Tạp chí Triết học*, số 5.
- [48] Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, t.1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [49] Nguyễn Tài Thư (chủ biên) (1984), *Mấy vấn đề về lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Viện Triết học, Hà Nội.
- [50] Nguyễn Trãi (1976), *Toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [51] Hoàng Trang, Phạm Ngọc Anh (chủ biên) (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
- [52] Tủ sách pháp luật cơ sở (2014), *Tìm hiểu Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ*, Nxb. Lao động – xã hội, Hà Nội.
- [53] Viện khoa học xã hội Việt Nam (2009), *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [54] Viện Triết học (2002), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Văn tuyển, t.1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [55] Viện Văn học (1977), *Thơ văn Lý - Trần*, t.1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[56] Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hóa Việt Nam - Tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

Internet:

[57] *Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế-xã hội năm 2013, kết quả 3 năm thực hiện kế hoạch 5 năm (2011-2015) và nhiệm vụ 2014-2015*, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, truy cập ngày 18 tháng 3 năm 2014, <<http://www.chinhphu.vn/>>.

[58] Nguyễn Đình Chiến, *Sức mạnh tổng hợp bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam*, Báo điện tử NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, truy cập ngày 25 tháng 1 năm 2014, <<http://www.nxbctqg.org.vn/>>.

[59] Văn Chiến (2013), *Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và tự hào của thế hệ trẻ*, Trang thông tin điện tử của đoàn đại biểu quốc hội thành phố Hà Nội, truy cập ngày 22 tháng 12 năm 2013, <<http://www.dbndhanoi.gov.vn/>>.

[60] Nguyễn Việt Chúc (2011), *Sự kết tinh truyền thống giữ nước của dân tộc*, Báo đại đoàn kết, truy cập ngày 18 tháng 11 năm 2013, <<http://daidoanket.vn/>>.

[61] Nguyễn Đức Hòa (2008), *Độc lập dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí lý luận của Ủy ban dân tộc, truy cập ngày 20 tháng 11 năm 2013, <<http://cema.gov.vn/>>.

[62] Từ Khôi (2011), *Nam quốc sơn hà nam đế cư*, báo Đại đoàn kết, truy cập ngày 19 tháng 12 năm 2013, <<http://daidoanket.vn/>>.

[63] Mai Nguyễn (2013), *Giáo dục đạo đức, lối sống và bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay - Vấn đề và giải pháp*, Tạp chí Cộng sản điện tử, truy cập ngày 26 tháng 2 năm 2014, <<http://www.tapchicongsan.org.vn/>>.

- [64] Nguyễn Phong (2012), *Yêu cầu Trung Quốc chấm dứt các hoạt động xâm phạm chủ quyền Việt Nam*, Thanh niên online, truy cập ngày 22 tháng 3 năm 2014, <<http://www.thanhnienvn.com>>.
- [65] Trần Đại Quang (2011), *Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới*, Học viện cảnh sát nhân dân, truy cập ngày 25 tháng 1 năm 2014, <<http://www.hvcsnd.edu.vn>>.
- [66] Nguyễn Quang Tuấn (2011), *Vị thế và trách nhiệm của thanh niên*, trang điện tử trường Đại học Vinh, truy cập ngày 24 tháng 1 năm 2014, <<http://www.vinhuni.edu.vn>>.
- [67] Nguyễn Hoài Văn (2013), *Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, nâng lên tầm cao mới tư tưởng độc lập tự chủ, hòa bình và hội nhập thế giới - một truyền thống lâu đời của chính trị Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản điện tử, truy cập ngày 18 tháng 11 năm 2013, <<http://www.tapchicongsan.org.vn>>.

PHỤ LỤC

PHIẾU HỎI

Bạn thân mến!

Mình mời bạn tham gia nghiên cứu nhận thức của thanh niên về vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia hiện nay. Đề nghị Bạn đọc kỹ các câu hỏi và các phương án trả lời, sau đó bạn chọn phương án trả lời mà bạn cho là đúng và khoanh tròn vào chữ số tương ứng. Ý kiến của bạn chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu, không vì mục đích nào khác.

Vui lòng điền thông tin cá nhân

Tuổi:

Giới tính:

Trình độ học vấn:

Rất mong nhận được sự hợp tác của các bạn. Trân trọng cảm ơn!

Câu 1: Theo bạn, truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam là gì?

- a. Yêu nước và đoàn kết
- b. Nhân nghĩa và cần cù
- c. Chăm chỉ và hiếu học
- d. Đoàn kết và nhân nghĩa
- e. Tất cả các ý nêu trên

Câu 2: Theo bạn, chủ quyền quốc gia được hiểu như thế nào?

- a. Toàn vẹn lãnh thổ
- b. Bao gồm vùng trời, vùng biển, vùng đất
- c. Là tổng thể chính trị với chủ quyền nội bộ thực sự trên lãnh thổ địa lý và không phụ thuộc hay lệ thuộc vào quyền lực của bất kỳ quốc gia nào khác.
- d. Cả ba ý nêu trên

Câu 3: Bạn có được trang bị những hiểu biết về chủ quyền biển đảo hiện nay thông qua tuyên truyền giáo dục hay tự tìm hiểu không?

- a. Không hiểu biết gì vì không quan tâm
- b. Có hiểu biết không nhiều

- c. Có hiểu biết nhiều nhưng không sâu sắc
- d. Có hiểu biết nhiều và sâu sắc

Câu 4: Bạn hiểu biết về chủ quyền quốc gia thông qua các phương tiện nào?

- a. Tivi, báo, đài
- b. Internet
- c. Bài học trên lớp
- d. Các hoạt động đoàn thể
- e. Nghe mọi người bàn tán
- f. Tất cả những phương tiện trên

Câu 5: Với tình hình tranh chấp biển Đông hiện nay, mức độ quan tâm của bạn về vấn đề này như thế nào?

- a. Rất quan tâm
- b. Thỉnh thoảng
- c. Ít quan tâm
- d. Không quan tâm

Câu 6: Bạn có biết rõ các chủ trương, biện pháp giải quyết tranh chấp biển đảo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay?

- a. Biết rất rõ
- b. Không biết rõ lắm
- c. Biết rất ít
- d. Không quan tâm nên không biết gì

Câu 7: Quan điểm của bạn đối với các chủ trương, biện pháp giải quyết tranh chấp biển đảo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay?

- a. Rất đồng ý
- b. Không đồng ý lắm
- c. Không có ý kiến gì vì không quan tâm
- d. Không đồng ý

Câu 8: Theo quan điểm cá nhân của bạn thì ý thức của thanh niên với vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia hiện nay như thế nào?

- a. Phần lớn có tinh thần trách nhiệm cao và sẵn sàng bảo vệ chủ quyền quốc gia
- b. Chỉ một bộ phận vừa phải (trên dưới 50%) có tinh thần trách nhiệm cao và sẵn sàng bảo vệ chủ quyền quốc gia
- c. Chỉ một bộ phận nhỏ có tinh thần trách nhiệm cao và sẵn sàng bảo vệ chủ quyền quốc gia

d. Phần lớn có tinh thần trách nhiệm thấp và không sẵn sàng bảo vệ chủ quyền quốc gia

Câu 9: Thái độ của bạn trước những hành động phi lý, bất hợp pháp mà Trung Quốc ngang nhiên thực hiện trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam?

- a. Vô cùng phẫn nộ và kiên quyết phản đối
- b. Phẫn nộ và phản đối ở mức vừa phải
- c. Ít phẫn nộ và phản đối
- d. Bàng quan
- e. Không có ý kiến gì

Câu 10: Sẵn sàng làm nghĩa vụ quân sự có phải là biện pháp tốt nhất để bảo vệ chủ quyền biển đảo hay không?

- a. Là biện pháp duy nhất cần thiết
- b. Là biện pháp quan trọng hàng đầu
- c. Chỉ là một trong những biện pháp cần thiết
- d. Để bảo vệ chủ quyền biển đảo, điều quan trọng nhất là xây dựng sức mạnh tổng hợp của quốc gia

Câu 11: Theo bạn, Việt Nam muốn khẳng định chủ quyền biển đảo của mình cần thông qua công cụ nào?

- a. Dựa vào Bằng chứng lịch sử
- b. Dựa vào Luật pháp quốc tế
- c. Dựa vào Luật pháp Việt Nam
- d. Dựa vào thương lượng hòa bình
- e. Dựa vào thương lượng hòa bình trên cơ sở Luật pháp quốc tế và thực lực quốc gia lớn mạnh

Câu 12: Là một thanh niên, theo bạn, bạn phải làm gì để làm tròn trách nhiệm của mình đối với vấn đề bảo vệ chủ quyền quốc gia?

- a. Tích cực tìm hiểu những kiến thức về chủ quyền quốc gia

b. Tích cực tìm hiểu những chủ trương, biện pháp của Đảng và nhà nước về bảo vệ chủ quyền quốc gia

c. Ra sức tuyên truyền những kiến thức về chủ quyền quốc gia và chủ trương, biện pháp của Đảng và nhà nước về bảo vệ chủ quyền quốc gia

d. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ chủ quyền quốc gia

e. Thực hiện tất cả những ý nêu trên

BẢNG XỬ LÝ SỐ LIỆU ĐIỀU TRA*Địa điểm điều tra: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Bách khoa Đà Nẵng và Cao đẳng Giao thông vận tải II*

Trình độ học vấn/ giới tính		SL phiếu	Câu 1					Tỷ lệ % chọn đáp án của câu 1				
			a	b	c	d	e	% chọn a	% chọn b	% chọn c	% chọn d	% chọn e
Đại học	Nam	20	0	0	0	0	20	0	0	0	0	100
	Nữ	20	0	0	0	0	20	0	0	0	0	100
Cao đẳng	Nam	20	0	0	0	0	20	0	0	0	0	100
	Nữ	20	8	0	0	0	12	40	0	0	0	60
TCCN	Nam	12	6	0	0	0	6	50	0	0	0	50
	Nữ	8	0	0	0	0	8	0	0	0	0	100
Tổng		100	14	0	0	0	86	14	0	0	0	86

Trình độ học vấn/ giới tính		SL phiếu	Câu 2				Tỷ lệ % chọn đáp án của câu 2			
			a	b	c	d	% chọn a	% chọn b	% chọn c	% chọn d
Đại học	Nam	20	1	0	1	18	5	0	5	90
	Nữ	20	0	0	5	15	0	0	25	75
Cao đẳng	Nam	20	0	0	2	18	0	0	10	90
	Nữ	20	3	0	1	16	15	0	5	80
TCCN	Nam	12	1	1	2	8	8.33	8.33	16.67	66.67
	Nữ	8	0	0	0	8	0	0	0	100
Tổng		100	5	1	11	83	5	1	11	83

Trình độ học vấn/ giới tính		SL phiếu	Câu 3				Tỷ lệ % chọn đáp án của câu 3			
			a	b	c	d	% chọn a	% chọn b	% chọn c	% chọn d
Đại học	Nam	20	0	8	9	3	0	40	45	15
	Nữ	20	0	6	14	0	0	30	70	0
Cao đẳng	Nam	20	0	1	11	8	0	5	55	40
	Nữ	20	0	4	16	0	0	20	80	0
TCCN	Nam	12	0	8	4	0	0	66.67	33.33	0
	Nữ	8	0	3	5	0	0	37.5	62.5	0
Tổng		100	0	30	59	11	0	30	59	11

Trình độ học vấn/ giới tính		SL phiếu	Câu 4						Tỷ lệ % chọn đáp án của câu 4					
			a	b	c	d	e	f	% chọn a	% chọn b	% chọn c	% chọn d	% chọn e	% chọn f
Đại học	Nam	20	0	1	0	0	0	19	0	5	0	0	0	95
	Nữ	20	3	2	1	0	0	14	15	10	5	0	0	70
Cao đẳng	Nam	20	1	1	0	0	0	18	5	5	0	0	0	90
	Nữ	20	5	1	0	0	0	14	25	5	0	0	0	70
TCCN	Nam	12	1	0	1	0	1	9	8.33	0	8.33	0	8.33	75
	Nữ	8	2	1	0	0	1	4	25	12.5	0	0	12.5	50
Tổng		100	12	6	1	0	2	78	12	6	1	0	2	78

Trình độ học vấn/ giới tính		SL phiếu	Câu 5				Tỷ lệ % chọn đáp án của câu 5			
			a	b	c	d	% chọn a	% chọn b	% chọn c	% chọn d
Đại học	Nam	20	11	9	0	0	55	45	0	0
	Nữ	20	9	9	1	1	45	45	5	5
Cao đẳng	Nam	20	15	4	1	0	75	20	5	0
	Nữ	20	12	7	1	0	60	35	5	0
TCCN	Nam	12	6	3	3	0	50	25	25	0
	Nữ	8	8	0	0	0	100	0	0	0
Tổng		100	61	32	6	1	61	32	6	1

Trình độ học vấn/ giới tính		SL phiếu	Câu 6				Tỷ lệ % chọn đáp án của câu 6			
			a	b	c	d	% chọn a	% chọn b	% chọn c	% chọn d
Đại học	Nam	20	5	13	1	1	25	65	5	5
	Nữ	20	0	10	10	0	0	50	50	0
Cao đẳng	Nam	20	7	8	5	0	35	40	25	0
	Nữ	20	1	14	5	0	5	70	25	0
TCCN	Nam	12	1	6	4	1	8.33	50	33.33	8.33
	Nữ	8	0	2	6	0	0	25	75	0
Tổng		100	14	53	31	2	14	53	31	2

Trình độ học vấn/ giới tính		SL phiếu	Câu 7				Tỷ lệ % chọn đáp án của câu 7			
			a	b	c	d	% chọn a	% chọn b	% chọn c	% chọn d
Đại học	Nam	20	11	6	3	0	55	30	15	0
	Nữ	20	8	9	3	0	40	45	15	0
Cao đẳng	Nam	20	15	5	0	0	75	25	0	0
	Nữ	20	15	4	1	0	75	20	5	0
TCCN	Nam	12	8	1	3	0	66.67	8.33	25	0
	Nữ	8	5	3	0	0	62.5	37.5	0	0
Tổng		100	62	28	10	0	62	28	10	0

Trình độ học vấn/ giới tính		SL phiếu	Câu 8				Tỷ lệ % chọn đáp án của câu 8			
			a	b	c	d	% chọn a	% chọn b	% chọn c	% chọn d
Đại học	Nam	20	6	10	1	3	30	50	5	15
	Nữ	20	7	10	3	0	35	50	15	0
Cao đẳng	Nam	20	11	6	3	0	55	30	15	0
	Nữ	20	7	9	4	0	35	45	20	0
TCCN	Nam	12	5	4	1	2	41.67	33.33	8.33	16.67
	Nữ	8	3	5	0	0	37.5	62.5	0	0
Tổng		100	39	44	12	5	39	44	12	5

Trình độ học vấn/ giới tính		SL phiếu	Câu 9					Tỷ lệ % chọn đáp án của câu 9				
			a	b	c	d	e	% chọn a	% chọn b	% chọn c	% chọn d	% chọn e
Đại học	Nam	20	13	5	0	1	1	65	25	0	5	5
	Nữ	20	14	4	2	0	0	70	20	10	0	0
Cao đẳng	Nam	20	17	2	0	0	1	85	10	0	0	5
	Nữ	20	17	3	0	0	0	85	15	0	0	0
TCCN	Nam	12	7	3	0	1	1	58.33	25	0	8.33	8.33
	Nữ	8	8	0	0	0	0	100	0	0	0	0
Tổng		100	76	17	2	2	3	76	17	2	2	3

Trình độ học vấn/ giới tính		SL phiếu	Câu 10				Tỷ lệ % chọn đáp án của câu 10			
			a	b	c	d	% chọn a	% chọn b	% chọn c	% chọn d
Đại học	Nam	20	0	6	4	10	0	30	20	50
	Nữ	20	0	9	4	7	0	45	20	35
Cao đẳng	Nam	20	1	1	2	16	5	5	10	80
	Nữ	20	0	7	6	7	0	35	30	35
TCCN	Nam	12	1	2	3	6	8.33	16.67	25	50
	Nữ	8	0	5	3	0	0	62.5	37.5	0
Tổng		100	2	30	22	46	2	30	22	46

Trình độ học vấn/ giới tính		SL phiếu	Câu 11					Tỷ lệ % chọn đáp án của câu 11				
			a	b	c	d	e	% chọn a	% chọn b	% chọn c	% chọn d	% chọn e
Đại học	Nam	20	4	2	1	0	13	20	10	5	0	65
	Nữ	20	3	1	0	1	15	15	5	0	5	75
Cao đẳng	Nam	20	11	0	0	0	9	55	0	0	0	45
	Nữ	20	5	3	0	0	12	25	15	0	0	60
TCCN	Nam	12	3	2	1	0	6	25	16.67	8.33	0.00	50
	Nữ	8	5	0	0	0	3	62.5	0	0	0	37.5
Tổng		100	31	8	2	1	58	31	8	2	1	58

Trình độ học vấn/ giới tính		SL phiếu	Câu 12					Tỷ lệ % chọn đáp án của câu 12				
			a	b	c	d	e	% chọn a	% chọn b	% chọn c	% chọn d	% chọn e
Đại học	Nam	20	1	1	2		16	5	5	10	0	80
	Nữ	20	1	1	1	1	16	5	5	5	5	80
Cao đẳng	Nam	20	1	0	1	1	17	5	0	5	5	85
	Nữ	20	0	0	2	2	16	0	0	10	10	80
TCCN	Nam	12	0	0	3	3	6	0	0	25	25	50
	Nữ	8	0	0	1	2	5	0	0	12.5	25	62.5
Tổng		100	3	2	10	9	76	3	2	10	9	76

